



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2021

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2021



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Danh mục đồ thị - bảng	iii
Danh mục các từ viết tắt	iv
Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	vii
Lời tựa của Thống đốc	ix
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	xii
■ Phần I – Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia	3
2. Tổng quan kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	5
2.2. Lao động, thu nhập, năng suất	7
2.3. Diễn biến lạm phát	8
2.4. Thu chi NSNN	10
2.5. Cán cân thanh toán	10
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	12
2.7. Hoạt động của các TCTD	19
■ Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	23
1. Điều hành CSTT	23
2. Quản lý ngoại hối	26
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	28
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	31
5. Công tác pháp chế	32
6. Công tác phát hành kho quỹ	33
7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số	34
8. Hoạt động thông tin tín dụng	38
9. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin	41
■ Phần III – Quản trị nội bộ	42
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	42
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	42
3. Công tác nghiên cứu khoa học	45
4. Công tác thống kê	45
5. Công nghệ thông tin	46

■ Phần IV – Hợp tác quốc tế	48
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	48
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	50
3. Quan hệ hợp tác song phương	54
■ Phụ lục	56
Phụ lục 1: Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố	57
Phụ lục 2: Hoạt động nghiệp vụ thị trường mở	57
Phụ lục 3: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	58
Phụ lục 4: Cán cân thanh toán quốc tế	59
Phụ lục 5: Tỷ giá giữa VND và USD	60
Phụ lục 6: Giá vàng thị trường trong nước	60
Phụ lục 7: Chỉ số giá tiêu dùng	61
Phụ lục 8: Một số chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng	62
Phụ lục 9: Tổng sản phẩm trong nước	62

DANH MỤC ĐỒ THỊ - BẢNG

Danh mục đồ thị

Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP thực và đóng góp của các ngành sản xuất, 2017-2021	5
Đồ thị 2: Diễn biến lạm phát CPI, lạm phát cơ bản, 2017-2021	9
Đồ thị 3: Cán cân thanh toán của Việt Nam, 2017-2021	11
Đồ thị 4: Tăng trưởng các chỉ tiêu tiền tệ, 2017-2021	13
Đồ thị 5: Tăng trưởng huy động vốn, 2020-2021	13
Đồ thị 6: Tỷ trọng huy động vốn theo khối ngân hàng năm 2021	14
Đồ thị 7: Tỷ trọng tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng năm 2021	14
Đồ thị 8: Tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế, 2020-2021	14
Đồ thị 9: Lãi suất huy động và cho vay bình quân, 2017-2021	15
Đồ thị 10: Lãi suất bình quân liên ngân hàng bằng VND, 2017-2021	16
Đồ thị 11: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2021	17
Đồ thị 12: Biến động giao dịch Hệ thống TTĐTLNH, 2017-2021	35
Đồ thị 13: Số lượng hồ sơ khách hàng vay trong kho dữ liệu CIC, 2017-2021	39
Đồ thị 14: Số lượng báo cáo thông tin tín dụng CIC cung cấp cho TCTD, 2017-2021	40

Danh mục bảng

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2021)	19
Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản	20
Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	21
Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD	22

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT	Chính sách tiền tệ
DTBB	Dự trữ bắt buộc
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
Fed	Cục Dự trữ liên bang Mỹ
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTW	Ngân hàng trung ương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QPPL	Quy phạm pháp luật
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
KT - XH	Kinh tế - xã hội
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TTĐTLNH	Thanh toán điện tử liên ngân hàng
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
USD	Đô-la Mỹ
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

☐ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Bà Nguyễn Thị Hồng
Thống đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Thống đốc thường trực



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Thống đốc



Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Thống đốc



Ông Phạm Tiến Dũng
Phó Thống đốc



Ông Phạm Thanh Hà
Phó Thống đốc



Thống đốc
Nguyễn Thị Hồng

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp khiến tiến trình phục hồi kinh tế thế giới bất trắc và gặp nhiều khó khăn. Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng thương mại toàn cầu tiếp tục là lực cản, đẩy giá hàng hóa cơ bản và chi phí logistics tăng cao. Lạm phát tăng cao tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, trong bối cảnh đó, NHTW nhiều nước thu hẹp nới lỏng CSTT, tăng lãi suất để kiểm chế lạm phát và phòng ngừa rủi ro bất ổn tài chính. Đợt bùng phát dịch lần thứ tư tại Việt Nam đã tác động nghiêm trọng đến nhiều mặt đời sống KT-XH, bào mòn sức chống chịu của doanh nghiệp, người dân, tạo áp lực lên hệ thống an sinh - xã hội; thách thức công tác điều hành CSTT của NHNN trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối và hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Trước bối cảnh đó, nhờ chủ động, linh hoạt lường đón tác động tiêu cực của các cú sốc đến nền kinh tế, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngay từ đầu năm, ngành Ngân hàng đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tập trung mọi nguồn lực để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân, góp phần thúc đẩy phục hồi kinh tế. Cụ thể:

Thứ nhất, điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT để điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, cung ứng đủ, kịp thời vốn để hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế. Lãi suất thị trường liên ngân hàng ở mức thấp, tạo điều kiện để TCTD giảm lãi suất cho vay. Nhờ đó, mặc dù bị tác động nghiêm trọng bởi dịch bệnh, nhưng kinh tế vĩ mô vẫn duy trì ổn định, tăng trưởng kinh tế năm 2021 đạt 2,56%, lạm phát CPI bình quân ở mức thấp 1,84%; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo; thị trường tiền tệ, ngoại hối vận hành thông suốt, ổn định.

Thứ hai, duy trì lãi suất điều hành thấp, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường. Sau 03 lần giảm trong năm 2020, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành ở mức thấp trong năm 2021, kết hợp điều tiết thanh khoản thị trường tiền tệ, chỉ đạo TCTD tiếp tục chủ động cân đối khả năng tài chính, triệt để tiết giảm chi phí hoạt động để tập trung mọi nguồn lực giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

Thứ ba, đảm bảo cung ứng vốn tín dụng đầy đủ và kịp thời cho các nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nền kinh tế; linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD nhằm gắn tăng trưởng tín dụng với chất lượng; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều

kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen.

Thứ tư, điều hành tỷ giá linh hoạt, bám sát thị trường, các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT; đồng thời kết hợp đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều tiết thanh khoản VND, chủ động truyền thông, can thiệp mua/bán ngoại tệ với TCTD. Nhờ đó, thị trường ngoại tệ ổn định, thanh khoản thị trường đảm bảo, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời; NHNN mua được ngoại tệ củng cố DTNHNN.

Thứ năm, kịp thời ban hành và triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; cho phép các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng; thực hiện các chương trình tái cấp vốn theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; tái cấp vốn đối với TCTD sau khi TCTD cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam vay...). Đồng thời, NHNN thường xuyên rà soát, điều chỉnh để các biện pháp, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thiết thực, dễ tiếp cận, đi vào đời sống.

Thứ sáu, tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, kết hợp tăng cường công tác thanh tra, giám sát, cảnh báo rủi ro; từ đó nâng cao vai trò trung gian tài chính của hệ thống TCTD trong cung ứng vốn và dịch vụ cho nền kinh tế đi đôi với đảm bảo an toàn hệ thống. Trong bối cảnh dịch COVID-19 tác động tiêu cực tới nền kinh tế, NHNN đã chỉ đạo TCTD đánh giá thực trạng nợ xấu để xây dựng kế hoạch xử lý nợ xấu phù hợp với diễn biến dịch; tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát và hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Nhờ đó, sự ổn định, an toàn của hệ thống TCTD tiếp tục được giữ vững; năng lực tài chính, chất lượng quản trị điều hành từng bước cải thiện, tiệm cận thông lệ quốc tế; thanh khoản hệ thống đảm bảo, chất lượng tín dụng nâng cao, tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát dưới 2%.

Thứ bảy, thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh, chuyển đổi số trong hệ thống ngân hàng được tăng cường thông qua đổi mới, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường an ninh, an toàn và bảo mật hoạt động ngân hàng, phát huy hiệu quả vai trò huyết mạch cung cấp vốn cho nền kinh tế. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho TCTD giảm phí dịch vụ, hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do dịch COVID-19, NHNN tiếp tục kéo dài thời gian áp dụng chính sách giảm phí thanh toán trong nước qua Hệ thống TTĐTLNH, giảm phí khai thác thông tin tín dụng...

Thứ tám, cùng các giải pháp, chính sách nêu trên, NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả và đồng bộ các giải pháp điều hành quản lý thị trường vàng; triển khai quyết liệt cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin; đẩy mạnh công tác truyền thông; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, giám

sát tài chính... Đồng thời, NHNN tiếp tục phát triển, mở rộng quan hệ song phương, đa phương với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2022 là năm đầu tiên Chính phủ triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023, theo đó, nhiệm vụ chính trị đặt ra cho ngành Ngân hàng nói chung và NHNN nói riêng là rất nặng nề, vừa phải chú trọng kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Kế thừa những thành tựu quan trọng và toàn diện trong các năm gần đây và với sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, NHNN và ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn, cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy giao phó, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022 và Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN THỊ HỒNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Vụ Chính sách tiền tệ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện CSTT quốc gia.
<i>Vụ Quản lý ngoại hối</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Thanh toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân và hoạt động ngân hàng số theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Tín dụng các ngành kinh tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Dự báo, thống kê</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Hợp tác quốc tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Vụ Kiểm toán nội bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc NHNN.
<i>Vụ Pháp chế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.
<i>Vụ Tài chính - Kế toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.
<i>Vụ Tổ chức cán bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

<i>Vụ Thi đua - khen thưởng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Truyền thông</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Văn phòng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Công nghệ thông tin</i>	Giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong NHNN.
<i>Cục Phát hành và Kho quỹ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng NHTW về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Quản trị</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
<i>Sở Giao dịch</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ NHTW.
<i>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng</i>	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
<i>Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ NHTW theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Viện Chiến lược ngân hàng

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của NHNN và theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của NHNN và của ngành Ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2021, kinh tế toàn cầu phục hồi nhờ tiến trình phổ quát vắc-xin được đẩy nhanh, tuy nhiên tốc độ phục hồi giữa các quốc gia không đồng đều trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp với nhiều biến chủng mới. Giá hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu thế giới cao nhất trong nhiều năm (trong đó, giá lương thực, thực phẩm đạt mức cao nhất trong 10 năm gần đây; giá dầu WTI bình quân năm 2021 tăng 74,1% so với năm 2020). Thương mại toàn cầu phục hồi do nhu cầu tăng lên, song chuỗi cung ứng vẫn đứt gãy và lưu thông, vận chuyển khó khăn, cùng với xu hướng giá thế giới gia tăng đẩy chi phí sản xuất, lạm phát tăng cao trên toàn cầu. Trên thị trường tài chính, chỉ số USD-Index tăng 6,7%; giá vàng giảm 3,6% so với cuối năm 2020. Các tổ chức quốc tế liên tục điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, NHTW các nước đã nhanh chóng chuyển hướng sang thu hẹp nới lỏng tiền tệ và tăng lãi suất từ nửa cuối năm 2021 nhằm đối phó với rủi ro lạm phát và bất ổn tài chính gia tăng.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của IMF,¹ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2021 ở mức 6% (2020: -3%); lạm phát toàn cầu tăng từ mức 3,2% năm 2020 lên mức 4,7% năm 2021.

Kinh tế Mỹ phục hồi mạnh với mức tăng trưởng 5,7% - cao nhất kể từ năm 1984, đảo chiều ấn tượng so với mức giảm sâu 3,4% năm 2020 nhờ hiệu quả của các gói kích thích kinh tế quy mô lớn và chính sách lãi suất thấp. Thị trường lao động Mỹ cải thiện, tỷ lệ thất nghiệp ở mức 5,4% - mức thấp nhất kể từ đầu đại dịch. Thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa ở mức 12,4% GDP. Nợ công giảm từ mức 134,3% GDP năm 2020 xuống mức 127,8% GDP năm 2021. Lạm phát tăng mạnh, từ mức 1,2% năm 2020 lên mức 4,7% năm 2021.

Kinh tế khu vực đồng Euro phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 5,2% (2020: -6,1%), đạt quy mô như thời điểm

“

Kinh tế thế giới năm 2021 tiếp tục phục hồi nhưng rủi ro lạm phát gia tăng do giá hàng hóa tăng mạnh.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 10/2022, IMF.

trước khi diễn ra đại dịch COVID-19. Trong số các nền kinh tế lớn, kinh tế Pháp đạt mức tăng cao nhất 6,8% (2020: -7,9%); Italy tăng 6,6% (2020: -9%); Tây Ban Nha tăng 5,1% (2020: -10,8%); Đức tăng 2,6% (2020: -3,7%). Nợ công toàn khu vực tăng từ 97,3% GDP năm 2020 lên 97,4% GDP năm 2021. Lạm phát toàn khu vực tăng từ mức 0,26% năm 2020 lên mức 2,6% năm 2021. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực giảm xuống mức 7% (2020: 8,2%) do nhu cầu lao động tăng lên khi kinh tế phục hồi.

Kinh tế Nhật Bản hồi phục và lần đầu tiên tăng trưởng dương trong vòng 3 năm trở lại đây, ở mức 1,7% (2020: -4,6%; 2019: -0,4%) nhờ sự phục hồi mạnh mẽ trong chi tiêu tiêu dùng và kim ngạch xuất khẩu tăng. Nợ công ở mức 263,1% GDP (2020: 259% GDP). Lạm phát ở mức -0,2% (2020: 0%).

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng 6,6% (2020: -1,9%). Khỏi các nước BRICS đều đạt mức tăng trưởng cao/khá, trong đó Trung Quốc tăng trưởng dương năm thứ 2 liên tiếp, đạt mức 8,1% (2020: 2,2%). Các nước Ấn Độ, Nga và Bra-xin lần lượt tăng 8,7%; 4,7% và 4,6% (2020: lần lượt -6,6%; -2,7% và -3,9%). Nhóm các nước ASEAN-5² tăng trưởng 3,4% (2020: -3,4%) trong đó tất cả các nền kinh tế đều có mức tăng trưởng khá (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam lần lượt tăng 3,7%; 3,1%; 5,7%; 1,5% và 2,56%). Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 5,9% (2020: 5,1%).

Thương mại toàn cầu bứt phá mạnh mẽ, tăng 10,1% (2020: -7,8%) trong bối cảnh giá hàng hóa tăng cao, các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa đại dịch COVID-19 được nới lỏng và nhu cầu phục hồi mạnh mẽ nhờ các gói kích thích nền kinh tế.

Đầu tư toàn cầu phục hồi. Vốn FDI toàn cầu tăng 64% từ mức 963 tỷ USD năm 2020 lên mức 1.582 tỷ USD năm 2021, vượt qua mức trước đại dịch COVID-19. Sự phục hồi tập trung chủ yếu ở các nước phát triển với mức tăng vốn FDI mạnh nhất từ trước đến nay (tăng 134% lên gần 746 tỷ USD năm 2021); trong khi các nước đang phát triển phục hồi khiêm tốn hơn (tăng 30% lên gần 837 tỷ USD).

² Gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam.

1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia

Nửa đầu năm 2021, NHTW các nước tiếp tục duy trì CSTT nới lỏng nhằm hỗ trợ đà phục hồi kinh tế trong bối cảnh các biến chủng COVID-19 mới liên tục xuất hiện. Tuy nhiên, kinh tế hồi phục không đồng đều và các “nút thắt” nguồn cung chậm được tháo gỡ khiến lạm phát và rủi ro bất ổn tài chính gia tăng, đặc biệt là tại các nền kinh tế phát triển, kích hoạt xu hướng thu hẹp nới lỏng tiền tệ trong nửa cuối năm 2021. Xu hướng tăng lãi suất được đẩy nhanh từ giữa quý III/2021 với tổng cộng 113 lượt tăng lãi suất và chỉ có 14 lượt hạ lãi suất trên toàn thế giới trong năm 2021. IMF (10/2021) khuyến nghị các quốc gia không để mất thành quả ổn định giá cả đạt được trong những năm qua và cần sẵn sàng hành động nhanh chóng để phản ứng với rủi ro lạm phát khi kinh tế phục hồi nhanh hơn dự kiến.

Đối với các nước phát triển, việc nhanh chóng phổ quát vắc-xin COVID-19 đã thúc đẩy quá trình phục hồi và mở cửa các nền kinh tế phát triển. Nhu cầu tăng lên trong khi nguồn cung vẫn thiếu hụt đã đẩy lạm phát liên tục tăng cao kỷ lục, khiến NHTW các nước phải sớm thu hồi các biện pháp nới lỏng tiền tệ. NHTW Úc, Canada, New Zealand bắt đầu cắt giảm quy mô và chấm dứt các chương trình mua sắm tài sản từ quý II/2021. Fed mặc dù giữ nguyên lãi suất sát 0% nhưng đẩy nhanh cắt giảm quy mô mua sắm tài sản từ mức 15 tỷ USD/tháng trong tháng 11/2021 lên 30 tỷ USD/tháng từ tháng 12/2021 – dự kiến kết thúc chương trình vào tháng 3/2022. ECB giảm quy mô mua tài sản hàng tháng theo Chương trình mua sắm khẩn cấp trong đại dịch (PEPP) từ quý IV/2021. Tháng 12/2021, NHTW Anh trở thành NHTW nhóm G7 đầu tiên tăng lãi suất và dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong năm 2022.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến tiêu cực, NHTW các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục duy trì các biện pháp nới lỏng CSTT nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng thu hẹp nới lỏng CSTT mạnh mẽ tại các nước phát triển đã kích hoạt xu hướng đảo chiều và rút vốn khỏi các thị trường mới nổi trong nửa cuối năm 2021. Trong bối cảnh đó, nhiều NHTW đã tăng lãi suất và thực hiện các



Nhằm ứng phó với lạm phát gia tăng và rủi ro bất ổn tài chính, NHTW các nước đã nhanh chóng chuyển hướng CSTT từ trạng thái “duy trì nới lỏng” trong nửa đầu năm sang “thu hẹp nới lỏng và tăng lãi suất” trong nửa cuối năm.

biện pháp can thiệp nhằm ổn định thị trường, đáng chú ý NHTW Indonesia và Philippines thực hiện mua trực tiếp trái phiếu Chính phủ nhằm tài trợ cho NSNN và đảm bảo sự thông suốt của thị trường trái phiếu. NHTW Trung Quốc giảm tỷ lệ DTBB và giảm lãi suất nhằm hỗ trợ nền kinh tế dưới tác động của chính sách “Zero-COVID” và khủng hoảng trên thị trường bất động sản.

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam

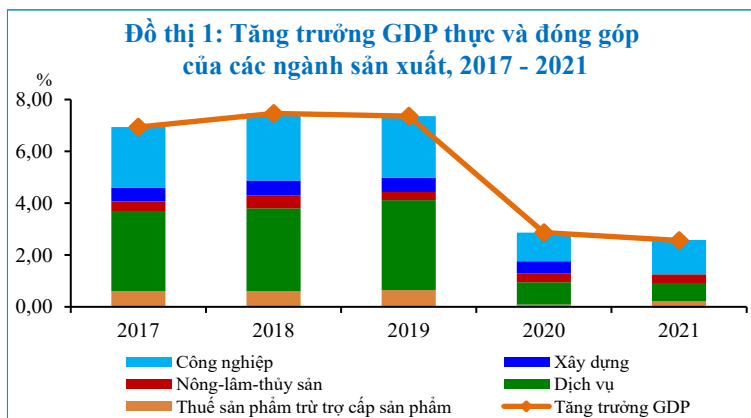
Năm 2021, kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi khi các nước đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng chống dịch COVID-19 nhưng sự xuất hiện các biến chủng mới làm ảnh hưởng đến đà phục hồi kinh tế. Trong nước, năm 2021 là năm có ý nghĩa quan trọng với nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm đầu triển khai các Nghị quyết Đại hội thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030 và các kế hoạch 5 năm 2021–2025, trong khi đó, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các địa phương kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển KT-XH, làm tăng trưởng kinh tế quý III/2021 có mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP theo quý đến nay. Bên cạnh đó, đại dịch đã gây tắc nghẽn chuỗi giá trị toàn cầu làm tăng giá nguyên liệu sản xuất là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách kịp thời để phòng, chống dịch và phát triển KT-XH. Đặc biệt, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 ban hành quy định tạm thời “*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”, cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp. Nhờ đó, nền kinh tế vẫn giữ được mức tăng trưởng, tuy không đạt được mục tiêu đề ra nhưng an sinh xã hội được đảm bảo, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo lĩnh vực kinh tế, khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ có mức tăng thấp hơn cùng kỳ. Riêng khu vực nông - lâm - thủy sản có mức tăng cao hơn cùng kỳ, thể hiện rõ vai trò bệ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch

Nông - lâm - thủy sản tăng 3,27%, cao hơn mức tăng 3,04% của năm 2020 chủ yếu do sự phục hồi mạnh mẽ của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp trong khi ngành thủy sản tăng chậm lại. Ngành nông nghiệp tăng 3,61% (2020: 2,83%) do thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng đạt khá. Ngành lâm nghiệp tăng 4,62% (2020: 1,62%) diện tích trồng rừng tăng do giá gỗ tăng cao. Tuy nhiên, ngành thủy sản tăng chậm lại, ở mức 1,83% (2020: 4,06%) chủ yếu do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ (ngành thủy sản quý III giảm 3,09% so với cùng kỳ).

Công nghiệp tăng 4,47%, cao hơn mức tăng 3,77% năm 2020. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,05% (2020: 4,99%) tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Ngành khai khoáng sụt giảm 7,88% do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Xây dựng giảm 0,34%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 7,15% của năm 2020, trong đó quý III sụt giảm mạnh -9,4% chủ yếu do ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục tăng chậm lại

“

Kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề trong quý III khi biến chứng Delta bùng phát, GDP quý III -6,03% - là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Tuy nhiên, kinh tế đã có sự phục hồi trong quý IV khi tốc độ tiêm vắc-xin được đẩy nhanh, giúp mở cửa trở lại nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2021 đạt 2,56%. Về phía cung, nông-lâm-thủy sản, công nghiệp chế biến chế tạo tăng, tuy nhiên khai khoáng, dịch vụ du lịch, lưu trú, vận tải, kho bãi, bán buôn - bán lẻ... vẫn bị ảnh hưởng lớn. Về phía cầu, tiêu dùng, xuất nhập khẩu đều có sự phục hồi nhưng đầu tư lại tăng chậm lại.

ở mức 3,2% (khu vực Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm lần lượt 2,9% và 1,1%; khu vực ngoài Nhà nước giữ được mức tăng khá 7,2%).

Dịch vụ tăng 1,57% - là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 0,5% so với năm trước, chỉ đóng góp 0,04 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 3,11%, làm giảm 0,17 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,21%, làm giảm 0,46 điểm phần trăm. Ở chiều ngược lại, ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 41,01%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,5%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,08%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm.

Tiêu dùng, xuất nhập khẩu đều có sự phục hồi nhưng đầu tư tăng chậm lại

Tiêu dùng cuối cùng phục hồi ở mức 2,33% sau khi có mức tăng thấp nhất 16 năm trong năm 2020 (0,5%), chủ yếu do sự phục hồi của tiêu dùng tư nhân, tăng 1,95% (2020: 0,38%) mặc dù thu nhập của người dân thấp hơn cùng kỳ. Tiêu dùng Nhà nước tăng 4,66%, cao hơn mức tăng 1,24% năm 2020 do chi thường xuyên tăng 4% (2020: 1,9%).

Tổng tích lũy tài sản tăng 3,96% (2020: 4,11%) tương ứng với việc tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục tăng chậm lại ở mức 3,2%. Trong khi đầu tư khu vực ngoài nhà nước giữ được mức tăng khá 7,2% thì khu vực Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, với mức giảm lần lượt là 2,9% và 1,1%.

Xuất khẩu ròng đóng góp âm vào tăng trưởng kinh tế (-2,08 điểm phần trăm) với sự phục hồi của cả xuất khẩu và nhập khẩu nhưng tốc độ tăng của nhập khẩu nhanh hơn khiến nền kinh có mức nhập siêu cao hơn cùng kỳ. Cụ thể, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng

13,85% (2020: 4,06%), nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,83% (2020: 3,28%). Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, hoạt động xuất nhập khẩu năm 2021 vẫn là điểm sáng của nền kinh tế nhờ kinh tế thế giới hồi phục và nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào sản xuất gia tăng.

2.2. Lao động, thu nhập, năng suất

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,5 triệu người gồm: Lao động nam 27 triệu người, chiếm 53,5%; lao động nữ là 23,5 triệu người, chiếm 46,5%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ước tính là 3,22% (cao nhất là trong quý III: 3,98%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 4,42%, khu vực nông thôn là 2,48% (năm 2020 lần lượt là: 2,48%; 3,88%; 1,75%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2021 ước tính là 8,48%, trong đó khu vực thành thị là 11,91%; khu vực nông thôn là 6,76%. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng cao 3,1% (năm 2020: 2,51%), đặc biệt trong quý III tăng 4,46%.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2021 ước tính đạt 171,3 triệu đồng/lao động (tương đương 7.398 USD/lao động, tăng 538 USD so với năm 2020). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2021 tăng 4,71% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2021 đạt 26,1%, cao hơn mức 25,3% của năm 2020).

Quy mô nền kinh tế năm 2021 đạt 8.479.667 tỷ đồng; GDP bình quân đầu người là 86,1 triệu đồng/người/năm, tương đương 3.717 USD (tăng 165 USD so với năm 2020). Tuy nhiên, thu nhập bình quân 1 người/tháng thấp hơn (thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 6,6 triệu đồng/tháng, giảm 45 nghìn đồng so với năm trước. Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2021, ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 4,2 triệu đồng, giảm 73 nghìn đồng so với năm 2020). Lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được giữ duy trì ở mức 1,49 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2019 theo Nghị

“

Mặc dù tình hình lao động, việc làm có nhiều khởi sắc trong quý IV/2021, nhưng tính chung cả năm 2021, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm vẫn tăng cao, thu nhập của người dân thấp hơn so với năm 2020 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019. Trong giai đoạn 2020-2021, lương tối thiểu vùng không tăng và vẫn tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019; theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, tương ứng 4,42 triệu đồng/tháng; 3,92 triệu đồng/tháng; 3,43 triệu đồng/tháng và 3,07 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

“

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84%, là năm thứ 6 liên tiếp ở mức thấp hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản được duy trì ổn định, bình quân ở mức 0,81%.

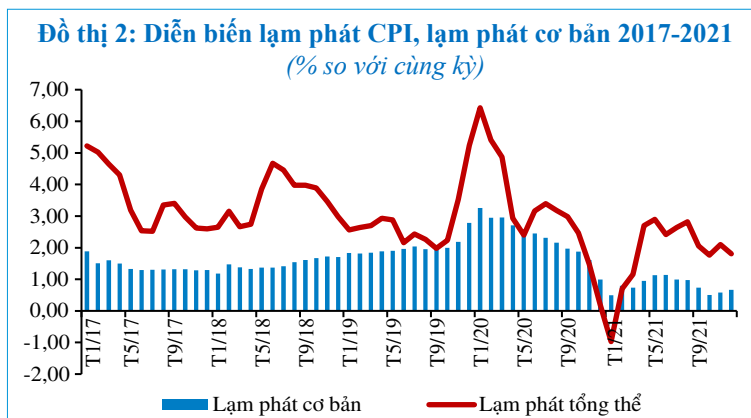
Lạm phát năm 2021 chịu nhiều áp lực từ diễn biến phức tạp của thị trường quốc tế và trong nước. Giá nguyên, nhiên, vật liệu thế giới và cước vận tải tăng cao, cùng với việc nguồn cung gián đoạn, tâm lý tích trữ hàng hóa gia tăng trong điều kiện giãn cách xã hội tại các tỉnh, thành phố thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg³ khiến giá một số nhóm hàng tăng mạnh so với cùng kỳ.⁴ Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 khiến sức cầu tiêu thụ nhiều mặt hàng giảm mạnh, qua đó triệt tiêu đáng kể sức ép gia tăng lạm phát từ các nhóm hàng trên. Lạm phát CPI bình quân cả năm 2021 là 1,84%, phù hợp mục tiêu Quốc hội đề ra. Các yếu tố hỗ trợ kiềm chế lạm phát năm 2021 cụ thể là: (1) Giá các mặt hàng thực phẩm bình quân năm 2021 giảm 0,54% so với cùng kỳ năm 2020 (giá thịt lợn giảm 10,52%, giá thịt gà giảm 0,28%) khiến chỉ số giá nhóm Thực phẩm giảm 0,54%; (2) Chính phủ triển khai các chương trình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch COVID-19 như: hỗ trợ giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong quý IV/2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và trong tháng 8-9/2021 (tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg), tiếp tục hoãn lộ trình tăng giá dịch vụ y tế trong năm 2021; (3) Thị trường hàng hóa trong nước chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch COVID-19 khiến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại bị hạn chế, nhu cầu du lịch, dịch

³ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19.

⁴ Bình quân năm 2021 so với cùng kỳ 2020, giá xăng dầu tăng 31,74% dẫn đến chỉ số giá nhóm Giao thông tăng 10,52%; giá gas tăng 25,89%, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (xi măng, sắt, thép, cát...) tăng 7,03% khiến chỉ số giá nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,76%; giá gạo tăng 5,79% dẫn đến chỉ số giá nhóm Lương thực tăng 5%.

vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ khác đều giảm mạnh (giá vé máy bay giảm 21,15%, giá du lịch trọn gói giảm 2,32%...). Tiêu dùng cuối cùng năm 2021 chỉ tăng 1,43%, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2005 đến nay; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 3,8%; nếu loại trừ yếu tố giá giảm 6,2% (2020: giảm 3%); (4) Với sự quyết tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương trong điều hành thị trường, kiểm soát giá cả, lạm phát, ngăn chặn dịch bệnh, cân đối cung - cầu thị trường hàng hóa trong nước được đảm bảo, mặt bằng giá cả hàng hóa không có biến động lớn; (5) Điều hành CSTT hợp lý, kiên định của NHNN cùng với việc Chính phủ thành công trong kiểm soát lạm phát những năm gần đây đã neo giữ kỳ vọng lạm phát ở mức thấp.

Lạm phát cơ bản ở mức thấp do sức cầu yếu của nền kinh tế, cộng hưởng với đó là sự chậm lại đáng kể của giá Nhà ở thuê và Ăn uống ngoài gia đình.⁵ Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 là 0,81%, cho thấy điều hành CSTT linh hoạt đã đóng góp tích cực giảm áp lực lên lạm phát CPI bình quân trong khi vẫn hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát đã tạo lập nền tảng vững chắc duy trì niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với môi trường kinh doanh, góp phần thu hút đầu tư nước ngoài.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

⁵ Bình quân năm 2021 so với cùng kỳ 2020, giá Nhà ở thuê giảm 1,41% (2020 tăng 1,91%); giá nhóm hàng Ăn uống ngoài gia đình tăng 2,09% (2020 tăng 7,18%). Bên cạnh đó, nhóm hàng Phương tiện đi lại tiếp nối xu hướng giảm giá của năm 2020, bình quân năm 2021 giảm 0,31% (2020 giảm 0,49%).

2.4. Thu chi NSNN



Thu NSNN cao hơn dự toán do hầu hết các khoản thu đều tích cực nhờ sự phục hồi kinh tế từ quý IV/2021, chi NSNN vẫn tăng cao hơn dự toán do Chính phủ vừa phải tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chi cho phát triển KT-XH, vừa phải hỗ trợ nền kinh tế khắc phục khó khăn do đại dịch COVID-19. Tiến độ thu cao hơn tiến độ chi khiến bội chi NSNN được cải thiện so với dự toán.

*Thu NSNN*⁶ tăng 16,8% so với dự toán, đạt khoảng 18,5% GDP (năm 2020: thấp hơn 1,9% so với dự toán và đạt 18,8% GDP). Tiến độ thu NSNN cao do hầu hết các khoản thu đều cao hơn dự toán, đặc biệt là các khoản thu từ dầu thô và thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tăng mạnh so với dự toán. Thu nội địa chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu NSNN (83%) và vượt dự toán 15,1% (năm 2020: vượt dự toán 0,2%). Thu dầu thô vượt dự toán 92,4% (năm 2020: thấp hơn 1,7% so với dự toán). Thu từ xuất nhập khẩu vượt dự toán 20,9% (năm 2020: thấp hơn 14,7% so với dự toán).

Chi NSNN vượt dự toán 3% (năm 2020: thấp hơn 1,5% so với dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt dự toán 8,1% (năm 2020: vượt dự toán 15,5%); chi thường xuyên vượt dự toán 1,7% (năm 2020: thấp hơn 9,2% so với dự toán).

Bội chi NSNN thấp hơn dự toán cả về giá trị tuyệt đối và tương đối, đạt 286.487 tỷ đồng, tương đương 3,41% GDP (năm 2020: đạt 216.406 tỷ đồng, tương đương 3,44% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán



Cán cân thanh toán tổng thể năm 2021 thặng dư năm thứ 6 liên tiếp nhờ kinh tế trong nước giữ được mức tăng trưởng, cán cân thương mại và luồng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục thặng dư, tạo điều kiện thuận lợi tăng DTNHNN.

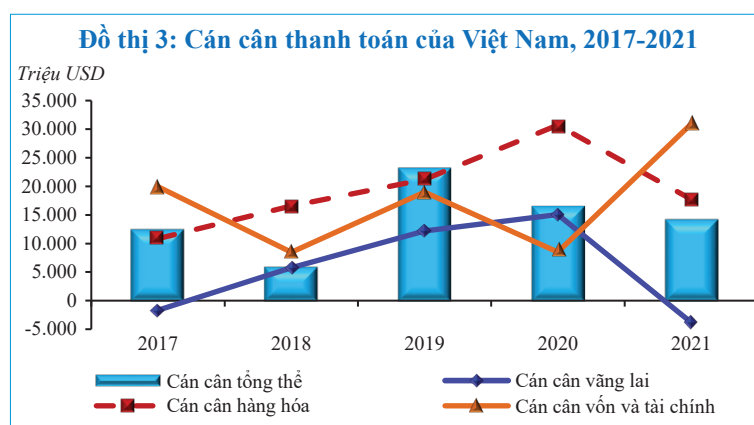
Cán cân thanh toán tổng thể thặng dư 14,3 tỷ USD, là năm thứ 6 liên tiếp thặng dư, tạo nguồn cung ngoại tệ dồi dào trên thị trường ngoại tệ, nhờ đó NHNN mua được ngoại tệ từ các TCTD để tăng DTNHNN.

Cán cân vãng lai chuyển sang thâm hụt 3,8 tỷ USD sau 3 năm liên tiếp thặng dư ở mức cao, chủ yếu do cán cân hàng hóa thu hẹp mức thặng dư và xuất khẩu dịch vụ sụt giảm mạnh do hoạt động du lịch, hàng không tiếp tục bị đóng băng bởi dịch COVID-19. *Cán cân hàng hóa*⁷

⁶ Số liệu NSNN năm 2021 là số ước thực hiện theo Tờ trình số 65/TTr-BTC của Bộ Tài chính trình Thường trực Chính phủ ngày 30/3/2022 về Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2022. Số liệu NSNN năm 2020 theo Báo cáo số 82/BC-CP ngày 22/3/2021 của Chính phủ trình Quốc hội. Trên cơ sở nguồn số liệu về NSNN nêu trên, NHNN tự tính toán tỷ lệ thu NSNN/GDP và chi NSNN/GDP sử dụng GDP đã điều chỉnh do Tổng cục Thống kê công bố. Tỷ lệ bội chi NSNN/GDP do Bộ Tài chính công bố.

⁷ Cán cân hàng hóa là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá FOB.

thặng dư 17,7 tỷ USD, giảm 42,4% so với mức thặng dư năm 2020 (30,7 tỷ USD). *Cán cân thương mại*⁸ thặng dư 4,08 tỷ USD, chỉ bằng 1/5 so với mức thặng dư của năm 2020 (19,9 tỷ USD) trong điều kiện nhập khẩu phục hồi mạnh mẽ và vượt xa tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu. *Cán cân dịch vụ* thâm hụt kỷ lục 15,7 tỷ USD, chủ yếu vẫn do sự sụt giảm mạnh của các nguồn thu xuất khẩu dịch vụ (xuất khẩu dịch vụ năm 2021 giảm 51,7% so với năm 2020, trong khi nhập khẩu dịch vụ tăng 8,5% so với năm 2020). *Cán cân thu nhập* thâm hụt 16,1 tỷ USD, tăng 8,6% so với mức thâm hụt 14,8 tỷ USD của năm 2020. Chuyển giao vãng lai thặng dư 10,3 tỷ USD, tăng 9,2% so với mức thặng dư 9,45 tỷ USD của năm 2020.



Nguồn: NHNN

Cán cân vốn và tài chính thặng dư kỷ lục 30,9 tỷ USD, gấp 3,6 lần mức thặng dư 8,49 tỷ USD của năm 2020 chủ yếu do các doanh nghiệp và TCTD tăng cường vay nợ nước ngoài trong bối cảnh lãi suất trên thị trường quốc tế ở mức thấp kỷ lục. *FDI ròng* đạt 15,36 tỷ USD, giảm nhẹ so với mức 15,42 tỷ USD của năm 2020. *Đầu tư gián tiếp nước ngoài ròng* thặng dư 281 triệu USD, đảo chiều so với mức thâm hụt 1,26 tỷ USD của năm 2020. *Vay nợ nước ngoài* thặng dư 5,44 tỷ USD, tăng mạnh so với mức thặng dư 2,36 tỷ USD của năm 2020, vay nợ nước ngoài tăng ở tất cả các kỳ hạn. *Tiền và tiền gửi* thặng dư 8,06 tỷ USD, đảo chiều so với mức thâm hụt 8,05 tỷ USD của năm 2020.

⁸ Cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá CIF.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ



Tổng phương tiện thanh toán được điều tiết hợp lý. Huy động vốn giảm tốc; tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế và chủ trương, định hướng điều hành CSTT, qua đó góp phần hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.

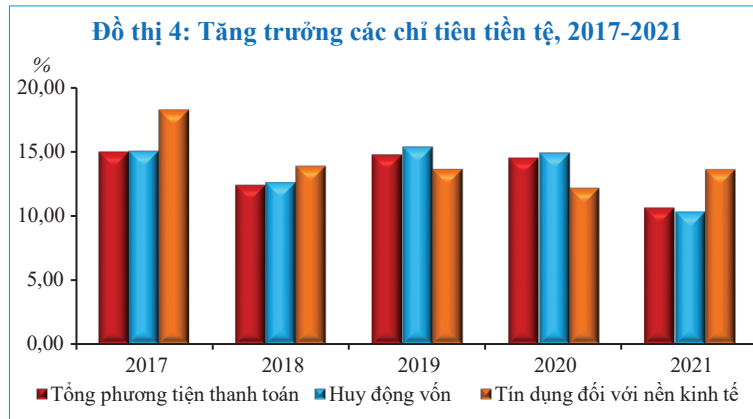
Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nghiêm trọng bởi đại dịch COVID-19 kéo dài sang năm thứ hai liên tiếp, NHNN tiếp tục điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, đảm bảo cung cấp thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, sẵn sàng nguồn vốn hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Theo đó, M2 tăng 10,66% so với cuối năm 2020, thấp hơn mức tăng 14,53% của năm 2020. Nguyên nhân khiến M2 tăng thấp hơn so với năm 2020 chủ yếu là do: (1) Lượng ngoại tệ NHNN mua ròng bổ sung DTNHNN trong năm 2021 thấp hơn đáng kể so với năm 2020, cùng với việc NHNN chuyển sang thực hiện mua ngoại tệ kỳ hạn khiến lượng tiền VND bơm ra đối ứng có độ trễ và không làm M2 tăng nhanh; (2) Chính phủ giảm đi vay tại hệ thống ngân hàng và tăng mạnh gửi tiền tại NHNN trong điều kiện thu NSNN tốt, chi tiêu Chính phủ thấp hơn dự toán và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm do các biện pháp giãn cách xã hội trên quy mô cả nước (năm 2021, vốn NSNN giải ngân đạt 94,94% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn kết quả giải ngân năm 2020 (97,46%);⁹ (3) Tăng trưởng tín dụng - yếu tố chính hỗ trợ vào mức tăng của M2 trong nửa đầu năm, đã chậm lại trong quý III/2021 do ảnh hưởng của làn sóng dịch bệnh thứ 4 (năm 2021 tín dụng tăng trưởng 13,61%, năm 2020 tăng 12,17%). (4) Thu nhập của dân cư và doanh nghiệp bị sụt giảm bởi dịch bệnh, cùng với việc hệ thống ngân hàng duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế, khiến tăng trưởng huy động vốn toàn hệ thống giảm tốc đáng kể so với năm 2020, ở mức 10,3% (năm 2020: 14,9%). Bên cạnh đó, sự phát triển tích cực của các phương tiện TTKDTM trong bối cảnh dịch bệnh cũng đã hạn chế phần nào lượng tiền mặt lưu thông trong nền kinh tế.

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng giảm tốc, đặc biệt huy động vốn ngoại tệ giảm sau khi tăng trưởng 4 năm liên tiếp

Huy động vốn của toàn hệ thống tăng 10,3% so với cuối năm 2020 (2020: 14,9%); trong đó, huy động VND

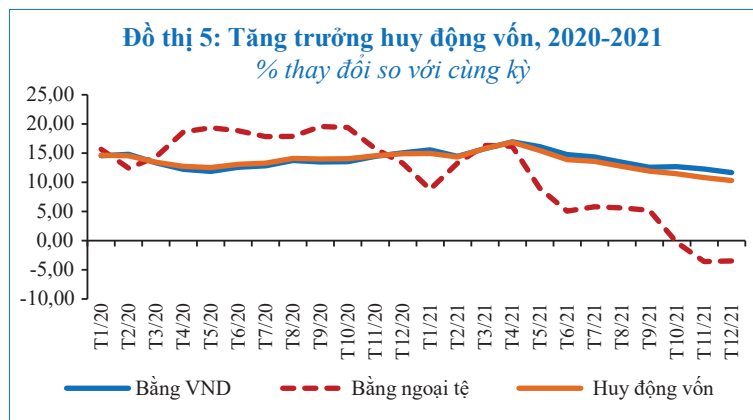
⁹ Số liệu tại Báo cáo số 2156/BC-BKHĐT ngày 01/4/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Chính phủ về Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022.

tăng 11,67% (2020: 15,06%), huy động ngoại tệ giảm 3,5% (2020: 13,27%). Việc huy động vốn ngoại tệ giảm sau khi tăng trưởng 4 năm liên tiếp, theo đó khiến mức độ đô-là hóa xét trên góc độ tiền gửi (tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/M2) giảm từ mức 8% năm 2020 xuống 6,98% trong năm 2021.



Nguồn: NHNN

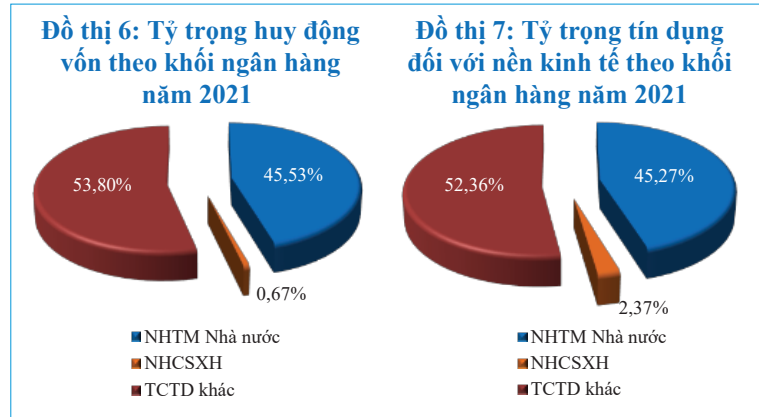
Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước tăng, trong khi nhóm TCTD khác¹⁰ và NHCSXH giảm: huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 45,53% huy động toàn hệ thống (2020: 44,46%); NHCSXH chiếm 0,67% huy động toàn hệ thống (2019: 0,69%); nhóm các TCTD khác chiếm 53,8% (2020: 54,85%).



Nguồn: NHNN

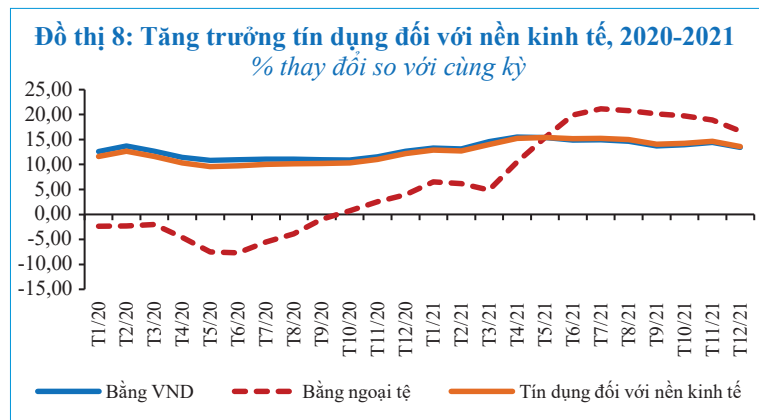
Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế

¹⁰ Gồm NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính), QTDND.



Nguồn: NHNN

Tín dụng đối với nền kinh tế¹¹ tăng 13,61% so với cuối năm 2020 (2020: 12,17%); trong đó, tín dụng VND tăng 13,44%, tín dụng ngoại tệ tăng 16,69%. Khác với diễn biến của tình trạng đô-la hóa trên giác độ tiền gửi, tình trạng đô-la hóa trên giác độ cho vay (tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/M2) có chiều hướng gia tăng từ mức 4,13% năm 2020 lên mức 4,36% trong năm 2021, tuy nhiên vẫn duy trì dưới mức 5%. Tín dụng đối với nền kinh tế tiếp tục được TCTD tập trung phân bổ vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế, qua đó góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.



Nguồn: NHNN

Cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế có xu hướng tăng đối với nhóm TCTD khác trong khi giảm ở nhóm NHTM Nhà nước và NHCSXH: Dư nợ tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 45,27% dư

¹¹ Dư nợ tín dụng không bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

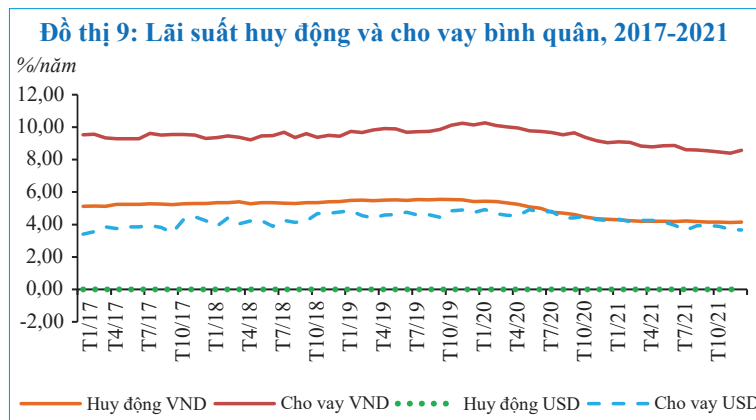
nợ toàn hệ thống (2020: 46,2%); NHCSXH chiếm 2,37% (2020: 2,46%); nhóm các TCTD khác chiếm 52,36% (2020: 51,34%).

Diễn biến lãi suất

Lãi suất VND

Mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay của TCTD có xu hướng giảm, phù hợp với động thái điều hành của NHNN. Đến cuối năm 2021, lãi suất tiền gửi VND bình quân ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 4,2-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng; 5,3-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1-6,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 7,6-9,2%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực khoảng 4,3%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,5%/năm). Theo đó, so với cuối năm 2020, lãi suất tiền gửi bình quân VND giảm khoảng 0,58%/năm; lãi suất cho vay bình quân VND giảm khoảng 0,82%/năm.

Lãi suất USD



Nguồn: NHNN

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của NHNN về hạn chế đô-la hóa nền kinh tế. Đến cuối năm 2021, lãi suất huy động USD của các TCTD ở mức 0%/năm theo quy định của NHNN; lãi suất cho vay USD bình quân đối với



Mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm theo xu hướng điều hành của NHNN để hỗ trợ nền kinh tế.

các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 2,0-3,2%/năm đối với ngắn hạn và ở mức 3,2-4,4%/năm đối với trung và dài hạn.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền bằng VND

“

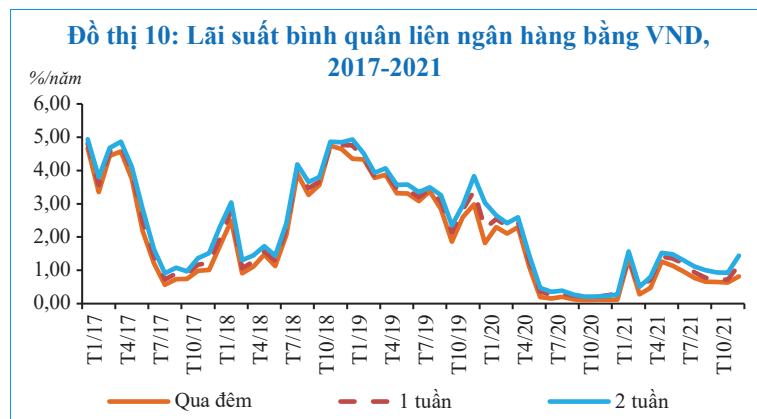
Lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định ở mức thấp, quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng.

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 33.636 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND là 7.872 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 95% và 12% so với năm 2020. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD có quy mô nhỏ hơn, doanh số đạt 858 nghìn tỷ đồng trong năm 2021, tăng 14% so với năm 2020.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2021 tiếp tục chủ yếu dưới 1 tháng, tập trung vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 26.130 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 5.469 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 77% và 69% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định ở mức thấp

So với mặt bằng chung các năm gần đây, lãi suất liên ngân hàng năm 2021 tương đối ổn định ở mức thấp, do thanh khoản hệ thống dồi dào nhờ kế thừa trạng thái thanh khoản tốt từ cuối năm 2020 và hệ thống tiếp tục được bổ sung thêm nguồn VND từ việc TCTD bán ngoại tệ cho NHNN. Tính bình quân cả năm, lãi suất VND kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lần lượt ở mức 0,76%/năm, 0,93%/năm và 1,07%/năm.



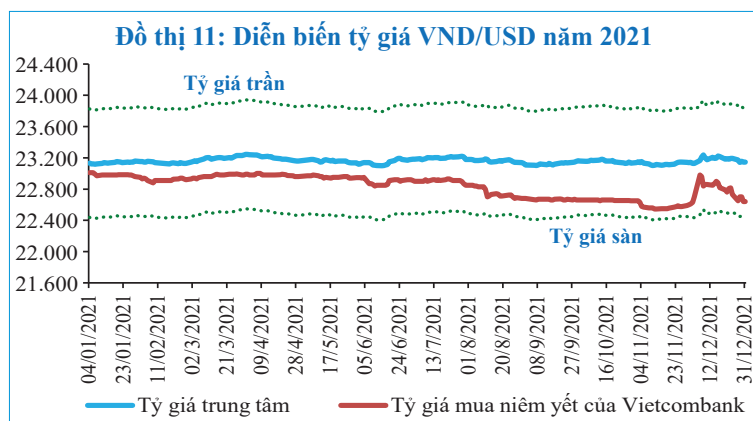
Nguồn: NHNN

Diễn biến thị trường ngoại tệ

Từ đầu năm 2021, NHNN thực hiện phương án mua ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng, giảm tần suất can thiệp và hạ dần tỷ giá mua kỳ hạn, tạo điều kiện để tỷ giá diễn biến linh hoạt hơn trong khi vẫn hấp thu nguồn cung ngoại tệ dồi dào trên thị trường, đảm bảo thị trường ngoại tệ vận hành thông suốt. Sau khi diễn biến tương đối ổn định trong hơn 7 tháng đầu năm, từ ngày 11/8/2021, tỷ giá trong nước có xu hướng giảm khi NHNN chủ động dừng mua ngoại tệ kỳ hạn, thực hiện mua ngoại tệ giao ngay và hạ dần tỷ giá mua ngoại tệ để phù hợp với điều kiện thị trường, đồng thời hỗ trợ thanh khoản VND trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp. Trong những ngày đầu tháng 12/2021, tỷ giá giao dịch trên thị trường có xu hướng tăng nhanh do cân đối cung cầu ngoại tệ kém thuận lợi và thị trường điều chỉnh kỳ vọng về lộ trình thu hẹp CSTT của Fed. Tuy nhiên, sau khi NHNN niêm yết tỷ giá bán can thiệp ở mức 23.150 VND/USD (ngày 08/12/2021), sẵn sàng bán ngoại tệ để hỗ trợ thanh khoản và ổn định thị trường, tỷ giá giao dịch thị trường liên ngân hàng có xu hướng giảm trở lại. Đến cuối năm 2021, tỷ giá trung tâm tăng 0,06% so với cuối năm 2020, tỷ giá giao dịch VND/USD trên thị trường liên ngân hàng giảm 1,32% so với cuối năm 2020. Thị trường ngoại tệ ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu mua, bán ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung DTNHNN.

“

Một số giai đoạn chịu áp lực từ biến động trên thị trường quốc tế, tuy nhiên nhìn chung thị trường ngoại tệ trong nước ổn định nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc và các giải pháp điều hành CSTT chủ động, linh hoạt của NHNN.



Nguồn: NHNN

Thị trường ngoại tệ được duy trì ổn định là nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước vững chắc, cung cầu ngoại

tệ thuận lợi; cơ chế tỷ giá trung tâm tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc tạo điều kiện cho tỷ giá thị trường diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường, hỗ trợ hấp thu các cú sốc bên ngoài đối với nền kinh tế và hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ.

Diễn biến giá vàng

Năm 2021, giá vàng miếng trong nước biến động theo diễn biến giá vàng quốc tế; ngoại trừ giai đoạn từ tháng 6-9/2021, giá vàng trong nước hầu như không thay đổi, duy trì quanh mức 57 triệu đồng/lượng do hầu hết cửa hàng vàng đóng cửa theo quy định về giãn cách xã hội trong khi giá vàng quốc tế giảm mạnh khiến chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế tăng cao. Từ tháng 10/2021, các tỉnh, thành phố trong cả nước bắt đầu mở cửa trở lại, giá vàng trong nước tăng theo giá vàng quốc tế. Đến ngày 31/12/2021, giá vàng trong nước giao dịch mức 61,25 triệu đồng/lượng, tăng khoảng 9% so với đầu năm 2021; chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế duy trì ở mức 10,7 triệu đồng/lượng.

Thị trường chứng khoán

Năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chỉ số VN-Index ở mức thấp nhất 1.023,94 điểm vào ngày 28/01/2021 (giảm 7,24% so với cuối 2020). Sau đó, thị trường phục hồi trong thời gian còn lại của năm và liên tục chinh phục những đỉnh cao mới, chỉ số VN-Index đạt mức 1.500,81 điểm vào ngày 25/11/2021, cao nhất trong 21 năm hoạt động. Giá trị vốn hóa cổ phiếu trên cả 3 thị trường (HOSE, HNX, UPCOM) đạt khoảng 7,76 triệu tỷ đồng, tương đương 125% GDP (2020: 87,7% GDP). Trong năm 2021, giá trị giao dịch bình quân/phiên giao dịch trên sàn HOSE và HNX lần lượt đạt 19.539 và 2.798 tỷ đồng, tăng tương ứng 204,1% và 288,1% so với năm 2020¹². Trong năm 2021, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng cổ phiếu hơn 62.431 tỷ đồng (năm 2020: bán ròng hơn 19.721 tỷ đồng)¹³.

¹² Số liệu giá trị vốn hóa thị trường và giá trị giao dịch bình quân/phiên được tính toán dựa trên số liệu công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

¹³ Số liệu báo cáo Thông tin thị trường kỳ tháng 12/2020 và tháng 12/2021 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

“

Giá vàng trong nước biến động theo diễn biến giá vàng quốc tế, ngoại trừ thời điểm cả nước thực hiện giãn cách xã hội.

“

Thị trường chứng khoán Việt Nam đạt được những kết quả ấn tượng và liên tục chinh phục những đỉnh cao mới trong năm 2021.

2.7. Hoạt động của các TCTD

**Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam
(đến 31/12/2021)**

STT	Loại hình TCTD	2020	2021
1	NHTM Nhà nước	4	4
2	Ngân hàng mua bắt buộc	3	3
3	NHCSXH	1	1
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1	1
5	NHTMCP	28	28
6	Ngân hàng liên doanh	2	2
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
8	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	50	51
9	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	26	26
10	Ngân hàng Hợp tác xã	1	1
11	QTDND	1.181	1.181
12	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

Đến cuối năm 2021, hệ thống TCTD gồm 04 NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 NHTM mua bắt buộc; 01 NHCSXH; 01 Ngân hàng Phát triển; 28 NHTMCP; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 Ngân hàng Hợp tác xã; 1.181 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô.

Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tiếp tục tăng

Năm 2021, năng lực tài chính của hệ thống TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tăng; các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh góp phần duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2%; năng lực quản trị điều hành, quản lý rủi ro của TCTD từng bước được nâng cao, tiệm cận thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện của thị trường Việt Nam; thanh khoản hệ thống duy trì ổn định, các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn được TCTD chấp hành nghiêm túc; kết quả kinh doanh của các TCTD tiếp tục được cải thiện. Đến cuối năm 2021, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 15,96 triệu tỷ đồng, tăng 13,85% so với cuối năm 2020; tổng vốn điều



Các TCTD tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành; cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế. Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao.

lệ toàn hệ thống đạt 775,8 nghìn tỷ đồng, tăng 17,44% so với cuối năm 2020.

Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản

Loại hình TCTD	Tổng tài sản có		Vốn điều lệ		Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (%)	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHTM Nhà nước	6.451.584	11,39	180.078	15,98	27,16	81,13
NHCSXH	259.606	10,03	19.023	4,12		
NHTMCP	7.152.208	18,16	393.604	24,11	26,31	70,22
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1.629.531	7,02	138.570	5,55		41,50
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	260.177	13,59	35.877	17,41	37,03	
Ngân hàng Hợp tác xã	49.168	12,57	3.030	0,00	13,43	52,50
QTDND	158.833	10,92	5.659	11,96		
Toàn hệ thống	15.961.107	13,85	775.840	17,44	23,97	72,11

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2021 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Tổ chức tài chính vi mô);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Số liệu cột (6), (7) không bao gồm NHCSXH và QTDND (không thuộc đối tượng báo cáo);
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài không có giá trị do khối này không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn.

Đến cuối năm 2021, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 1,21% và 14,65% (năm 2010 lần lượt là 0,98% và 12,24%). Tỷ lệ CAR của nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN là 11,51%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN là 10,12%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN là 19,31%. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản bình quân đạt 17,95%;

hầu hết các TCTD đạt các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật.¹⁴

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

STT	Loại hình TCTD	Vốn tự có		Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)
		Tỷ đồng	± %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN	1.195.377	36,9	11,51
1.1	NHTM Nhà nước	366.909	73,6	8,96
1.2	NHTM cổ phần	609.910	33,1	11,88
1.3	Ngân hàng nước ngoài	218.588	7,6	18,99
2	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN	180.566	-36,2	10,12
2.1	NHTM Nhà nước	110.417	-48,0	10,21
2.2	NHTM cổ phần	59.361	0,2	9,20
2.3	Ngân hàng nước ngoài	8.048	11,0	25,65
2.4	Ngân hàng Hợp tác xã	2.740	-33,9	10,71
3.	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN	51.481	17,32	19,31
3.1	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	51.481	17,32	19,31

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo thống kê tháng 12/2021 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm tổ chức tài chính vi mô);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Vốn tự có, tỷ lệ CAR đã loại bỏ các TCTD có Vốn tự có âm;

Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Rủi ro tín dụng: Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 tác động tiêu cực tới nền kinh tế trong nước, làm suy giảm năng lực tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp,

¹⁴ Ngoại trừ một số TCTD yếu kém đang trong quá trình triển khai cơ cấu lại.

NHNN đã chỉ đạo TCTD triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng và duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD ở mức an toàn dưới 2%. Trong năm 2021, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 151,95 nghìn tỷ đồng nợ xấu, trong đó TCTD sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý chiếm tỷ lệ 47,1%, khách hàng trả nợ chiếm 30,2% và bán cho VAMC chiếm 12,6%. Về số liệu xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội, lũy kế từ ngày 15/8/2017 đến cuối tháng 12/2021, cả hệ thống TCTD đã xử lý được 380,2 nghìn tỷ đồng nợ xấu.

Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD

Đơn vị: %

Loại hình TCTD	ROA	ROE
NHTM Nhà nước	0,89	15,84
NHCSXH	0,47	2,60
NHTM cổ phần	1,65	19,13
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	0,66	4,83
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	1,56	8,12
Ngân hàng Hợp tác xã	0,36	4,37
QTDND	0,82	12,48
Toàn hệ thống	1,21	14,65

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu theo Báo cáo tài chính năm 2021 (chưa kiểm toán);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Loại bỏ các TCTD có Vốn chủ sở hữu âm khi tính ROA, ROE.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, NHNN ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 đề ra mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2021: “*Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2021 bình quân khoảng 4%, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2021, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12%; mức tăng trưởng tín dụng khoảng 12% và sẽ được điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên. Kiểm soát chặt tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh*”.

1. Điều hành CSTT

Điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, sẵn sàng nguồn vốn hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, diễn biến thị trường tiền tệ và tình hình vốn khả dụng của TCTD, NHNN điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, chủ động ứng phó đại dịch COVID-19 và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Theo đó, NHNN thực hiện chào mua có kỳ hạn giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày với lãi suất chào mua ở mức 2,5%/năm, phương thức đấu thầu khối lượng, công bố khối lượng và lãi suất để phát tín hiệu ổn định thị trường tiền tệ. Khối lượng và thời hạn chào mua được điều chỉnh phù hợp, vào một số ngày giáp Tết Nguyên đán Tân Sửu, NHNN chủ động tăng khối lượng chào mua giấy tờ có giá để hỗ trợ thanh khoản cho TCTD nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, tiền mặt của dân cư và các tổ chức kinh tế,

“

Điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT để kiểm soát lạm phát, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì thị trường tiền tệ ổn định.

ổn định thị trường tiền tệ. Đồng thời, từ ngày 15/11/2021, NHNN điều chỉnh linh hoạt thời hạn chào mua lên đến 91 ngày, để phát tín hiệu hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Giữ nguyên các mức lãi suất điều hành

Sau 03 lần điều chỉnh giảm trong năm 2020, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong năm 2021, nhằm tạo điều kiện giảm chi phí vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm tối đa các loại chi phí, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay cũ và các khoản cho vay mới nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc VND và ngoại tệ

Tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ DTBB được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục tái cấp vốn phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn được điều hành phù hợp với chủ trương của Chính phủ, mục tiêu điều hành của NHNN và nhu cầu vốn của TCTD. Theo đó, trong bối cảnh dịch COVID-19 còn nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến KT-XH trong nước, thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, NHNN tiếp tục tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc đối với người lao động theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg¹⁵ thực hiện tái cấp vốn đối với

¹⁵ Chương trình được triển khai từ năm 2020 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020) và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020).

NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg;¹⁶ tái cấp vốn đối với TCTD sau khi TCTD cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay.¹⁷

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, giữ ổn định thị trường ngoại tệ

Năm 2021, NHNN điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT, cụ thể: **(1)** Tiếp tục thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT; **(2)** Thực hiện linh hoạt các biện pháp can thiệp thị trường (bao gồm cả can thiệp giao ngay và kỳ hạn) để ổn định thị trường ngoại tệ. Trong những giai đoạn nguồn cung ngoại tệ dồi dào, NHNN chủ động, linh hoạt mua ngoại tệ từ các TCTD giúp chuyển hoá thành VND để hỗ trợ phát triển kinh tế, đảm bảo hoạt động thông suốt của thị trường ngoại tệ; đồng thời, củng cố DTNHNN, tăng cường an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia. Trong những giai đoạn tỷ giá chịu nhiều áp lực, NHNN kịp thời thực hiện truyền thông, đưa ra phương án bán can thiệp phù hợp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp để hỗ trợ thanh khoản và ổn định thị trường; **(3)** Kết hợp đồng bộ và linh hoạt các giải pháp, công cụ khác (điều tiết thanh khoản, lãi suất VND...).

Điều hành tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, đáp ứng đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19

¹⁶ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

¹⁷ Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV. Các Nghị quyết của Chính phủ (số 24/NQ-CP ngày 29/7/2020; số 44/NQ-CP ngày 17/12/2020; số 194/NQ-CP ngày 31/12/2020) về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2021 được Quốc hội và Chính phủ đề ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng và có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Theo đó, NHNN triển khai các giải pháp kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng năm 2021 gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Chỉ đạo các TCTD triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen như: đổi mới, cải thiện quy trình, thủ tục cho vay; đa dạng các chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng, ngành kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong bối cảnh dịch bệnh; rà soát, cắt giảm nhiều loại phí cho khách hàng... Đồng thời, tiếp tục triển khai có hiệu quả các hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp trên toàn quốc, khảo sát thực địa, tiếp nhận và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.

2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng

NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngoại hối và đổi mới hệ thống văn bản QPPL phù hợp với các điều kiện thực tế, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền tiếp cận các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, trong năm 2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 15/2021/TT-NHNN ngày 30/9/2021,¹⁸ trong đó sửa đổi, bổ sung một số điều về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, tạo cơ sở pháp lý cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể thực hiện thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức,



Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý DTNHNN, quản lý thị trường vàng tiếp tục được thực hiện hiệu quả.

¹⁸ Thông tư số 15/2021/TT-NHNN ngày 30/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.



mỹ nghệ trên hệ thống một cửa quốc gia, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, thời gian. Bên cạnh đó, Thông tư này cũng đã bãi bỏ 01 thủ tục hành chính và đơn giản hóa một số quy định về hồ sơ, thủ tục đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Nhờ đó, năm 2021, mặc dù giá vàng quốc tế diễn biến phức tạp, giá vàng trong nước tăng nhưng thị trường vàng trong nước diễn biến tương đối ổn định, không có hiện tượng đầu cơ, làm giá, sức hấp dẫn của vàng miếng giảm. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa nền kinh tế tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển KT-XH.

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời NHNN tiếp tục triển khai các chính sách hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện chủ trương hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng đô-la hóa, tăng niềm tin của người dân vào VND. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối, góp phần phát triển kinh tế trong nước, cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng DTNHNN. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông thoáng thông qua các chính sách quản lý thu đổi ngoại tệ, chính sách kiều hối, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của các TCTD được phép với cá nhân, quy định kết hối, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...

Quản lý các giao dịch vốn

Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện theo hướng tạo thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài chặt chẽ, thận trọng, vừa hỗ trợ nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội đầu tư ra nước ngoài, song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước.

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, nhất quán với mục tiêu quản lý nợ nước ngoài của quốc gia, đảm bảo hạn mức vay trả nợ nước ngoài ròng của doanh nghiệp tự vay tự trả luôn nằm trong hạn mức vay nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, NHNN cũng đã phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2021 nhằm kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp có cơ hội bổ sung nguồn vốn để phục hồi sản xuất kinh doanh.

Quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước

NHNN tiếp tục thực hiện mục tiêu tăng DTNHNN khi điều kiện thị trường thuận lợi thông qua điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT; thực hiện các giải pháp ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ phù hợp với mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô và CSTT; triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thị trường ngoại hối. Nhờ đó, NHNN tiếp tục mua được ngoại tệ bổ sung DTNHNN, tạo nguồn can thiệp khi cần thiết.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, giám sát

Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra toàn diện pháp nhân, kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới tập trung hiệu quả nguồn lực thanh tra vào các đối tượng, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, dễ phát sinh tiêu cực và sai phạm nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các vi phạm của TCTD. Năm 2021, NHNN đã thực hiện 1.067 cuộc thanh tra, kiểm tra; ban hành 157 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân với tổng số tiền phạt 12,2 tỷ đồng.

Công tác giám sát đổi mới theo hướng: (1) Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát an toàn vi mô và an toàn vĩ mô trên cơ sở triển khai các công cụ, phương pháp giám sát rủi ro mới gắn liền với đẩy mạnh vận hành, ứng dụng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu về hoạt động của hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (2) Nâng cao khả năng phát hiện, phân tích, cảnh báo sớm và đề xuất các biện pháp phòng ngừa rủi



NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

ro, khủng hoảng nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định của hệ thống tiền tệ, tài chính, ngân hàng và ngăn ngừa rủi ro vi phạm pháp luật ngành Ngân hàng của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (3) Phối hợp chặt chẽ giữa công tác giám sát với công tác thanh tra, cấp phép và ban hành chế độ, chính sách.

Trên cơ sở kết quả thanh tra, giám sát, NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh/đại lý bảo hiểm; chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn; đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội; cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, bất động sản; chấn chỉnh hoạt động cho vay tiêu dùng của các công ty tài chính; bảo đảm an toàn trong hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán,...

Công tác quản lý cấp phép

Năm 2021, NHNN đã cấp giấy phép thành lập 01 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, xử lý các hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập mới chi nhánh ngân hàng nước ngoài của các TCTD nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong việc triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng như tổng kết tình hình thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;¹⁹ xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn tiếp theo; bảo vệ để thông qua kết quả đánh giá đa phương của Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố của Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng bộ hồ sơ, trình các cấp sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống rửa tiền...

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục tập trung thu thập, xử lý thông tin báo cáo theo quy định của pháp luật, chuyển

¹⁹ Quyết định số 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014; Quyết định số 474/QĐ-TTg ngày 30/4/2019.

giao thông tin giao dịch đáng ngờ, trao đổi và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài nước; đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tài chính – tiền tệ quốc gia và an toàn của hệ thống ngân hàng.

Tình hình triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (Đề án 1058) và việc nghiên cứu, xây dựng Đề án trong giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Bám sát mục tiêu, định hướng nêu tại Đề án 1058 và Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội, NHNN tiếp tục giám sát chặt chẽ các TCTD trong việc triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt để yêu cầu rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động, khắc phục các tồn tại, yếu kém; kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện phương án; đồng thời, theo dõi, giám sát tình hình xử lý nợ xấu cũng như kiểm soát chất lượng tín dụng của từng TCTD. Nhờ vậy, hoạt động của hệ thống TCTD tiếp tục được duy trì an toàn, ổn định. Quy mô hệ thống TCTD tiếp tục tăng trưởng bền vững, năng lực tài chính của TCTD được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm, tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát dưới 2%, TCTD nâng cao nhận thức và chú trọng hơn trong quản trị rủi ro, tăng cường minh bạch thông tin hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, để tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các TCTD, tập trung xử lý các TCTD yếu kém, đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính của TCTD, trong năm 2021, NHNN đã phối hợp với các bộ, ngành tổng kết việc thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và nghiên cứu, xây dựng Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu trong giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở chỉ đạo của



Đảng, Chính phủ và ý kiến góp ý của các bộ, ngành liên quan, NHNN sẽ hoàn thiện Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, triển khai trong thời gian tới.

Triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Trên cơ sở Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn). Đến cuối tháng 12/2021, có 81 TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN²⁰ và 12 NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm một số NHTM được phê duyệt phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020) đã có văn bản báo cáo sẽ áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN chậm nhất từ thời điểm 01/01/2023. Ngoài ra, NHNN đã phối hợp với các chuyên gia tư vấn của Dự án tăng cường năng lực thanh tra, giám sát ngân hàng (BRASS) xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện Công cụ Compliance Monitoring Dashboard (Công cụ CMD) để hỗ trợ theo dõi, giám sát việc thực hiện Basel II của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016); cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi diễn biến các chỉ số ổn định tài chính, phân tích, đánh giá rủi ro tác động đến ổn định tài chính; thực hiện khảo sát rủi ro hệ thống tài chính; kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng trước các cú sốc bên ngoài, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; thực hiện báo cáo chuyên đề, khảo sát thực trạng áp dụng và nhu cầu phát triển công nghệ phục vụ tuân thủ (RegTech) của TCTD; hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá an toàn, ổn định



NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, từng bước hoàn thiện khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô tạo cơ sở pháp lý giúp ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

²⁰ Kienlongbank, Pgbank đã báo cáo tỷ lệ an toàn vốn theo mẫu biểu của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN; tuy nhiên, 02 ngân hàng này vẫn đang tiếp tục thực hiện rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đầu vào để đảm bảo thực hiện đầy đủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

thị trường tiền tệ tài chính và thí điểm phân tích, đánh giá căng thẳng và tổn thương tài chính bằng bộ chỉ số này. Đồng thời, thực hiện kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng về Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chủ trương, chính sách của Chính phủ về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong năm 2021, NHNN đã hoàn thiện Báo cáo chuyên đề đánh giá “*Tác động của tài chính số đối với tài chính toàn diện trong bối cảnh đại dịch COVID-19: Kinh nghiệm các nước và gợi ý chính sách quản lý tài chính số cho Việt Nam*”; báo cáo nghiên cứu về khuôn khổ ổn định tài chính và khuôn pháp lý cho hoạt động giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống tài chính ngân hàng trước bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

Năm 2021, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng. Theo đó, NHNN đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, trình cấp có thẩm quyền ban hành 32 văn bản QPPL bao gồm 02 nghị định của Chính phủ, 02 quyết định Thủ tướng Chính phủ, 28 thông tư, tạo cơ sở pháp lý cho việc: (1) Triển khai các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Chính phủ; (2) Tăng cường, nâng cao hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (3) Hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của TCTD; (4) Điều chỉnh hoạt động ngoại hối, vàng, thanh toán... Đồng thời, trong năm 2021, NHNN đã tổng kết Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD và Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ. NHNN đề xuất Chính phủ đề xuất Quốc hội theo 02 phương án: (i) Xây dựng Luật Xử lý nợ xấu theo thủ tục rút gọn hoặc (ii) Kéo dài thời hạn hiệu lực của Nghị quyết số 42/2017/QH14.

Các văn bản QPPL ban hành trong năm 2021 đã hoàn thiện hệ thống pháp luật ngành Ngân hàng, tạo cơ sở triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; góp phần tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền



Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng.

tệ, ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho NHNN điều hành CSTT, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật ngân hàng

Năm 2021, NHNN đã thực hiện kiểm tra, xử lý 41 văn bản QPPL; rà soát và công bố 19 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 29 văn bản hết hiệu lực một phần.

Công tác thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai: (1) Thường xuyên cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản QPPL mới được ban hành (16 nghị định, 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ); tổng kết, rà soát tình hình thực hiện 10 luật, 01 pháp lệnh, 02 nghị quyết, 01 đề án và 09 nghị định; (2) Theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề để đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn thi hành hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Năm 2021, công tác điều hòa, điều chuyển tiền mặt của NHNN gặp nhiều khó khăn trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện giãn cách trong thời gian dài. Trên cơ sở dự báo nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế, nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thu hồi, NHNN xây dựng kế hoạch in tiền năm 2021, qua đó, duy trì dự trữ trong toàn hệ thống ở mức an toàn, hiệu quả. Đồng thời, căn cứ tình hình thu, chi, tồn quỹ, NHNN chủ động trong công tác điều hòa tiền mặt, kịp thời đáp ứng nhu cầu cho các địa phương về giá trị và cơ cấu mệnh giá cả trong thời điểm nhu cầu tăng cao dịp Tết Nguyên đán. Tại địa phương, công tác cung ứng tiền mặt cho TCTD, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn được NHNN chi nhánh thực hiện tốt, không xảy ra tình trạng khát, hoãn chi tiền mặt khi khách hàng có nhu cầu; phục vụ kịp thời nhu cầu tiền mặt cho phát triển KT-XH của địa phương. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác thu, đổi, tuyển chọn tiền không

“

Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ.

đủ tiêu chuẩn lưu thông, yêu cầu các đơn vị trong toàn ngành chú trọng hơn nữa việc kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng đồng tiền trong lưu thông. Kết quả, lượng tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thu hồi về hệ thống NHNN cả năm 2021 tăng 16% so với năm 2020.

Công tác an toàn kho quỹ

Năm 2021, NHNN tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kho quỹ và đảm bảo cho các quy định phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn, trong đó ban hành Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá. Tăng cường kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, TCTD đảm bảo an toàn trong hoạt động tiền tệ kho quỹ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường tính kỷ luật, kỷ cương trong điều hành, chấp hành quy định về an toàn kho quỹ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN, kiểm tra nội bộ của TCTD, có chế tài xử lý cụ thể đối với các sai phạm.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

NHNN kịp thời phân tích, giám định và thông tin, cảnh báo kịp thời các loại tiền giả mới xuất hiện; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trao đổi thông tin, tập huấn nghiệp vụ phân biệt tiền thật/tiền giả; trình Chính phủ phê duyệt xây dựng Nghị định về phòng, chống tiền giả vào bảo vệ tiền Việt Nam nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý và tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan.

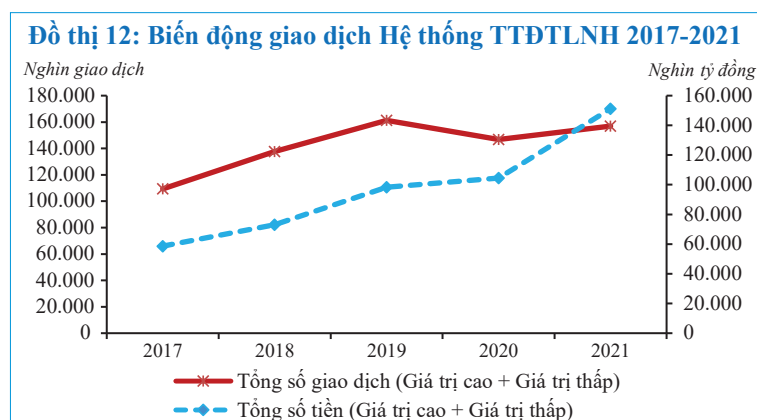
7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống TTĐTLNH

Hệ thống TTĐTLNH hoạt động ổn định; quy mô, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch ngày càng tăng; đáp ứng được nhu cầu thanh toán, chuyển tiền của các đơn vị thành viên, đồng thời thúc đẩy hoạt động thanh toán nhanh chóng, thuận tiện, chính xác và an toàn, bảo mật. Đến cuối năm 2021, Hệ thống TTĐTLNH của NHNN

đã kết nối với 302 đơn vị thành viên thuộc 101 thành viên tham gia hệ thống, bao gồm: 64 đơn vị thành viên thuộc Kho bạc Nhà nước, 64 đơn vị thành viên là các đơn vị trực thuộc NHNN và 174 đơn vị thành viên thuộc 99 TCTD thành viên. Tổng số lượng giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH đạt gần 157 triệu giao dịch với giá trị gần 151,2 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 6,9% và 44,57% so với năm 2020).



Nguồn: NHNN

Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính

Năm 2021, Hệ thống chuyển mạch giao dịch tài chính và bù trừ điện tử hoạt động ổn định, thông suốt; xử lý khoảng 2,29 tỷ giao dịch với giá trị giao dịch đạt 24,61 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 82,56% và 128,31% so với năm 2020). Bên cạnh Hệ thống chuyển mạch giao dịch tài chính và bù trừ điện tử, từ đầu tháng 7/2020, Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas) đã đưa vào vận hành chính thức Hệ thống thanh toán bù trừ tự động (Hệ thống ACH), hoạt động liên tục 24/7, xử lý giao dịch đa kênh, đa phương tiện, phục vụ nhu cầu chuyển tiền, giao dịch thanh toán bán lẻ, thanh toán các dịch vụ tiện ích. Trong năm 2021, Hệ thống ACH xử lý 24,06 triệu giao dịch với giá trị 455,88 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 610,45% và 747,80% so với năm 2020).

Hoạt động thanh toán thẻ

Đến cuối năm 2021, toàn quốc có 20.404 ATM, 323.572 POS, hơn 90.000 điểm chấp nhận thanh toán QR code đang hoạt động và hơn 119 triệu thẻ đang lưu hành. Số lượng giao dịch qua POS đạt khoảng 410,56 triệu giao dịch với giá trị đạt khoảng 704,51 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 13,35% và 13,78% so với năm



Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, bảo mật, phục vụ hiệu quả nhu cầu thanh toán của nền kinh tế.

2020); số lượng giao dịch bằng thẻ ngân hàng đạt khoảng 502 triệu giao dịch với giá trị đạt khoảng 1.055 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 25,7% và 21,16% so với năm 2020); số lượng và giá trị giao dịch qua ATM có xu hướng giảm dần, đạt khoảng 949,27 triệu giao dịch với giá trị hơn 2,7 triệu tỷ đồng (tương ứng giảm 7,57% và giảm 2,76% so với năm 2020).

Hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử

Năm 2021, hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử duy trì mức tăng trưởng cao với sự góp mặt của 81 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện qua Internet và 47 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện qua điện thoại di động. Số lượng giao dịch qua kênh Internet đạt gần 707,38 triệu giao dịch với giá trị 36,77 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 48,8% và 32,6% so với năm 2020); qua kênh điện thoại di động đạt 2,08 tỷ giao dịch với giá trị hơn 23,6 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 76% và 87,5% so với năm 2020); qua kênh QR code đạt 23,59 triệu giao dịch với giá trị 21,69 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 45% và 125,5% so với cuối năm 2020).

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh thanh toán điện tử đối với dịch vụ công, NHNN cũng chỉ đạo toàn ngành Ngân hàng tích cực triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy thanh toán điện tử đối với dịch vụ công. Từ tháng 9/2020, Napas (với vai trò là tổ chức chuyển mạch bù trừ) đã hoàn thành kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia cho phép tất cả khách hàng của 40 ngân hàng thành viên thanh toán trực tuyến khi thực hiện thủ tục trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Sau hơn 20 tháng triển khai, đã có hơn 675 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến, với hơn 1.000 tỷ đồng của 06 nhóm dịch vụ: (1) Phí, lệ phí; (2) Thuế hộ gia đình, cá nhân; (3) Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; (4) Đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; (5) Thanh toán tiền điện; (6) Tạm ứng án phí. Đến nay, mỗi tháng trung bình có khoảng 80 nghìn giao dịch thanh toán, với khoảng hơn 150 tỷ đồng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng nhằm cung ứng các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, an toàn, tiện lợi đến khách hàng

NHNN đã nghiên cứu ban hành và triển khai nhiều chính sách quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số ngành Ngân hàng như: (1) Trình Chính phủ, Thủ tướng



Chính phủ ban hành: Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021), Quyết định thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) (Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 9/3/2021); (2) Ban hành quy định về phát hành thẻ bằng phương thức điện tử - eKYC;²¹ ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/01/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; (3) Ban hành Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với quan điểm tiếp cận đặt người dân, khách hàng ở vị trí trung tâm; hoạt động chuyển đổi số tại TCTD gắn với nhiệm vụ về gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và cung ứng sản phẩm theo hướng tự động hóa quy trình, tối ưu hóa nghiệp vụ; (4) Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành Ngân hàng do Thống đốc NHNN làm Trưởng ban (Quyết định 1977/QĐ-NHNN ngày 10/12/2021).

Trong năm 2021, 95% NHTM đã và đang xây dựng, triển khai chiến lược chuyển đổi số, trong đó nhiều ngân hàng đạt tỷ lệ trên 90% giao dịch thực hiện trên kênh số. Các công nghệ của CMCN 4.0 (trí tuệ nhân tạo - AI, Học máy - ML, Dữ liệu lớn - Big Data, chuỗi khối -blockchain...) đã được nghiên cứu, triển khai trong nhiều hoạt động nghiệp vụ. Nhiều nghiệp vụ đã số hóa hoàn toàn (gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử, chuyển tiền, quản lý nhân sự, kế toán - tài chính...). Các ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ công để thiết lập hệ sinh thái số, qua đó đem lại trải nghiệm sử dụng dịch vụ liền mạch, tiện lợi cho khách hàng. Việc mở tài khoản trực tuyến eKYC đã được triển khai từ cuối tháng 3/2021 và đến hết tháng 12/2021 có 24 ngân hàng triển khai chính thức mở tài khoản thanh toán eKYC, với khoảng 3,37 triệu tài khoản thanh toán mở bằng phương thức này đang hoạt động. Nhiều ngân hàng đã chú trọng đầu tư nâng cao năng lực về an ninh thông tin phục vụ chuyển đổi số (chống thất

²¹ Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN về hoạt động thẻ ngân hàng. Trong năm 2020, NHNN đã ban hành Thông tư số 16/2020/TT-NHNN hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử.

thoát, lộ lọt dữ liệu, phản ứng nhanh với sự cố an ninh mạng, ý thức về an toàn bảo mật nhân sự, bảo mật thiết bị kết nối, phòng chống tấn công mạng,...).²²

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán của NHNN tập trung vào các nhiệm vụ: (1) Theo dõi, giám sát trực tuyến hàng ngày Hệ thống TTĐTLNH Quốc gia; (2) Thường xuyên giám sát hoạt động hệ thống ATM, POS qua nhiều kênh khác nhau; (3) Giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán quan trọng khác như: Hệ thống Thanh toán ngoại tệ, Hệ thống Thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính; (4) Tăng cường giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hệ thống thanh toán. Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy các giải pháp đổi mới sáng tạo đồng thời đảm bảo kiểm soát rủi ro, duy trì ổn định tài chính, bảo vệ người tiêu dùng, NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định về TTKDTM và thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

Hoạt động thông tin tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định, hỗ trợ tích cực cho công tác chỉ đạo điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng; góp phần đẩy nhanh công cuộc chuyển đổi số của ngành Ngân hàng; khẳng định vị thế, vai trò, tầm quan trọng của thông tin tín dụng đối với cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, tạo đà hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế sau đại dịch, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Xây dựng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

CIC tiếp tục duy trì nguồn cung cấp dữ liệu truyền thống từ 100% các TCTD, 1.181 QTDND hoạt động trên 57 tỉnh/thành phố, 04 tổ chức tài chính vi mô chính thức và 51 tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng; tích cực mở rộng thu thập thông tin thay thế từ các

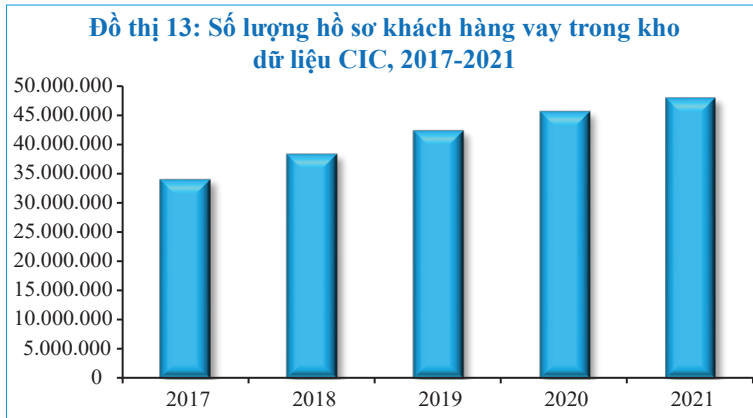


Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và đảm bảo an toàn của hệ thống.

²² 80% các ngân hàng đã sẵn sàng đối với năng lực về an ninh thông tin phục vụ chuyển đổi số.



đơn vị ngoài ngành, các công ty bán lẻ,... Năm 2021, độ phủ thông tin tín dụng tiếp tục được cải thiện, tăng hơn 2,8 triệu hồ sơ khách hàng vay so với năm 2020, nâng tổng số khách hàng trong kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia lên trên 47,9 triệu khách hàng (trên 11,4 triệu hồ sơ vay mới).



Nguồn: NHNN

Cung cấp thông tin tín dụng

CIC cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN, hỗ trợ công tác tham mưu, thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng của các đơn vị chức năng (cung cấp thông tin về hơn 1 triệu khách hàng cho các đơn vị, Vụ, Cục, chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố, tăng 46% so với năm 2020). Đồng thời, CIC cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng với chất lượng cao cho các TCTD (cung cấp trên 43,2 triệu báo cáo tín dụng và các sản phẩm giá trị gia tăng như xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng; các gói thông tin, dữ liệu cho các TCTD nhằm phục vụ mục đích quản trị rủi ro, tuân thủ Basel II với tỷ lệ tự động hóa đạt 87%).

Bên cạnh đó, CIC đẩy mạnh dịch vụ trực tiếp cho khách hàng vay thông qua Cổng thông tin kết nối khách hàng vay (trên nền tảng website và ứng dụng điện thoại thông minh). Sau khi mô hình chấm điểm tín dụng thế nhân CB 2.0 hoàn thiện, sản phẩm thông tin tín dụng khách hàng vay của CIC đã được cập nhật, bổ sung các thông tin như điểm và hàng tín dụng, thông tin quan hệ tín dụng, tài sản đảm bảo,... Kết quả, trong năm 2021, CIC đã cung cấp gần 113,9 nghìn lượt khai thác báo cáo thông tin tín dụng cho khách hàng vay thông qua Cổng thông tin kết nối khách hàng vay.



Nguồn: NHNN

Đồng thời, nhằm hỗ trợ TCTD giảm chi phí hoạt động, góp phần giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, chia sẻ khó khăn với khách hàng bị tác động bởi đại dịch COVID-19, CIC tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp: (1) Thực hiện giảm giá sản phẩm, dịch vụ 02 lần; (2) Cung cấp miễn phí thông tin, báo cáo quan hệ tín dụng cho NHCSXH nhằm hỗ trợ chương trình cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động do tác động bởi dịch COVID-19; (3) Kịp thời hướng dẫn TCTD báo cáo thông tin khách hàng vay được điều chỉnh giữ nguyên nhóm nợ theo các thông tư quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19²³.

Áp dụng công nghệ mới trong hoạt động nghiệp vụ

Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, CIC đã ban hành Quyết định số 296/QĐ-TTĐD ngày 28/12/2021 về Kế hoạch chuyển đổi số của CIC đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung nghiên cứu, cải thiện hiệu năng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng, cải thiện chất lượng thu thập xử lý dữ liệu đầu vào nhằm nâng cao chất lượng thông tin và nghiên cứu giải pháp đẩy nhanh tốc độ trả lời thông tin. Năm 2021, CIC tiếp tục triển khai thành công kênh cung cấp thông tin trực tiếp Host to Host với các TCTD (số lượng báo cáo qua phương thức này tăng trên 6% so với năm 2020); đồng thời, CIC cũng

²³ Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021; Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN).

tích cực hỗ trợ các TCTD chuyển đổi khai thác thông tin, đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ các TCTD trên kênh cung cấp thông tin mới.

9. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Hoạt động truyền thông của NHNN tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ như: (1) Tăng cường quản lý nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng; (2) Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Chính phủ, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, trong đó có các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; (3) Giải đáp kịp thời các vấn đề báo chí, dư luận và cử tri quan tâm, góp phần nâng cao niềm tin công chúng; (4) Phối hợp với các đơn vị triển khai hoạt động an sinh xã hội của ngành Ngân hàng, trong đó có ủng hộ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và Quỹ vắc-xin; (5) Tổ chức thực hiện tốt quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN, đảm bảo minh bạch hóa thông tin theo đúng quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế... Nhằm thực thi chính sách thông suốt, hiệu quả, đi vào cuộc sống, NHNN chú trọng truyền thông trước, trong và sau đổi mới với các cơ chế, chính sách mới, phương thức truyền thông thường xuyên được đổi mới, đa dạng. Cổng thông tin điện tử NHNN thực hiện tốt nhiệm vụ minh bạch hóa thông tin theo các cam kết quốc tế; cung cấp thông tin chính thống của NHNN về cơ chế, chính sách điều hành, kết quả và định hướng liên quan đến lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng; thực hiện tốt vai trò tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của NHNN, hỗ trợ tích cực cho công tác cải cách hành chính, thực hiện Chính phủ điện tử.

Các chương trình truyền thông giáo dục tài chính như “*Đồng tiền thông thái*”, “*Hiểu đúng về tiền*”, “*Tiền khéo, tiền khôn*”, “*Tay hòm chìa khóa*”... không ngừng được đổi mới, sáng tạo, đa dạng cả nội dung và hình thức thể hiện, được công chúng đón nhận tích cực, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Qua đó, nâng cao khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đối với công chúng, góp phần hạn chế tín dụng đen; đồng thời góp phần triển khai tích cực Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và các đề án của Chính phủ như Đề án về thúc đẩy TTKDTM, Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế; Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công;...



Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, ngày càng chủ động, chuyên nghiệp, tạo được niềm tin của doanh nghiệp và người dân đối với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngành.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Năm 2021, NHNN tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN. Theo đó, NHNN đã kiểm toán, kiểm tra đột xuất tổng số 35 cuộc tại 32 đơn vị, Vụ, Cục và chi nhánh NHNN. Nội dung kiểm toán tập trung rà soát, đánh giá các hoạt động, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro (an toàn, an ninh hệ thống thông tin, công tác quản lý, thanh tra, giám sát các TCTD, đặc biệt là đối với hoạt động của QTDND, công tác quản lý an toàn tài sản kho quỹ; công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản...). Ngoài ra, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tăng cường thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động; bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ, nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;... góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn, hiệu quả của NHNN.



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn, hiệu quả của NHNN.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ

NHNN tiếp tục rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, trong đó tập trung vào một số nội dung chính như sau: (1) Triển khai rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị để tiến hành sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp; (2) Tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ và các đơn vị liên quan triển khai xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN (thay thế Nghị định số 16/2017/NĐ-CP) trình Chính phủ; (3) Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin NHCSXH.

Về công tác quản lý biên chế, trên cơ sở quán triệt thực hiện yêu cầu của Chính phủ về tinh giản biên chế (mỗi năm giảm khoảng 1,5% biên chế của NHNN), căn



NHNN tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

cứ biên chế công chức và biên chế sự nghiệp do Bộ Nội vụ giao, trong năm 2021, NHNN đã phê duyệt phương án giao biên chế cho các đơn vị, cụ thể: (1) Đối với biên chế công chức, NHNN giao biên chế đối với các đơn vị Vụ, Cục và Cơ quan tại NHTW và 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tùy theo khối lượng và mức độ phức tạp của công việc; (2) Đối với biên chế viên chức, NHNN phê duyệt phương án giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp của NHNN. NHNN chủ động cân đối quản lý biên chế tiết kiệm, nghiêm túc quán triệt sử dụng trong phạm vi biên chế được Bộ Nội vụ giao, không xảy ra tình trạng vượt biên chế; đồng thời, xây dựng lộ trình tổng thể, chi tiết từng năm. Đến cuối năm 2021, biên chế công chức hành chính của toàn hệ thống NHNN đã giảm 10,02% và biên chế đơn vị sự nghiệp giảm 10,08% so với biên chế được giao năm 2015 theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ. Đồng thời, NHNN cũng kịp thời ban hành các văn bản liên quan đến tinh giản biên chế trong ngành Ngân hàng và chỉ đạo toàn hệ thống nghiêm túc thực hiện;²⁴ tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ công chức, viên chức về mục tiêu, quan điểm, ý nghĩa, yêu cầu của công tác tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai.

Về công tác tuyển dụng công chức, NHNN tập trung nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và phương án tuyển dụng trên cơ sở bám sát Đề án vị trí việc làm của đơn vị, chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ tuyển dụng. Đồng thời, để nâng cao hơn nữa tính minh bạch, khách quan trong tuyển dụng, rút ngắn thời gian, chi phí tổ chức thi tuyển và đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính của Chính phủ, NHNN tiếp tục chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển thông qua hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính; xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, phỏng vấn cho tất cả các lĩnh vực kiến thức chung, chuyên môn, chuyên

²⁴ Quyết định số 1162/QĐ-NHNN ngày 02/6/2016 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án “*Tinh giản biên chế của NHNN Việt Nam, giai đoạn 2016-2021*”; Công văn số 1498/NHNN-TCCB ngày 11/3/2021 hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế tại các đơn vị thuộc NHNN;...

ngành với đa dạng hình thức, loại câu hỏi, mức độ từ dễ đến khó và thường xuyên được cập nhật, bổ sung...; kết quả thi được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

Về công tác sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, NHNN tập trung thực hiện các giải pháp: (1) rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng và trình Thống đốc ban hành mới các thông tư, quy định, quy chế về công tác cán bộ như ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức, viên chức và người lao động thuộc NHNN, ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc NHNN; hoàn thiện các dự thảo quy chế về phân cấp quản lý, về công tác luân chuyển, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái, quy chế về công tác đánh giá, phân loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động thuộc NHNN...; (2) Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý, quản trị nhân lực tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương thức làm việc của cán bộ, công chức NHNN.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 đảm bảo tiến độ yêu cầu, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và theo đúng nguyên tắc “*dựa trên yêu cầu vị trí việc làm*”. Các khóa học được thiết kế phù hợp với thực tiễn, tổ chức kịp thời, từ đó nhận được sự ủng hộ và đánh giá cao của học viên và thủ trưởng các đơn vị trong hệ thống NHNN. Năm 2021, công tác đào tạo, bồi dưỡng của NHNN tiếp tục thích ứng nhanh chóng trước sự diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 thông qua việc tăng cường hình thức đào tạo trực tuyến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, phát triển và duy trì các hình thức đào tạo mới như hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, E-learning và lớp học ảo. Năm 2021, NHNN tổ chức 84 khóa học; tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức là 5.564 lượt đào tạo với 723,5 ngày đào tạo. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được chuẩn hóa với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với đối tượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với các khung năng lực, vị trí việc làm và các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng. Đồng thời, NHNN chú trọng trong việc huy động, hợp tác và tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho

hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án hợp tác với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA, SECO, ATTF-Luxembourg, GIZ,...

3. Công tác nghiên cứu khoa học

NHNN chủ trì và triển khai thực hiện 05 đề tài cấp Nhà nước và tương đương; phê duyệt triển khai nghiên cứu 18 nhiệm vụ cấp bộ, 06 nhiệm vụ cấp cơ sở, tập trung các vấn đề: **(1)** Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng; **(2)** Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn hỗ trợ cho công tác điều hành CSTT, tín dụng, tỷ giá; **(3)** Quản trị ngân hàng hiện đại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD; **(4)** Nghiên cứu hỗ trợ mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; **(5)** Tăng cường các nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý hoạt động và phát triển dịch vụ ngân hàng; **(6)** Các nội dung nghiên cứu khác hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, NHNN tổ chức 01 hội thảo khoa học cấp ngành với chủ đề “Bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam” và 01 tọa đàm khoa học trực tuyến với chủ đề: “Kinh nghiệm triển khai RegTech, SupTech và các khuyến nghị đối với Việt Nam” phối hợp với Cơ quan xúc tiến thương mại và đầu tư thuộc Bộ Doanh nghiệp, Thương mại và Đối mới Ireland. Các nội dung thảo luận tại hội thảo tập trung khai thác những vấn đề mới đặt ra cho ngành, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác điều hành chính sách của NHNN và có tính ứng dụng cao, góp phần hoàn thành các mục tiêu chính trị của ngành Ngân hàng.

4. Công tác thống kê

Để nâng cao chất lượng công tác báo cáo thống kê, NHNN tập trung đôn đốc, tra soát và hướng dẫn TCTD thực hiện báo cáo thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo, điều hành CSTT. Ngoài ra, NHNN đẩy mạnh công tác chấn chỉnh, đảm bảo tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện quy định báo cáo thống kê.

NHNN tiếp tục triển khai chính thức các cuộc điều tra thống kê trực tuyến, hoàn thành đúng hạn và đảm bảo



Hoạt động khoa học và công nghệ ngành ngân hàng tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.



Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được tăng cường và phát triển, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

chất lượng cuộc điều tra Kỳ vọng lạm phát định kỳ tháng, Xu hướng kinh doanh định kỳ quý, Xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng/lần đối với các TCTD; thí điểm điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ quý. Kết quả điều tra thu được phục vụ kịp thời cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định, điều hành CSTT và quản lý hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục tổng hợp, cập nhật cơ sở thông tin, dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế, góp phần phục vụ công tác phân tích, hoạch định và điều hành CSTT.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

“

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

NHNN ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động công nghệ thông tin; chuẩn hóa các hoạt động công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế và các quy định của Chính phủ. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, NHNN chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành chủ động xây dựng, triển khai phương án ứng phó, đảm bảo duy trì an toàn các hoạt động, nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ thông tin và thúc đẩy các dịch vụ, tiện ích TTKDTM trên không gian mạng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Trước tình hình an ninh mạng tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, NHNN triển khai đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp, kết hợp kiểm tra, giám sát chặt chẽ hệ thống công nghệ thông tin; tổ chức diễn tập các tình huống rủi ro sát với thực tế hoạt động và triển khai phương án xử lý rủi ro đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin theo từng cấp độ. Kết quả năm 2021, ngành Ngân hàng không để xảy ra sự cố về an ninh mạng và được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá là một trong các bộ, ngành làm tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN

Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, NHNN triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ làm việc trực tuyến và xử lý văn bản trên hệ thống Edoc qua mạng

Internet; triển khai phương án dự phòng nguồn lực công nghệ thông tin nhằm đảm bảo duy trì hoạt động liên tục cho các hệ thống công nghệ thông tin của NHNN. Theo đó, toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin và các hệ thống thông tin nghiệp vụ của NHNN được bảo trì, vận hành đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của NHNN như hệ thống ngân hàng lõi, kế toán và lập ngân sách, hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung, hệ thống Quản lý phát hành và kho quỹ, hệ thống TTĐTLNH, hệ thống Thanh toán SWIFT... Kết quả, trong năm 2021, Hệ thống TTĐTLNH đã xử lý chính xác, an toàn được gần 160 triệu giao dịch VND với tổng giá trị hơn 151 triệu tỷ VND (tăng 6,9% về số lượng và 44,6% về giá trị so với năm 2020), xử lý gần 28 nghìn giao dịch ngoại tệ với tổng giá trị khoảng 69 tỷ USD (tăng 1002% về số lượng và 1138% về giá trị so với năm 2020). Hệ thống thông tin nghiệp vụ thị trường mở đã thực hiện 251 phiên đấu thầu, hỗ trợ yêu cầu điều hành CSTT của NHNN. Hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung tiếp nhận khoảng 11.000 báo cáo/ngày (thời điểm cao điểm, tiếp nhận 33.499 báo cáo/ngày) từ gần 130 hội sở chính các TCTD, gần 1.181 QTDND, 63 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố và các tổ chức tài chính vi mô, cung cấp kịp thời số liệu cho công tác điều hành hoạt động ngân hàng hàng ngày của NHNN.

Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy ứng dụng các công nghệ của CMCN 4.0, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động thực tế của NHNN để tự động hóa hoạt động, giám sát liên tục hạ tầng công nghệ thông tin của NHNN, chủ động phát hiện sớm các rủi ro, giảm thiểu gián đoạn hoạt động của các hệ thống thông tin như: thí điểm Hệ thống quản lý, giám sát tự động cho Hệ thống TTĐTLNH dựa trên công nghệ Bigdata, AI; nghiên cứu thí điểm công nghệ nhận dạng khuôn mặt cho hệ thống đăng nhập một lần của NHNN; nghiên cứu robot cho tự động hóa vận hành; nghiên cứu tiêu chuẩn tin điện ISO 20022 cho hệ thống TTĐTLNH...

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2021 hoạt động hợp tác quốc tế của NHNN tiếp tục được triển khai hiệu quả trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và các sự kiện hợp tác chủ yếu thông qua hình thức trực tuyến. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng đạt được nhiều dấu ấn đáng ghi nhận, NHNN tiếp tục tập trung phát triển và nâng tầm quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường huy động các nguồn lực tài chính, kỹ thuật, tư vấn cho NHNN và Việt Nam, qua đó góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong năm 2021, NHNN tiếp tục tập trung thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện trong lĩnh vực ngân hàng giữa Việt Nam và các nước ASEAN, ASEAN+3, APEC, WTO, SEACEN... qua đó góp phần tăng cường hợp tác tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế. Bên cạnh việc hợp tác với NHTW các nước ASEAN thúc đẩy và triển khai hiệu quả các nội dung hợp tác truyền thống, NHNN còn thể hiện vai trò dẫn dắt trong đề xuất các sáng kiến hợp tác mới về các chủ đề đang được khu vực và thế giới quan tâm hiện nay như ngân hàng xanh và phát triển bền vững. Năm 2021, sáng kiến các nguyên tắc ngân hàng bền vững do NHNN chủ trì đề xuất và xây dựng đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng tài chính và Thống đốc NHTW ASEAN (AFMGM) với sự nhất trí và đánh giá cao của lãnh đạo các nước ASEAN, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên diễn đàn hợp tác đa phương. Đây là một trong những sáng kiến quan trọng để hiện thực hóa cam kết chung của các nước thành viên ASEAN trong việc chuyển đổi hướng tới phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN+3, hoạt động hợp tác không chỉ dừng lại ở các khuôn khổ hợp tác sẵn có mà còn liên tục được mở rộng nhằm nâng cao tính sẵn sàng của cơ chế Đa phương hóa Sáng kiến Chiêng mai (CMIM) để có thể kịp thời hỗ trợ các quốc gia thành viên. Năm 2021, sau khi Thỏa thuận CMIM sửa đổi có

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

hiệu lực, NHNN đã tích cực và chủ động phối hợp với Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) tiến hành sửa đổi và hoàn thiện Hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận CMIM làm cơ sở để các nước triển khai quy trình hoán đổi đồng bản tệ nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ thanh khoản bằng đồng bản tệ của các thành viên.

Với vai trò là Chủ tịch SEACEN nhiệm kỳ 2021-2022, trong năm 2021, NHNN đã bắt đầu tiếp nhận và chủ trì đăng cai tổ chức các sự kiện quan trọng của SEACEN như Hội nghị Hội đồng Thống đốc SEACEN (BOG) và Hội thảo cấp cao bên lề diễn ra vào tháng 12/2021 với chủ đề về số hóa hệ thống tài chính.

Trong khuôn khổ WTO, NHNN tích cực nghiên cứu, góp ý để không ngừng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo cơ sở cho công tác hội nhập khu vực ngân hàng một cách hiệu quả. NHNN phối hợp cùng các bộ, ngành chuẩn bị, cung cấp nội dung phục vụ cho Phiên Rà soát Chính sách thương mại lần thứ hai trong khuôn khổ Hiệp định thành lập WTO. Số lượng câu hỏi đồ sộ cùng với sự tham gia tích cực của các thành viên WTO tại Phiên rà soát đã cho thấy sự quan tâm rất lớn của các thành viên WTO tới các chính sách thương mại và đầu tư của Việt Nam. Song song với đó, NHNN tích cực tham gia các phiên trao đổi, đánh giá về diễn biến kinh tế-tài chính, các phản ứng chính sách của các quốc gia để tham vấn, đề xuất biện pháp chính sách phù hợp, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế đa phương, mở rộng thị trường dịch vụ, tăng cường hợp tác tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế tại các diễn đàn đa phương.

NHNN tiếp tục tích cực tham gia quá trình đàm phán, ký kết và triển khai các Hiệp định thương mại tự do (FTA) có nội dung liên quan tới lĩnh vực ngân hàng (như đàm phán Anh gia nhập CPTPP, phê duyệt FTA ASEAN (ATISA); xây dựng kế hoạch thực hiện FTA giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai - len (UKFTA) và theo dõi, triển khai các kế hoạch hành động đã được ban hành như CPTPP, EVFTA, VUKFTA... Bên cạnh đó, NHNN còn tích cực tham gia vào quá trình đàm phán nâng cấp các FTA đã ký kết (như FTA ASEAN - Úc - New Zealand (ANZ) để nâng cao hơn nữa chuẩn mực về các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập. Việc mở

rộng quan hệ đối tác với các đối tác FTA đã và đang đóng góp quan trọng trong việc đưa quan hệ hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý để phát triển đa dạng và bền vững lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

“

Mở rộng hợp tác và tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB, AIIB, IBEC, IIB thông qua việc duy trì, phát triển quan hệ hợp tác, tăng cường công tác tư vấn, đối thoại chính sách, qua đó góp phần củng cố quan hệ ngày càng vững chắc với các tổ chức quốc tế.

Năm 2021 là thời điểm mà các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế xây dựng và triển khai nhiều chính sách mới, có ý nghĩa quan trọng đối với các nước thành viên. Với vai trò là cơ quan đại diện của Chính phủ tại các tổ chức, NHNN chủ động nghiên cứu, đề xuất và bày tỏ quan điểm đối với các định hướng chính sách mới; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất các biện pháp chính sách phù hợp cho Việt Nam nhằm góp phần hài hòa hóa chính sách của các nhà tài trợ phù hợp với các ưu tiên chính sách phát triển KT-XH của Chính phủ Việt Nam. Ngoài ra, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, NHNN tích cực tham gia đối thoại chính sách giữa các NHTW/ Bộ Tài chính các nước, các tổ chức quốc tế để tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật các biện pháp chính sách của các nước nhằm cộng hưởng, lan tỏa chính sách cho khu vực.

Trong quan hệ với IMF, NHNN tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng IMF tại Việt Nam, Văn phòng Nhóm SEAVG trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, tham gia tích cực vào hoạt động của IMF. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn ra rộng khắp trên thế giới, IMF liên tục xây dựng các báo cáo dự báo, các kịch bản kinh tế liên quan đến dịch bệnh, từ đó đưa ra tư vấn chính sách cho Chính phủ Việt Nam, NHNN và các cơ quan, bộ, ngành về các giải pháp đối với nền kinh tế, các vấn đề tài khóa, ngân hàng tiền tệ. NHNN đã tích cực phối hợp với IMF

trong việc xây dựng và triển khai đợt tăng vốn khẩn cấp cho các thành viên. Theo đó, IMF đã cấp SDR bổ sung trị giá 650 tỷ USD cho các nước thành viên nhằm hỗ trợ tài chính để đối phó khủng hoảng do đại dịch COVID-19 gây ra. Bên cạnh đó, NHNN cũng tích cực, chủ động phối hợp với các Bộ, ngành để làm việc với Đoàn Đánh giá Điều IV của IMF và đề xuất, vận động, tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật mới của IMF trong các lĩnh vực thống kê, chính sách tiền tệ, ổn định khu vực tài chính...

Trong quan hệ với BIS, năm 2021 đánh dấu năm đầu tiên Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức này. NHNN đã xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động gia nhập và hợp tác với BIS trong các hoạt động và các ủy ban trực thuộc. Định kỳ 2 tháng/lần. Thống đốc NHNN tham gia họp và thảo luận với các Thống đốc các NHTW thành viên BIS nhằm chia sẻ thông tin, quan điểm và kinh nghiệm về diễn biến kinh tế, tiền tệ các nước, các vấn đề mới nổi có ảnh hưởng đến hoạt động tiền tệ tài chính như đồng tiền kỹ thuật số NHTW (CBDC), biến đổi khí hậu, tài sản số, Defi, tài chính xanh, chính sách tiền tệ để đối phó với tác động của dịch bệnh COVID-19, tác động của căng thẳng địa chính trị đối với hoạt động tiền tệ ngân hàng trên toàn cầu và khu vực. Bên cạnh hoạt động của các Thống đốc, NHNN đã tham gia tích cực vào hoạt động nghiên cứu trao đổi với các ủy ban và đơn vị trực thuộc BIS như Ủy ban Thống kê NHTW (Irving Fisher Committee), tham gia làm thành viên sáng lập Trung tâm đổi mới sáng tạo của BIS (BIS Inovation Hub), Hội đồng Tư vấn NHTW châu Á (ACC), Mạng lưới nghiên cứu các NHTW châu Á (ARN)...

Trong quan hệ với AIIB, năm 2021, Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là một thành viên Ban Giám đốc AIIB có trách nhiệm, tham gia tích cực vào công tác quản trị điều hành của ngân hàng, đại diện cho tiếng nói của Nhóm nước, đồng thời, đóng vai trò cầu nối thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và AIIB. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn tiếp diễn, Việt Nam cùng các thành viên khác của Ban Giám đốc đã đề nghị Ban Lãnh đạo AIIB nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Cơ chế giảm lãi suất để hỗ trợ các nước hội viên kém phát triển, đồng thời

vẫn phải đảm bảo không tạo thêm áp lực/gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động hiện có của Ngân hàng. Được sự đánh giá cao của Ban Giám đốc và Ban Lãnh đạo AIIB, trong nhiệm kỳ hiện tại, đại diện Việt Nam còn được bầu làm Phó Chủ tọa Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro của AIIB, trực tiếp tham gia kiểm soát, điều hành, giám sát việc thực hiện quy chế kiểm toán, quản lý rủi ro, quản lý chất lượng danh mục đầu tư/chất lượng tín dụng, mức độ an toàn vốn... của Ngân hàng AIIB...

Trong năm 2021, AIIB đã phê duyệt khoản vay trị giá 95 triệu USD do AIIB đồng tài trợ với Ngân hàng Natixis để tài trợ tái cấp vốn cho Dự án nhà máy thủy điện Dakdrinh 125 MW. Dự án này có ý nghĩa quan trọng trong việc khơi thông nguồn tài trợ của AIIB cho Việt Nam, hỗ trợ đáp ứng nhu cầu phát triển năng lượng mà không gây thêm gánh nặng về tài chính công do đây là một dự án của khu vực tư nhân; và cung cấp các cơ hội hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo đồng thời cải thiện các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội trong lĩnh vực năng lượng mặt trời tại Việt Nam.

Trong quan hệ với WB, năm 2021, NHNN huy động và ký tiếp nhận 02 Dự án HTKT (1) Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam trị giá khoảng 11,3 triệu USD và (2) Điều tra sử dụng quỹ thời gian trị giá khoảng 520.000 USD; và dự án Tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó của cộng đồng đối với COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm khác trị giá khoảng 2,75 triệu USD. Ngoài ra, NHNN đã ký Thỏa thuận hợp tác giữa NHNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) về Nâng cao vai trò lãnh đạo nữ trong ngành Ngân hàng trị giá khoảng 335.000 USD nhằm thúc đẩy vai trò của lãnh đạo nữ trong ngành Ngân hàng thông qua việc ghi nhận các lãnh đạo nữ xuất sắc, các sáng kiến có tầm ảnh hưởng của các ngân hàng và xây dựng một nền tảng học tập, chia sẻ thông lệ tốt về bình đẳng giới giữa các ngân hàng tại Việt Nam; và Bản ghi nhớ (MOU) giữa NHNN và Quỹ hợp tác quốc tế các Ngân hàng tiết kiệm Đức (DSIK) về hợp tác cho giai đoạn 2021-2024 làm cơ sở để DSIK hỗ trợ và phối hợp với NHNN thực hiện một số nhiệm vụ đặt ra tại Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Hiện NHNN đang triển khai hỗ trợ kỹ thuật “*Tăng cường Phát triển và Lành mạnh khu vực Ngân hàng Việt Nam*” do Cục Kinh tế liên bang Thụy Sĩ (SECO) tài trợ ủy thác qua WB trị giá khoảng 7,2 triệu USD nhằm tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng, xử lý tồn tại, hạn chế về cơ cấu trong hệ thống ngân hàng, hướng đến đáp ứng chuẩn mực quốc tế và góp phần ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; hỗ trợ kỹ thuật về tài chính toàn diện và phòng chống rửa tiền do Quỹ Tín thác Hàn Quốc (KTF) tài trợ ủy thác qua WB trị giá 850.000 USD, tập trung hỗ trợ NHNN tăng cường các lĩnh vực thanh toán, tài chính vi mô, triển khai và theo dõi, đánh giá Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, và cập nhật Báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Trong quan hệ với ADB, NHNN phối hợp với ADB triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật “*Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ*” do ADB tài trợ trị giá 5 triệu USD và Dự án hỗ trợ kỹ thuật “*Thúc đẩy chương trình cải cách bình đẳng giới tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương*” trị giá 4 triệu USD; đồng thời tiếp tục thực hiện hoạt động hỗ trợ kỹ thuật khác trong các lĩnh vực tài chính xanh, Fintech, tài chính toàn diện... NHNN đang đề nghị ADB cung cấp các nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật nhằm phát triển các sản phẩm tài chính cho vay theo chuỗi, tài chính xanh và trái phiếu xanh. Ngoài ra, NHNN phối hợp, hỗ trợ ADB thúc đẩy các hoạt động đầu tư trong khu vực tư nhân như xây dựng quy trình thủ tục và thẩm quyền cấp Thư phản đối, không phản đối hoạt động khu vực tư nhân của các tổ chức tài chính quốc tế tại Việt Nam, tham vấn chính quyền địa phương nhằm xây dựng tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư và hoàn thiện Chiến lược Đối tác Quốc gia giai đoạn 2022-2025 cho khu vực tư nhân, không có bảo lãnh Chính phủ.

Trong quan hệ với IIB/IBEC, NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò giám sát, quản lý chung các hoạt động của IIB/IBEC và tham gia tích cực vào các nỗ lực cải cách của hai Ngân hàng. NHNN đã tham gia các quá trình hoạch định chính sách, định hướng hoạt động, xây dựng quy định nội bộ, phê duyệt các khoản vay, hoạt động đầu tư và các hoạt động quan trọng khác của IIB/IBEC, qua

đó giúp IIB/IBEC đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra và đưa hoạt động của IIB/IBEC ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế hiện đại. Bên cạnh đó, năm 2021, NHNN tiếp tục làm đầu mối phối hợp với các cơ quan hữu quan triển khai việc góp vốn của Việt Nam cho IIB trong khuôn khổ Chương trình tăng vốn cho IIB giai đoạn 2018-2022. Sự tham gia của NHNN trong các hoạt động của IIB/IBEC luôn mang tính chuyên môn cao, thể hiện vai trò và trách nhiệm của nước cổ đông đối với hai Ngân hàng và đóng góp tích cực cho việc nâng cao chất lượng và phát triển hoạt động của hai Ngân hàng, đồng thời góp phần thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và IBEC/IIB cũng như nâng cao vị thế của Việt Nam tại 2 Ngân hàng và cộng đồng quốc tế.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, trong năm 2021, mặc dù chịu tác động do diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, NHNN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương với các đối tác ở nhiều khu vực trên thế giới, triển khai nhiều sáng kiến và hoạt động mới trong khuôn khổ các nhóm/tổ công tác, nâng cao hiệu quả và phát triển theo chiều sâu quan hệ với các đối tác truyền thống và các đối tác chiến lược (Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Nga), trong đó nổi bật là hoạt động của Nhóm công tác chung giữa NHNN và NHTW Thái Lan về hợp tác kết nối thanh toán song phương trong lĩnh vực bán lẻ sử dụng công nghệ mã phản ứng nhanh (QR code). Cụ thể hai bên đã triển khai kết nối thử nghiệm thanh toán song phương bán lẻ bằng mã QR giữa Việt Nam và Thái Lan vào cuối tháng 3/2021, tạo một kênh thanh toán thuận tiện, an toàn cho người dân hai nước khi đi du lịch đến Việt Nam và Thái Lan.

Về việc ký kết các Bản ghi nhớ, thỏa thuận quốc tế, đến nay, NHNN ký 82 Bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với NHTW, cơ quan quản lý giám sát ngân hàng các nước. Các Bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác đã tạo khuôn khổ quan trọng cho sự hợp tác nhiều mặt giữa NHNN với NHTW, cơ quan quản lý tiền tệ ngân hàng các nước trong các lĩnh vực như: thanh tra giám sát ngân hàng, thanh toán, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới tài chính.

“

Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.



Trong quan hệ với các nước đối tác lớn, NHNN đã và đang làm đầu mối phối hợp với các Bộ/ngành trao đổi kỹ thuật chuyên sâu với Bộ Tài chính Mỹ trong khuôn khổ Báo cáo “*Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ*” do Bộ Tài chính Mỹ thực hiện và vụ điều tra định giá thấp tiền tệ theo Mục 301 Đạo luật Thương mại 1974 do Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) khởi xướng. Tại các buổi làm việc với các cơ quan hữu quan của Mỹ, NHNN luôn khẳng định chủ trương nhất quán không sử dụng chính sách tỷ giá để tạo lợi thế cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế và việc điều hành CSTT của NHNN nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.

Ngoài ra, thông qua các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ với các quốc gia trên thế giới, NHNN chủ động đề xuất các nội dung hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng để thiết lập cơ chế trao đổi thông tin về khuôn khổ pháp lý, thông tin thị trường nhằm hỗ trợ, khuyến khích các NHTM Việt Nam tìm hiểu, kết nối và thiết lập quan hệ đại lý tại thị trường các nước.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2020	4,00	2,50	5,00
Tháng 1/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 2/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 3/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 4/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 5/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 6/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 7/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 8/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 9/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 10/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 11/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 12/2021	4,00	2,50	5,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2021
Số phiên	251
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 91
Số lượt thành viên	34
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	244
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	244
Lãi suất (%/năm)	2,5
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2021
Số phiên	-
Kỳ hạn (ngày)	-
Số lượt thành viên	-
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	-
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	-
Lãi suất (%/năm)	-
Phương thức đấu thầu	-

Nguồn: NHNN

Ghi chú: “-” Năm 2021, NHNN không thực hiện chào bán tín phiếu NHNN, tạo điều kiện thuận lợi về thanh khoản trên thị trường tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế trong đại dịch COVID-19.

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC (*)

Đơn vị: %

Thời điểm bắt đầu hiệu lực	TIỀN GỬI BẰNG VND (**)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ (****)			Tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (***)
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		
5/2011	3	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	3	4
6/2011	3	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	4	5
9/2011	3	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	5	6

(*) Không bao gồm QTDND, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ DTBB 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ DTBB theo quy định của Chính phủ (hiện nay là 0%).

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ DTBB tiền gửi bằng VND thấp hơn tỷ lệ DTBB nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ các TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện có hiệu lực thi hành là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính DTBB đối với tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (TCTD thành lập và hoạt động tại nước ngoài) bắt đầu từ tháng 9/2011 (theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011).

(****) Các loại tiền gửi bằng VND và bằng ngoại tệ thuộc cơ sở tiền gửi phái tính DTBB được quy định tại: (1) Quy chế DTBB đối với các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước tháng 02/2020; (2) Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 từ tháng 3/2020 đến nay.

Người: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2020	2021
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	15.060	-3.811
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	282.629	336.311
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	251.921	318.613
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	30.708	17.698
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.600	3.673
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.887	19.407
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	-10.287	-15.734
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	1.428	982
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	16.245	17.079
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	-14.817	-16.097
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	11.427	13.568
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	1.971	3.246
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	9.456	10.322
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	8.485	30.914
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-380	-300
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	15.800	15.660
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	15.420	15.360
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	4	10
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	-1.260	271
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	-1.256	281
Đầu tư khác: Tài sản có	-8.436	-627
Tiền và tiền gửi	-8.447	-792
TCTD	-5.687	2.141
Khu vực khác	-2.760	-2.933
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	11	165
Đầu tư khác: Tài sản nợ	2.757	15.900
Tiền và tiền gửi	397	8.851
TCTD	141	8.331
Khu vực khác	256	520
Vay, trả nợ nước ngoài	2.360	5.439
Ngắn hạn	4	2.637
Rút vốn	26.925	33.283
Trả nợ gốc	-26.921	-30.646
Dài hạn	2.356	2.802
Rút vốn	11.480	15.162
Chính phủ	2.015	1.777
Tư nhân	9.465	13.385
Trả nợ gốc	-9.125	-12.360
Chính phủ	-1.826	-2.430
Tư nhân	-7.298	-9.930
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
Phân bổ quyền rút vốn đặc biệt từ IMF (SDR)	0	1.610
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	-5.679	15.273
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-6.913	-12.813
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	16.632	14.290
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-16.632	-14.290
Tài sản dự trữ	-16.632	-14.290
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA VND VÀ USD

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2021	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	23.160	22.960	23.140	23.137	22.984	23.164
Tháng 2	23.130	22.920	23.100	23.138	22.924	23.104
Tháng 3	23.244	22.990	23.170	23.196	22.970	23.150
Tháng 4	23.158	22.960	23.140	23.202	22.981	23.161
Tháng 5	23.135	22.945	23.145	23.159	22.956	23.151
Tháng 6	23.178	22.920	23.120	23.141	22.896	23.096
Tháng 7	23.180	22.850	23.050	23.199	22.907	23.107
Tháng 8	23.130	22.680	22.880	23.160	22.749	22.949
Tháng 9	23.162	22.660	22.860	23.126	22.667	22.867
Tháng 10	23.131	22.650	22.850	23.155	22.657	22.857
Tháng 11	23.139	22.600	22.800	23.127	22.576	22.776
Tháng 12	23.145	22.640	22.920	23.179	22.782	23.038

Nguồn: NHNN, Vietcombank

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết nêu trên được hiểu là số lượng VND để đổi 1 USD.

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2021	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	56,50	56,32
Tháng 2	56,15	56,43
Tháng 3	54,30	55,35
Tháng 4	55,48	55,24
Tháng 5	57,00	56,09
Tháng 6	56,55	56,86
Tháng 7	57,05	57,06
Tháng 8	57,05	56,83
Tháng 9	56,55	56,82
Tháng 10	58,15	57,63
Tháng 11	60,30	59,61
Tháng 12	61,30	61,03

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2017	So với tháng 12 năm trước	0,46	0,69	0,90	0,90	0,37	0,20	0,31	1,23	1,83	2,25	2,38	2,60
	So với tháng trước	0,46	0,23	0,21	0,00	-0,53	-0,17	0,11	0,92	0,59	0,41	0,13	0,21
	So với cùng kỳ	5,22	5,02	4,65	4,30	3,19	2,54	2,52	3,35	3,40	2,98	2,62	2,60
	Bình quân so với cùng kỳ	5,22	5,12	4,96	4,80	4,47	4,15	3,91	3,84	3,79	3,71	3,61	3,53
2018	So với tháng 12 năm trước	0,51	1,24	0,97	1,05	1,61	2,22	2,13	2,59	3,20	3,54	3,24	2,98
	So với tháng trước	0,51	0,73	-0,27	0,08	0,55	0,61	-0,09	0,45	0,59	0,33	-0,29	-0,25
	So với cùng kỳ	2,65	3,15	2,66	2,75	3,86	4,67	4,46	3,98	3,98	3,89	3,46	2,98
	Bình quân so với cùng kỳ	2,65	2,90	2,82	2,80	3,01	3,29	3,45	3,52	3,57	3,60	3,59	3,54
2019	So với tháng 12 năm trước	0,10	0,90	0,69	1,00	1,50	1,41	1,59	1,87	2,20	2,79	3,78	5,23
	So với tháng trước	0,10	0,80	-0,21	0,31	0,49	-0,09	0,18	0,28	0,32	0,59	0,96	1,40
	So với cùng kỳ	2,56	2,64	2,70	2,93	2,88	2,16	2,44	2,26	1,98	2,24	3,52	5,23
	Bình quân so với cùng kỳ	2,56	2,60	2,63	2,71	2,74	2,64	2,61	2,57	2,50	2,48	2,57	2,79
2020	So với tháng 12 năm trước	1,23	1,06	0,34	-1,21	-1,24	-0,59	-0,19	-0,12	0,01	0,09	0,08	0,19
	So với tháng trước	1,23	-0,17	-0,72	-1,54	-0,03	0,66	0,40	0,07	0,12	0,09	-0,01	0,10
	So với cùng kỳ	6,43	5,40	4,87	2,93	2,40	3,17	3,39	3,18	2,98	2,47	1,48	0,19
	Bình quân so với cùng kỳ	6,43	5,91	5,56	4,90	4,39	4,19	4,07	3,96	3,85	3,71	3,51	3,23
2021	So với tháng 12 năm trước	0,06	1,58	1,31	1,27	1,43	1,62	2,25	2,51	1,88	1,67	2,00	1,81
	So với tháng trước	0,06	1,52	-0,27	-0,04	0,16	0,19	0,62	0,25	-0,62	-0,20	0,32	-0,18
	So với cùng kỳ	-0,97	0,70	1,16	2,70	2,90	2,41	2,64	2,82	2,06	1,77	2,10	1,81
	Bình quân so với cùng kỳ	-0,97	-0,14	0,29	0,89	1,29	1,47	1,64	1,79	1,82	1,81	1,84	1,84

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2020	T3/2021	T6/2021	T9/2021	2021
Số dư cuối kỳ (tỷ VND)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	12.110.606	12.349.751	12.647.703	12.879.090	13.402.097
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	10.772.685	10.923.915	11.243.611	11.422.349	11.882.371
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	9.192.566	9.463.868	9.784.937	9.917.032	10.444.078
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	14,53	1,97	4,43	6,35	10,66
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	14,90	1,40	4,37	6,03	10,30
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	12,17	2,95	6,44	7,88	13,61

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (triệu đồng)
2013	4.473.656	5,54	49.602
2014	4.937.032	6,42	54.132
2015	5.191.324	6,99	56.288
2016	5.639.401	6,69	60.476
2017	6.293.905	6,94	66.753
2018	7.009.042	7,47	73.482
2019	7.707.200	7,36	79.881
2020	8.044.386	2,87	82.437
2021	8.479.667	2,56	86.083

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010.

TABLE OF CONTENTS

List of graphs and tables	iii
Abbreviation list	iv
Status and functions of the State Bank of Viet Nam	v
Management board of the State Bank of Viet Nam	vii
Forewords by the Governor	ix
Departments and Administration units of the State Bank of Viet Nam	xii
■ Part I – World and Viet Nam’s economy	1
1. World economy	1
1.1. World economic growth	1
1.2. Monetary policy management in some countries	3
2. Viet Nam’s economy	4
2.1. Economic growth	5
2.2. Labor, income and productivity	8
2.3. Inflation	9
2.4. State budget revenue and expenditure	11
2.5. Balance of payment	12
2.6. Financial and monetary developments	13
2.7. Operations of credit institutions	20
■ Part II – State Bank of Viet Nam's management	25
1. Management of monetary policy	25
2. FX management	28
3. Banking inspection and supervision	30
4. Macroprudential supervision of the financial system	34
5. Legislation	34
6. Issuance and vault operation	36
7. Payment operation and digital transformation	37
8. Credit information	41
9. Communication and information transparency	44
■ Part III – Internal Governance	45
1. Internal audit	45
2. Human resources and trainings	45
3. Scientific research work	48
4. Statistical work	48
5. Information Technology	49

■ Part IV – International Cooperation	51
1. International economic integration	51
2. Cooperation with international financial and monetary institutions	53
3. Bilateral cooperation	56
■ Appendix	58
Appendix 1: Interest rates announced by the SBV	59
Appendix 2: Open market operations	59
Appendix 3: Required reserve ratio	60
Appendix 4: Balance of payment	61
Appendix 5: VND/USD exchange rate	62
Appendix 6: Domestic gold prices	62
Appendix 7: Consumer price index	63
Appendix 8: Monetary and credit indicators	64
Appendix 9: Gross domestic product	64

LIST OF CHARTS AND TABLES

List of graphs

Graph 1: Real GDP growth and contribution to GDP by sector, 2017-2021	6
Graph 2: Headline inflation and core inflation, 2017-2021	10
Graph 3: Viet Nam's Balance of payment, 2017-2021	12
Graph 4: Growth of monetary indicators, 2017-2021	14
Graph 5: Deposit growth, 2020-2021	15
Graph 6: Deposit by banks, 2021	15
Graph 7: Credit to the economy by banks, 2021	15
Graph 8: Credit growth, 2020-2021	16
Graph 9: Average deposit and lending interest rates, 2017-2021	17
Graph 10: Average VND interbank interest rate, 2017-2021	18
Graph 11: VND/USD exchange rate, 2021	19
Graph 12: Transaction fluctuation of interbank electronic payment system, 2017- 2021	37
Graph 13: Number of borrowers' records in CIC's database, 2017-2021	41
Graph 14: Number of credit information reports provided by CIC for credit institutions, 2017-2021	42

List of tables

Table 1: Credit institution system in Viet Nam as of December 31, 2021	21
Table 2: Basic indicators	22
Table 3: CAR of credit institutions and foreign bank branches	23
Table 4: Credit institutions' ratios	24

ABBREVIATION LIST

Abbreviation	Explanation
ADB	Asian Development Bank
AIIB	The bank at Asian Infrastructure Investment Bank
BIS	Bank for International Settlement
CAR	Capital Adequacy Ratio
CIC	Viet Nam's National Credit Information Center
CPI	Consumer Price Index
ECB	European Central Bank
Fed	Federal Reserves
FDI	Foreign Direct Investment
FX	Foreign Exchange
GSO	General Statistics Office
IBEC	International Bank for Economic Co-operation
IIB	International Investment Bank
IMF	International Monetary Fund
M2	Total liquidity
NPL	Non-performing loan
OMO	Open Market Operation
PCFs	People's Credit Funds
RR	Reserve Requirement
ROA	Return on Assets
ROE	Return on Equity
SBV	State Bank of Viet Nam
SOCBs	State-owned commercial banks
USD	U.S. dollar
VAMC	Viet Nam's Asset Management Company
VBSP	Viet Nam's Bank for Social Policy
VND	Viet Nam dong
WB	World Bank
WTO	World Trade Organization
y-o-y	Year on year
y-t-d	Year to date

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarters, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam was a ministerial-level agency of the Government, Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; plays the role of a central bank issuing banknotes, acts as the bank of credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

□ The national monetary policies include national decisions of state authorities on the currency value stabilizing objectives represented by inflation target, use of proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause 1, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

□ The National Assembly determines annual inflation targets reflected by the consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

□ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation targets. The Prime Minister, the Governor of the State Bank decides to use proper instruments and measures to realize monetary objectives in accordance with the regulation of the Government.

Clause 4, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

**MANAGEMENT BOARD
OF THE STATE BANK OF VIET NAM**



Ms. Nguyen Thi Hong
Governor



Mr. Dao Minh Tu
Standing Deputy Governor



Mr. Nguyen Kim Anh
Deputy Governor



Mr. Doan Thai Son
Deputy Governor



Mr. Pham Tien Dung
Deputy Governor



Mr. Pham Thanh Ha
Deputy Governor

Forewords by the Governor



Governor
Nguyen Thi Hong

In 2021, the COVID-19 pandemic continued to complicatedly develop, resulting in the uncertainty and difficulty of global economic recovery. Global supply chain disruption remained to be a drag, pushing up prices of basic goods and logistics costs. Soaring inflation took place in many countries and territories. In that context, many central banks scaled down monetary policy easing and raised interest rates to control inflation and prevent financial instability risks. In Viet Nam, the fourth COVID-19 outbreak seriously affected many aspects of socio-economic life, eroding the resilience of businesses and people, putting pressure on the social security network and challenging the management of monetary policy of the SBV for the stabilization of the macroeconomy, money and FX markets and support of economic recovery.

Against that backdrop, thanks to the proactive and flexible anticipation of negative impacts of shocks to the economy, in executing the directions of the Government and the Prime Minister, the banking sector, right from the beginning of the year, implemented synchronized and effective solutions to monetary policy and banking activities management to control inflation, stabilize the macro-economy, concentrate all resources to promptly support and remove difficulties for production activities of businesses and people, contributing to economic recovery, as follows:

First, managing monetary policy tools in proactive, flexible and synchronous manner to properly regulate the currency, ensure system liquidity, stabilize the money market, and provide sufficient and timely capital to support economic recovery. Interbank interest rate was kept at low level, enabling credit institutions to reduce lending interest rate. As a result, despite severe impact of the pandemic, the macro economy remained stable, economic growth pace in 2021 reached 2.56 percent, average CPI inflation rate was kept low at 1.84 percent; major economic balances were ensured; money and FX markets operated smoothly and stably.

Second, maintaining low policy interest rates, facilitating the reduction of market's lending interest rate. After three interest rate cuts in 2020, the SBV kept the policy interest rates at low levels in 2021 in combination with regulation of money market liquidity, and directed credit institutions to continue to proactively balance their financial capacity and cut operation costs to focus all resources on reducing lending interest rates to support businesses and people to overcome difficulties.

Third, ensuring the adequate and timely supply of credit to meet production, business and consumption needs of the economy; flexibly adjusting credit growth targets for credit institutions in order to associate credit growth with quality

improvement; direct credit to production, priority fields; strictly controlling credit to potentially risky areas; implementing many solutions to remove difficulties and facilitate businesses and people to access bank credit, contributing to limiting black credit.

Fourth, flexible managing FX rate, closely following the market, macro and monetary balances and monetary policy objectives; at the same time, synchronously and flexibly combining solutions to regulate VND liquidity, being active in communication and intervention via purchase and selling of foreign currencies with credit institutions. As a result, FX market was stable, market liquidity was ensured, the legal foreign currency needs of the economy were fully and promptly met; The SBV was able to buy foreign currency to accumulate the State FX reserves.

Fifth, promptly issuing and deploying many solutions to remove difficulties and support those affected by the COVID-19 pandemic; allowing credit institutions to restructure debt repayment terms, exempt or reduce interest and fees, while keeping loan categories unchanged, thus removing difficulties in lending to customers; implementing refinancing programs under the direction of the Government and the Prime Minister (refinancing VBSP to lend to employers for wage payment of employees that temporarily losing their jobs, of production restore; refinancing credit institution after the credit institution's lendings to Vietnam Airlines Corporation) At the same time, the SBV regularly reviewed and adjusted measures and policies so that supports given to people and businesses were practical, accessible and easy to use.

Sixth, continuing to drastically and effectively implement restructuring of the credit institution system in association with NPL resolution, combined with strengthening inspection, supervision and risk warning; thereby enhancing the role of financial intermediary of the credit institution system in providing capital and services to the economy along with ensuring system safety. In the context that the COVID-19 pandemic has had negative impact on the economy, the SBV instructed credit institutions to assess NPL status to develop NPL resolution plans in line with COVID-19 developments, actively improve asset quality, and control and limit newly arising NPLs. As a result, the stability and safety of the credit institution system continued to be maintained; financial capacity, governance quality gradually improved in approaching international practices; system liquidity was ensured, credit quality was enhanced, and on-balance NPL ratio was kept at below 2.0 percent.

Seventh, promoting non-cash payment and digital transformation in the banking system through innovation and development of information technology infrastructure, thereby improving service quality, enhancing safety and security of banking operations, effectively promoting the banks' role as blood vessels in providing capital for the economy. In addition, in order to facilitate credit institutions to reduce service fees and support customers to overcome difficulties caused by the COVID-19 pandemic, the SBV continued to extend the time to apply the policy of reducing domestic payment fees through the Internet Banking Electronic Payment System, and fee of credit information processing.

Eighth, in addition to the above solutions and policies, the SBV continued to effectively and synchronously implement solutions to manage the gold market; drastic implementation of administrative reform, information transparency, promotion of communication; renovation and improvement of statistical work, organization, training, scientific research, financial supervision... At the same time, the SBV continued to boost and expand bilateral and multilateral relations with other central banks, international financial institutions to receive support and enhance Viet Nam's position in the international arena.

2022 was the first year of the Government's implementation of the 2022-2023 Socio-Economic Development and Recovery Program. Accordingly, there was a heavy political task posed to the banking industry in general and the SBV in particular. The SBV as well as the banking sector on one hand needed to stay focus on inflation control and macroeconomic stabilization, on the other hand, needed to give support to economic recovery. In inheriting important and comprehensive achievements in recent years and with the close attention and direction of the Party and the State, the close coordination of ministries, agencies and local authorities, the SBV and the banking sector will continue to join their hands with businesses and people to overcome difficulties, make every effort to fulfill the tasks entrusted by the Party, the State and people, laying a solid foundation for the successful implementation of the tasks set out in the Socio-Economic Development Plan for 2022 and the Five-Year Socio-Economic Development Plan for 2021-2025.

Governor of the State Bank of Viet Nam



NGUYEN THI HONG

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Monetary Policy Department

Advises and assists the Governor of the SBV in determining instruments in carrying out national monetary policy such as refinancing window, interest rate, exchange rate, reserve requirements, open market operations, and others for the conduction of national monetary policies.

Foreign Exchange Management Department

Advises and assists the Governor in carrying out state management function over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading in accordance with applicable laws and regulations.

Payment Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement of the economy in accordance with applicable laws and regulations.

Economic Sectoral Credit Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over bank credit to economic sectors in accordance with applicable laws and regulations.

Forecasting and Statistics Department

Advises and assists the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with applicable laws and regulations.

International Cooperation Department

Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration within the State Bank's scope of management in accordance with applicable laws and regulations.

Monetary and Financial Stability Department

Advises and assists the Governor in stabilizing the monetary and financial systems within the State Bank's scope of state management.

Internal Audit Management

Advises and assists the Governor in carrying out internal audits and control over the SBV Units' operations.

Legal Affairs Department

Advises and assists the Governor in conducting state management via laws in the fields of monetary, banking operations and foreign exchange.

Finance and Accounting Department

Advises and assists the Governor in the SBV financial, accounting operations, capital investments, conducting the state management function over accounting, finance, and capital investments in the banking sector.

Personnel and Organization Department

Advises and assists the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management, staffing, management and use of civil servants, officials, remunerations and others within the SBV's scope of management as stipulated in applicable laws and regulations.

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function on emulation and rewarding in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Communication Department</i>	Advises and assists the Governor in managing and organizing communication activities in the banking sector that relate to the SBV's state management function.
<i>SBV Office</i>	Advises and assists the Governor in his leadership over banking activities, implements the SBV's administrative reform, manage archive and administrative works of the banking system in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over information technology in the banking sector and development and application of information technology in the SBV.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management and central bank functions over currency issuance and vault operations in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Administration Department</i>	Assists the Governor in managing public assets (excluding those transferred to income-generating administrations) assigned by the Governor and administrative and logistic activities in Hanoi and Ho Chi Minh city including: managing assets, finance, technical infrastructure, security, and taking care of living conditions and healthcare of the SBV staff.
<i>Central Banking Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting central banking operations.
<i>Banking Supervision Agency</i>	A General Department level agency of the SBV. It Advises and assists the Governor in implementing state management function over credit institutions, foreign bank branches, as well as inspection, complaint and denunciation resolutions, anti-corruption and anti-money laundering, deposit insurance. It conducts administrative and professional inspections and banking supervision in the areas under the SBV's state management. It conducts anti-money laundering and counter-terrorism financing in accordance with applicable laws and regulations and as assigned by the Governor.
<i>Municipal and provincial branches</i>	Advises and assists the Governor in implementing the state management function over monetary, banking and foreign exchange operations in their local areas. They conduct several central banking operations as delegated by the Governor.

ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR

- Banking Strategy Institute*** Undertakes researches and builds banking development strategies, projects and plans; organizes researches, development and control of the implementation of banking science and technology missions in meeting the SBV's requirements in accordance with applicable laws and regulations.
- Viet Nam's National Credit Information Center*** A public administrative agency. It undertakes the function of national credit registration. It collects, processes, stores and analyzes of credit information; prevents and minimizes of credit risk; conducts credit marking and rating of legal entities and individuals within Viet Nam's territory in serving the SBV's state management in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
- Banking Times*** A speaker and social forum of the banking sector. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, and banking operations in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
- Banking Review*** A speaker and professional forum on banking theories, operations, science and technology. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, banking operations and achievements in banking science and technology and other relevant areas in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
- Banking Training School*** Trains and strengthens human resource capacity; provides with staff of the SBV and the banking sector with up-to-date professional knowledge and skills.
- Banking Academy*** Trains and strengthens human resource capacity in the fields of economic and banking-finance at intermediate, college, undergraduate and graduate levels and in other areas as authorized.

Part I - World and Viet Nam's economy

1. World economy

In 2021, global economy recovered thanks to the accelerated universalization of vaccines, but there was an uneven recovery pace between countries in the context of complicated developments of the COVID-19 pandemic with many new variations. World commodity and raw materials prices jumped to the highest levels in many years (in which, food price reached the highest level in the past 10 years; the average price of WTI oil in 2021 increased by 74.1 percent y-o-y). Global trade recovered thanks to increased demand, but there remained supply chain disruption making it difficult for transportation, and along with the increasing trend of global prices, production costs and inflation were pushed up globally. On the financial market, on y-t-d basis, the USD-Index increased by 6.7 percent; gold price decreased by 3.6 percent. International organizations continuously lowered their global growth forecasts. In that context, central banks promptly shifted to narrowing monetary easing and raising interest rates from the second half of 2021 to deal with inflation risk and increased financial instability.

1.1. World economic growth

According to the IMF,¹ world economic growth rate in 2021 stood at 6 percent (2020: -3 percent); global inflation rate jumped from 3.2 percent in 2020 to 4.7 percent in 2021.

The US economy rebounded with a growth rate of 5.7 percent - the highest since 1984, an impressive reversal from a decline of 3.4 percent in 2020 thanks to the effectiveness of large-scale economic stimulus packages and low interest rate policy. The US labor market improved, the unemployment rate stood at 5.4 percent - the lowest since the beginning of the pandemic. Budget deficit at the end of the fiscal year was at 12.4 percent of GDP. Public debt decreased from 134.3 percent of GDP

“

World economy continued to recover in 2021, but inflation risk increased due to soaring commodity prices.

¹ IMF's World Economic Outlook, October, 2022

in 2020 to 127.8 percent of GDP in 2021. Inflation rate increased sharply, from 1.2 percent in 2020 to 4.7 percent in 2021.

The Eurozone's economy recovered strongly with a growth pace of 5.2 percent (2020: -6.1 percent), reaching the same size as it was before the COVID-19 pandemic. Among major economies, France achieved the highest growth rate of 6.8 percent (2020: -7.9 percent); Italy increased by 6.6 percent (2020: -9 percent); Spain increased by 5.1 percent (2020: -10.8 percent); Germany increased by 2.6 percent (2020: -3.7 percent). The region's public debt increased from 97.3 percent of GDP in 2020 to 97.4 percent of GDP in 2021. Inflation rate across the region increased from 0.26 percent in 2020 to 2.6 percent in 2021. Unemployment rate decreased to 7 percent from 8.2 percent in 2020 thanks to increased labor demand when the economy recovered.

Japan's economy recovered and achieved positive growth rate for the first time in 3 years, at 1.7 percent (2020 and 2019: -4.6 percent and -0.4 percent, respectively) thanks to a strong recovery in consumer spending and exports increased. Public debt stood at 263.1 percent of GDP (2020: 259 percent of GDP). Inflation rate was at -0.2 percent (2020: 0 percent).

Emerging and developing countries grew by 6.6 percent (2020: -1.9 percent). The BRICS all achieved high/good growth rates, of which China's growth rate was positive for the second consecutive year, reaching 8.1 percent (2020: 2.2 percent). India, Russia and Brazil, respectively, increased by 8.7 percent, 4.7 percent and 4.6 percent (2020: -6.6 percent, -2.7 percent and -3.9 percent, respectively). ASEAN-5² as a whole grew by 3.4 percent (2020: -3.4 percent) in which all economies had good growth rates (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand and Viet Nam respectively increased. 3.7 percent; 3.1 percent; 5.7 percent; 1.5 percent and 2.56 percent.) The average inflation rate of the group of emerging and developing countries was at 5.9 percent, up from 5.1 percent in 2020.

² Including Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand and Viet Nam.

Global trade made a strong breakthrough with an increase of 10.1 percent after decreasing by 7.8 percent in 2020 in the context of high commodity prices, ease of COVID-19 prevention measures and demand recovered strongly thanks to economic stimulus packages.

Global investment recovered. Global FDI increased by 64 percent from USD 963 billion in 2020 to USD 1582 billion in 2021, surpassing pre-COVID-19 levels. The recovery was mainly in developed countries with the ever strongest FDI increase (up by 134 percent to almost USD 746 billion in 2021); while developing countries recovered more modestly (up by 30 percent to almost USD 837 billion).

1.2. Monetary policy management in some countries

In the first half of 2021, central banks continued to maintain loosening monetary policy to support the economic recovery amidst the emerge of new variants of the COVID-19 virus. However, the economic recovery was uneven and the supply “bottlenecks” were slowly removed, causing inflation and risks of financial instability to increase, particularly in developed economies, triggering the trend of narrowing monetary easing in the second half of 2021. Increasing trend of interest rate was accelerated since the middle of the third quarter of 2021 with a total of 113 interest rate hikes and only 14 interest rate cuts worldwide in 2021. In October, 2020, the IMF recommended that countries should not lose price stability gains achieved in recent years and need to be ready to act quickly to respond to inflation risks amidst faster-than-expected economic recovery.

As for developed countries, rapid universalization of COVID-19 vaccine accelerated the recovery and reopening of economies. Demand increased amidst supply shortage caused inflation to soar to record highs, prompting central banks to withdraw monetary easing measures soon. Central banks of Australia, Canada, and New Zealand began to reduce the size and end their asset purchase programs from the second quarter of 2021. Although the Fed maintained interest rate at close to 0 percent, asset purchase amount was cut by USD 15



In response to soaring inflation and risks of financial instability, central banks quickly shifted monetary policy stance from “maintained easing” in the first half of the year to “narrowing easing and raising interest rates” in the second half.

billion in November, 2021, continued to be cut by USD 30 billion since December, 2021. The Fed's asset purchase program was expected to terminate in March, 2022. The ECB reduced the size of monthly asset purchases under the Pandemic Emergency Purchase Program (PEPP) from the fourth quarter of 2021. In December 2021, the Bank of England became the first G7 central banks to raise interest rates and was expected to continue to increase interest rate sharply in 2022.

As for emerging and developing countries, in the context of negative pandemic developments, central banks continued to maintain monetary policy easing to support the economy. However, the trend of strong narrowing monetary policy easing in developed countries triggered the trend of capital flow reverse in emerging markets in the second half of 2021. In that context, many central banks have raised interest rates and intervened to stabilize markets. Notably, the Central Banks of Indonesia and the Philippines directly purchased government bonds to finance the state budget and ensure the smoothness of the bond market. The Central Bank of China reduced RR ratio and lowered interest rates to support the economy under the impact of the "Zero-COVID" policy and real estate market crisis.

2. Viet Nam's economy

In 2021, there was a recovery trend in the world economy when countries promoted COVID-19 vaccination programs, but new variants affected the economic recovery momentum. Domestically, 2021 was an important year with many important events. It was the first year to implement the Resolutions of the 13th National Congress of the Party, the 10-year Socio-economic Development Strategy for 2021-2030 and 5-year plan for 2021-2025, meanwhile, the outbreak of COVID-19 pandemic from end-April with a new variant with a rapid and dangerous spread and complicated developments in many localities, particularly in key economic localities such as Ha Noi, Bac Ninh, Bac Giang, Da Nang, Ho Chi Minh City, Binh Duong, Dong Nai, Long An, Can Tho... seriously affected people's lives, people's safety and socio-economic development,

causing economic growth in the third quarter of 2021 to have the deepest decline since Viet Nam's quarterly GDP calculation and announcement. In addition, the pandemic caused global value chain disruption, pushing up the price of production materials that formed a significant challenge for production and business activities. Against that backdrop, under the unified leadership of the whole political system and the drastic direction and administration of the Government, the Prime Minister issued timely decisions of pandemic prevention and control and socio-economic development. In particular, Resolution No. 128/NQ-CP dated October 11, 2021 issuing temporary regulations on “*safe adaptation to, flexible, effective control of the COVID-19 pandemic*”, along with policies to ensure safety and security, social welfare, consensus of all levels, agencies and localities, consensus, support, sharing and active participation of all classes of people, business community. As a result, the economy maintained its growth rate, although it did not achieve the set target, social security was ensured, the macro-economy was stable, and inflation was controlled at a low level.

2.1. Economic growth

By economic industry, on y-o-y basis, the industry-construction and service sectors had a lower growth rate. Meanwhile, the agriculture - forestry - fishery sector had a higher growth rate, clearly demonstrating the role of the pedestal of the economy in difficult times, ensuring the supply of food and essential goods, and an important facility to implement the safety and security of the people during the pandemic

Agro - forestry - fishery increased by 3.27 percent, higher than the increase of 3.04 percent in 2020 mainly thanks to the strong recovery of the agriculture and forestry while the growth of the fishery slowed down. The agricultural sector increased by 3.61 percent (2020: 2.83 percent) thanks to relatively favorable weather and good crop yields. The forestry sector increased by 4.62 percent (2020: 1.62 percent) thanks to high wood prices. However, the fishery's growth rate slowed down, reaching 1.83 percent (2020: 4.06 percent) mainly due to the complicated

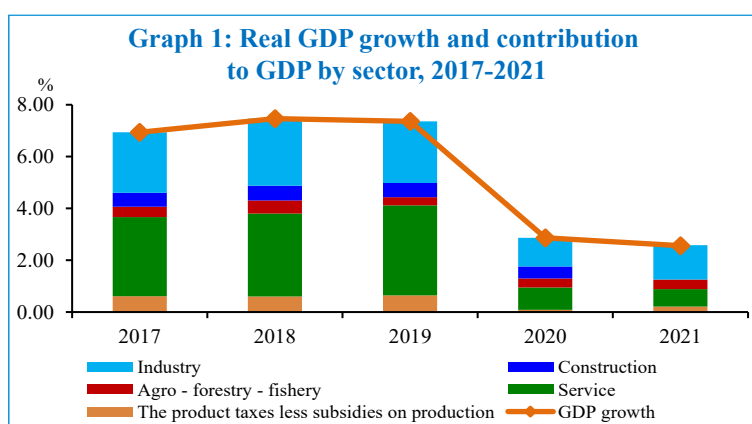
“

The domestic economy was seriously affected in the third quarter when the Delta mutation broke out, GDP in the third quarter decreased by 6.03 percent - the deepest decrease since Viet Nam calculated and announced quarterly GDP. However, the economy recovered in the fourth quarter

as the pace of vaccination was accelerated, helping to reopen the economy. Economic growth in 2021 reached the rate of 2.56 percent. From the supply side, agriculture-forestry-fishery, processing and manufacturing industry increased, however, mining, tourism services, accommodation, transportation, warehousing, wholesale-retail... were remained greatly affected. On the demand side, consumption, import and export all recovered but investment slowed down.

developments of the COVID-19 pandemic, affecting the production - processing - consumption supply chain. (In Q3, fishery decreased by 3.09 percent y-o-y).

Industry increased by 4.47 percent, higher than the growth rate of 3.77 percent in 2020. Of which, the processing and manufacturing field increased by 6.05 percent (2020: 4.99 percent) and continued to be the growth engine of the whole economy. The mining industry dropped by 7.88 percent due to a 5.7 percent drop in crude oil production and a 19.4 percent drop in gaseous natural gas.



Source: GSO, SBV's calculation

Construction decreased by 0.34 percent, considerably lower than the growth of 7.15 percent in 2020, of which a drop of 9.4 percent in the third quarter mainly due to the impact of the COVID-19 pandemic caused the declining growth rate of gross social investment, down to 3.2 percent (investment by the public and the FDI sectors decreased by 2.9 percent and 1.1 percent, respectively; while that of the private sector kept its good growth rate of 7.2 percent).

Services grew at the rate of 1.57 percent. It was the sector that had been hit the most by the pandemic. The negative growth of some service sub-industries accounting for a large proportion made the reduction the overall growth rate of the service sector and the whole economy. The wholesale and retail increased by 0.5 percent y-o-y, making a contribution of 0.04 percentage point in the growth rate of total added value of the whole economy; transportation and warehousing decreased

by 3.11 percent, making a decline of 0.17 percentage point; accommodation and restaurant services dropped by 20.21 percent, making a decline of 0.46 percentage point. On the contrary, the healthcare service and social assistance achieved the highest growth rate in the service sector with an increase of 41.01 percent, contributing 0.47 percentage point; finance, banking and insurance increased by 9.5 percent, contributing 0.47 percentage point; information and communication increased by 5.08 percent, contributing 0.29 percentage points.

Consumption, import and export all recovered, but investment growth slowed down

Final consumption recovered and grew at 2.33 percent after posting a 16-year low increase in 2020 (0.5 percent), mainly driven by a recovery in private consumption with an increase of 1.95 percent (2020: 0.38 percent) although people's income was lower than the same period. Government consumption increased by 4.66 percent, higher than the increase of 1.24 percent in 2020 for a growth of 4.0 percent in current expenditures (2020: 1.9 percent).

Total assets accumulation increased by 3.96 percent (2020: 4.11 percent), corresponding to the slower growth of total social investment capital at 3.2 percent. While investment by the private sector maintained a relatively high growth rate of 7.2 percent, investment by the public and FDI sectors continued to be heavily affected by the pandemic, with a decrease of 2.9 percent and 1.1 percent, respectively.

Net exports made a negative contribution to economic growth (-2.08 percentage points) with the recovery of both exports and imports but the faster growth rate of import resulted in a higher trade deficit compared to the same period. In particular, exports of goods and services increased by 13.85 percent (2020: 4.06 percent), imports of goods and services increased by 15.83 percent (2020: 3.28 percent). In the context of the complicated developments of the COVID-19 pandemic, import and export activities in 2021 remained the bright spot of the economy thanks to the recovery of the world economy and the increased demand for input materials for production.

2.2. Labor, income and productivity



Despite the improvement in the labor and employment in the fourth quarter of 2021, for 2021 as a whole, the unemployment rate and underemployment rate remained increase, and people's income was lower than 2020 due to the impact of the COVID-19 pandemic.

According to the GSO, in 2021, the labor force aged 15 and over reached the scale of 50.5 million people, including: 27 million male employees, accounting for 53.5 percent; female employees were 23.5 million people, accounting for 46.5 percent. The unemployment rate at working age was estimated to be 3.22 percent (the highest was in the third quarter: 3.98 percent), of which urban unemployment rate was 4.42 percent, rural unemployment rate was 2.48 percent (those data in 2020 were 2.48 percent, 3.88 percent, 1.75 percent, respectively). The youth unemployment rate (from 15-24 years old) in 2021 was estimated to be 8.48 percent, of which that in urban area was 11.91 percent and rural area was 6.76 percent. The underemployment rate in the working age increased by 3.1 percent (in 2020: 2.51 percent), especially in the third quarter, it increased by 4.46 percent.

Labor productivity of the whole economy at current prices in 2021 was estimated to be VND 171.3 million/worker (equivalent to USD 7,398/worker, an increase of USD 538 compared to 2020.) At constant prices, labor productivity in 2021 increased by 4.71 percent thanks to the improvement of workers' qualifications (the percentage of trained workers with diplomas and certificates in 2021 reached 26.1 percent, higher than the rate of 25.3 percent in 2020).

The scale of the economy in 2021 achieved VND 8,479,667 billion; GDP per capita was VND 86.1 million per year, equivalent to USD 3,717 (an increase of about USD 165 compared to 2020.) However, the average income per person per month was lower (the average monthly income of salaried workers was estimated to be VND 6.6 million, down by VND 45,000 compared to the previous year. According to the Population Living Standards Survey in 2021, the average income per person per month in 2021 at current prices was estimated to be about VND 4.2 million, down by VND 73,000 compared to 2020.) The base salary for cadres, civil servants, public employees and the armed forces was maintained at VND 1.49 million per month from July 1, 2019 according to Decree No. 38/2019/ND-CP dated May 9, 2019. Between 2020 and 2021, the regional minimum wage was kept

unchanged and continued to be implemented according to Decree No. 90/2019/ND-CP dated November 15, 2019; accordingly, the salary paid to employees was divided into 04 regions, equivalent to VND 4.42 million per month; VND 3.92 million per month; VND 3.43 million per month and VND 3.07 million per month.

2.3. Inflation

Inflation in 2021 was put under much pressure from the complicated movements of the international and domestic markets. The prices of world raw materials, fuel and freight rates increased, along with supply disruptions, the sentiment of holding goods increased in the context of social distancing in provinces and cities in implementing Directive No. 16/CT-TTg,³ causing prices of some commodity groups to increase sharply compared to the same period.⁴ However, the COVID-19 pandemic caused a sharp decrease in the demand for many items, thereby significantly eliminating the increasing pressure on inflation from the above commodity groups. The average CPI inflation rate in 2021 was 1.84 percent, in line with the target set by the National Assembly. The supporting factors to control inflation in 2021 were: (1) The average price of food items in 2021 decreased by 0.54 percent y-o-y (the price of pork decreased by 10.52 percent, that of chicken decreased by 0.28 percent) causing the Food price index to decrease by 0.54 percent; (2) The Government implemented programs to support people and businesses facing difficulties due to the COVID-19 pandemic such as: reducing electricity prices and electricity bills for customers of Viet Nam Electricity in the fourth quarter of 2020 (implemented in January 2021) and in August-September 2021 (in localities where

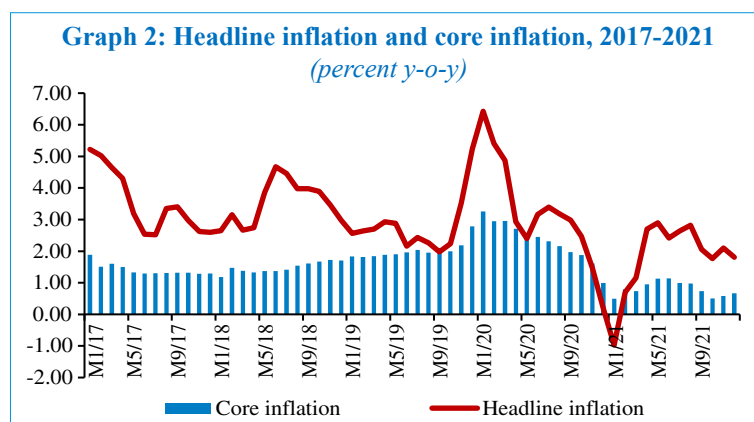


The consumer price index (CPI) in 2021 increase by 1.84 percent on average, which was the sixth consecutive year at lower level than the target set by the National Assembly. Core inflation remained stable, averaging 0.81 percent.

³ Directive No. 16/CT-TTg dated March 31, 2020 of the Prime Minister on the implementation of urgent measures to prevent and control the COVID-19 pandemic

⁴ On average, in 2021, on y-o-y basis, the price of gasoline increased by 31.74 percent, leading to an increase in the price index of the Traffic group by 10.52 percent; gas prices increased by 25.89 percent, housing maintenance materials prices (cement, iron, steel, sand, etc.) increased by 7.03 percent, causing the price index of housing, electricity, water, fuel and construction materials to increase by 1.76 percent; rice price increased by 5.79 percent, leading to a 5 percent increase in the Food Price Index.

social distancing was implemented in accordance with Directive No. 16/CT-TTg), continue to postpone the roadmap to increase the price of medical services in 2021; (3) Domestic commodity market was greatly affected by the COVID-19 pandemic, which restricted production, business and trade activities, and the demand for tourism, accommodation, food and other services. Other services fell sharply (airfares decreased by 21.15 percent, package tour prices decreased by 2.32.) Final consumption in 2021 increased by 1.43 percent only, the lowest since 2005; total retail sales of consumer goods and services decreased by 3.8 percent and by 6.2 percent if calculated at constant price (2020: decrease by 3.0 percent); (4) With the determination and close direction of the Government and the close coordination of ministries, agencies and local authorities in market administration, price control, inflation, disease prevention, balance between supply and demand in the domestic commodity market was guaranteed, the price level of goods did not have large fluctuations; (5) The SBV's reasonable and consistent monetary policy management along with the Government's success in controlling inflation in recent years anchored inflation expectations at a low level.



Source: GSO

Core inflation stood at a low level due to weak demand in the economy, combined with a significant slowdown in the price of Rental Housing and Out-of-Family Dining.⁵ The

⁵ On average, in 2021, on y-o-y basis, rental housing prices decreased by 1.41 percent (increasing by 1.91 percent in 2020); the price of food and drink out of the family increased by 2.09 percent (in 2020 it increased by 7.18 percent). In addition, the Vehicle group continued the downward trend in its price in 2020, decreased by 0.31 percent on average in 2021 (in 2020 by 0.49 percent).

average core inflation rate in 2021 was 0.81 percent, showing that flexible monetary policy management had positively contributed to reducing pressure on average CPI inflation while reasonably supporting economic growth. Inflation continued to be controlled, creating a solid foundation to maintain the business community's confidence in the business environment, contributing to attracting foreign investment.

2.4. State budget revenue and expenditure

*State budget revenue*⁶ was 16.8 percent higher than the estimate, reaching about 18.5 percent of GDP (in 2020: 1.9 percent lower than the estimate and reaching 18.8 percent of GDP). State budget revenue was high because most of the revenue items exceeded the estimate, especially the revenues from crude oil and from import and export activities increased sharply compared to the estimate. Domestic revenue accounted for the biggest proportion of total state budget revenue (83 percent) and exceeded the estimate by 15.1 percent (in 2020: 0.2 percent exceeded the estimate.) Crude oil revenue exceeded the estimate by 92.4 percent (in 2020: 1.7 percent lower than the estimate.) Revenue from import and export exceeded the estimate by 20.9 percent (in 2020: 14.7 percent lower than the estimate).

State budget expenditure exceeded the estimate by 3.0 percent (in 2020: 1.5 percent lower than the estimate). In which, capital expenditure was 8.1 percent higher than the estimate (in 2020: 15.5 percent higher the estimate); current expenditure exceeded the estimate by 1.7 percent (in 2020: 9.2 percent lower than the estimate).

State budget deficit was lower than the estimate in both absolute and relative terms, reaching VND 286,487 billion, equivalent to 3.41 percent of GDP (in 2020: VND 216,406 billion, 3.44 percent of GDP).

⁶ State budget figures for 2021 were estimates made according to the Report No. 65/TTr-BTC submitted to the Government's Standing Committee on March 30, 2022 on the Report on additional assessment of the results of the implementation of the State budget in 2021, the actual implementation situation of state budget estimate in 2022. State budget data for 2020 was according to the Government's Report No. 82/BC-CP dated March 22, 2021 to be submitted to the National Assembly. Based on the above state budget data, the SBV calculated the ratio of state budget revenue/GDP and state budget expenditure/GDP using adjusted GDP data published by the GSO. The ratio of state budget deficit to GDP was announced by the Ministry of Finance.

“

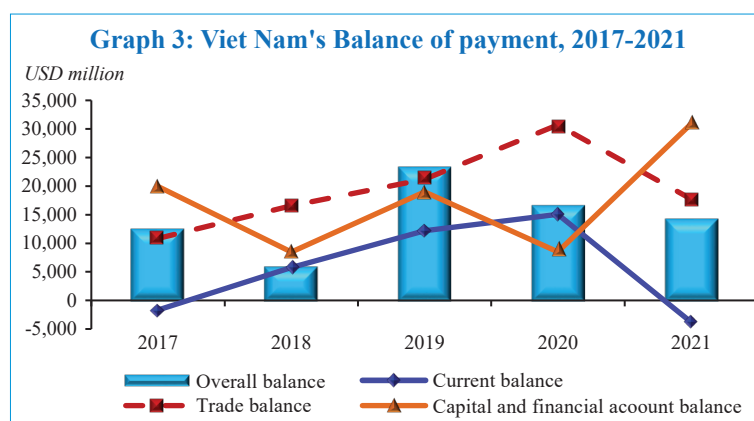
State budget revenue was higher than the estimate because of positive development in most of the revenue items thanks to the economic recovery from the fourth quarter of 2021. Meanwhile, state budget expenditure kept increasing higher than the estimate because the Government had to continue to carry out the spending tasks for socio-economic development, while supporting the economy to overcome difficulties caused by the COVID-19 pandemic. The progress of revenue is higher than that of expenditure, and state budget deficit was improved compared to the estimate.

2.5. Balance of payment

“

Overall balance of payment in 2021 had a surplus for the sixth consecutive year thanks to the domestic economy's maintenance of growth rate, trade balance and foreign investment inflows continued to be in surplus, facilitating FX reserves accumulation.

Overall balance of payment had a surplus of USD 14.3 billion, the sixth consecutive year of surplus, creating an abundant supply of foreign currency in the FX market, thanks to which the SBV acquired foreign currencies from credit institutions to build up the state FX reserves.



Source: SBV

Current account balance turned to a deficit of USD 3.8 billion after 3 consecutive years of high surplus, mainly due to the narrowing of the surplus in goods balance and a sharp decline in service exports as tourism and aviation activities continued to be frozen because of the COVID-19 pandemic. The balance of goods⁷ had a surplus of USD 17.7 billion, down by 42.4 percent compared to the surplus in 2020 (USD 30.7 billion). Trade balance⁸ had a surplus of 4.08 billion USD, only one fifth of the surplus in 2020 (19.9 billion USD) in the condition that imports recovered strongly and outstripped the growth rate of exports. The balance of services had a record deficit of USD 15.7 billion, mainly due to a sharp decline in service export revenues (service exports in 2021 decreased by 51.7 percent compared to 2020, while import service exports increased by 8.5 percent compared to 2020). The balance of income had a deficit of USD 16.1 billion, up by 8.6 percent compared to the deficit of USD 14.8 billion in 2020. Current transfers had a surplus of USD 10.3 billion, up by 9.2 percent compared to the surplus of USD 9.45 billion in 2020.

⁷ The balance of goods is the difference between exports of goods at FOB price and imports of goods at FOB price

⁸ Trade balance is the difference between exports of goods at FOB and imports of goods at CIF.

Capital and financial account balance had a record surplus of USD 30.9 billion, 3.6 times higher than the surplus of 8.49 billion USD in 2020 mainly because businesses and credit institutions increased external debt in the context that interest rates in the international market were at a record low. Net FDI reached USD 15.36 billion, down slightly from 15.42 billion USD in 2020. *Net foreign indirect investment* had a surplus of USD 281 million, reversing from the deficit of USD 1.26 billion in 2020. *External debt* reached a surplus of USD 5.44 billion, a sharp increase compared to the surplus of USD 2.36 billion in 2020, external debt increased in all terms. *Money and deposits* had a surplus of USD 8.06 billion, reversing from a deficit of USD 8.05 billion in 2020.

2.6. Financial and monetary developments

Monetary developments

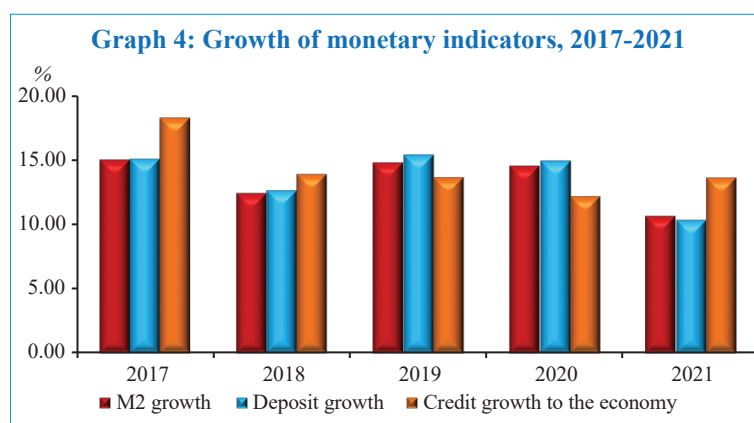
In 2021, in the context that the economy is severely affected by the COVID-19 pandemic lasting for the second consecutive year, the SBV continued to manage monetary policy proactively and flexibly, ensuring liquidity for the banking system, ensure capital availability to support economic growth recovery. Accordingly, M2 increased by 10.66 percent y-t-d, lower than the increase of 14.53 percent of 2020. Lower M2 growth compared to 2020 was mainly due to: **(1)** The amount of the SBV's net purchase of foreign currency to accumulate the state FX reserves in 2021 was significantly lower than in 2020, along with the SBV's move to FX purchase on forward contracts, causing a lagging injection of corresponding amount of VND and causing less rapid M2 growth; **(2)** The government reduced borrowing from the banking system and strongly increased deposits at the SBV in the context of good state budget revenue, lower-than-estimate government spending and slow disbursement of public investment due to the social distancing measures nationwide (in 2021, the disbursed state budget capital reached 94.94 percent of the plan assigned by the Prime Minister, lower than the disbursement result in 2020 (97.46 percent));⁹ **(3)** Credit



Total liquidity was properly regulated. Capital mobilization decelerated; credit growth was associated with credit quality improvement, in line with the economy's ability to absorb capital and the policy and direction of monetary policy management, thereby contributing to support economic growth recovery.

⁹ Data in Report No. 2156/BC-BKHDT dated April 1, 2022 of the Ministry of Planning and Investment to the Government on the results of the implementation of the 2021 public investment plan and the implementation of the annual public investment plan 2022.

growth - the main factor supporting M2 growth in the first half of the year - slowed down in the third quarter of 2021 due to the impact of the fourth wave of the COVID-19 pandemic (2021: credit growth of 13.61 percent, 2020: 12.17 percent); (4) Income of people and businesses reduced by the pandemic, along with the banking system's maintenance of low interest rates to support the economy, leading to the growth of capital mobilization in the whole system strongly decreased compared to 2020, at 10.3 percent (2020: 14.9 percent). In addition, the positive development of electronic payment means in the context of the pandemic has also somewhat limited the amount of cash circulating in the economy.



Source: SBV

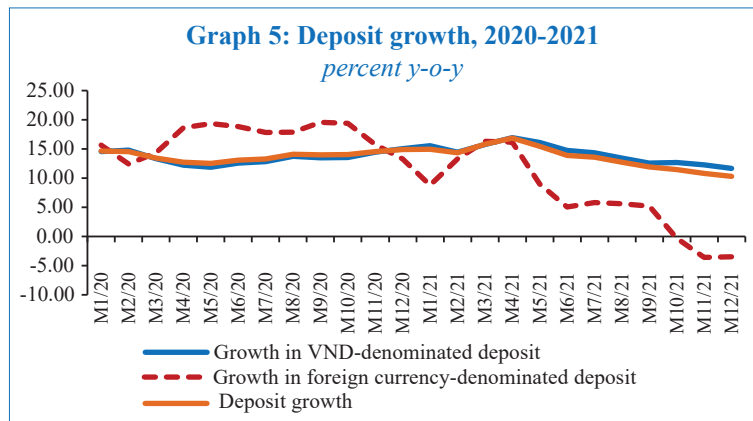
Capital mobilization of the banking system went down, in particular, foreign currency deposits decreased after 4 consecutive years of growth

Capital mobilization of the whole system increased by 10.3 percent y-t-d (2020: 14.9 percent); in which, VND deposits increased by 11.67 percent (2020: 15.06 percent), foreign currency deposits decreased by 3.5 percent (2020: 13.27 percent). Foreign currency deposits decreased after 4 consecutive years of growth, thereby causing dollarization in terms of deposits (foreign currency deposits/M2 ratio) to decrease from 8 percent in 2020 to 6.98 percent in 2021.

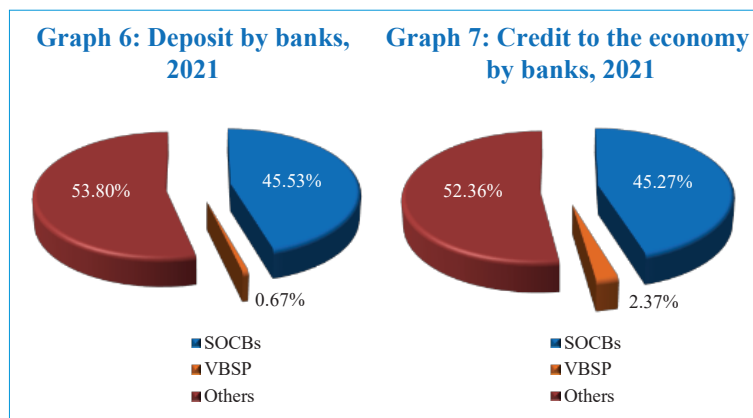
The proportion of capital mobilization of State-owned commercial banks increased, while that of other groups of credit institutions and VBSP decreased.¹⁰ capital mobilization

¹⁰ Including joint stock commercial banks, 100% foreign-owned banks, joint venture banks, foreign bank branches, non-banking credit

of State-owned commercial banks (excluding VBSP) accounted for 45.53 percent of system-wide (2020: 44.46 percent); VBSP accounted for 0.67 percent of system-wide mobilization (2019: 0.69 percent); other credit institutions accounted for 53.8 percent (2020: 54.85 percent).



Source: SBV



Source: SBV

Credit growth was associated with credit quality improvement, in line with the policy of renovating the economic growth model, contributing to controlling inflation and supporting economic growth recovery

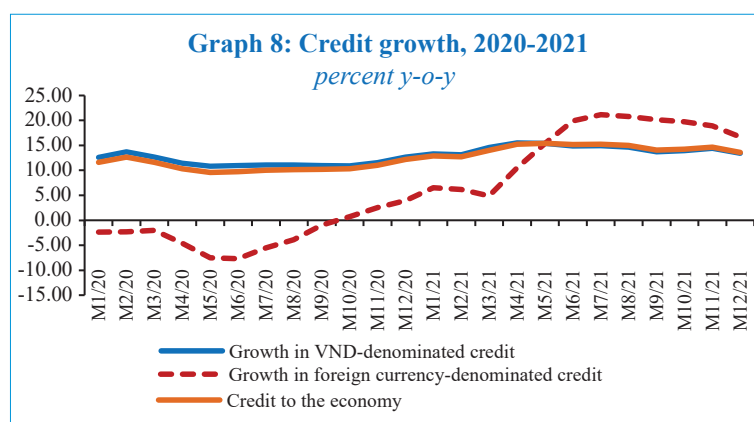
Credit to the economy¹¹ increased by 13.61 percent y-t-d (2020: 12.17 percent); in which, credit in VND increased by 13.44 percent, credit in foreign currency increased by 16.69 percent. Unlike the evolution of dollarization in terms of deposits, dollarization in terms of loans (foreign currency credit/M2 ratio) tended to increase from 4.13 percent in 2020 to 4.36 percent in 2021, but still

institutions (financial companies, financial leasing companies), people's credit funds.

¹¹ Credit outstandings exclude credit extension under trust contract and VAMC special bond balance.

below 5 percent. Credit to the economy continued to be focused and allocated by credit institutions in production and business sectors, which are the driving forces of economic growth, thereby contributing to controlling inflation and supporting economic growth recovery.

Credit structure to the economy tended to increase for other groups of credit institutions while decreasing for State-owned commercial banks and VBSP: Credit outstandings of State-owned commercial banks (excluding VBSP) accounted for 45.27 percent of total credit outstandings (2020: 46.2 percent); VBSP accounted for 2.37 percent (2020: 2.46 percent); other credit institutions accounted for 52.36 percent (2020: 51.34 percent).



Source: SBV

Interest rate developments

VND interest rate

The deposit and lending interest rates of credit institutions tended to decrease, in line with the SBV’s policy management. As of end-2021, the average VND deposit interest rate was at 0.1-0.2 percent p.a for demand deposits and deposits with terms of less than 1 month; 3.3-3.5 percent p.a for deposits with terms from 1 to less than 6 months; 4.2-5.7 percent p.a for deposits with term from 6 to 12 months; 5.3-6.5 percent p.a for deposits with terms from over 12 months to 24 months and 6.1-6.9 percent p.a for deposits with terms of over 24 months. The average lending interest rate for new and current loans with outstanding balance was 7.6-9.2 percent p.a; the average short-term VND lending interest rate for some industries and fields was about 4.3 percent p.a, lower than the maximum short-term lending interest rate prescribed

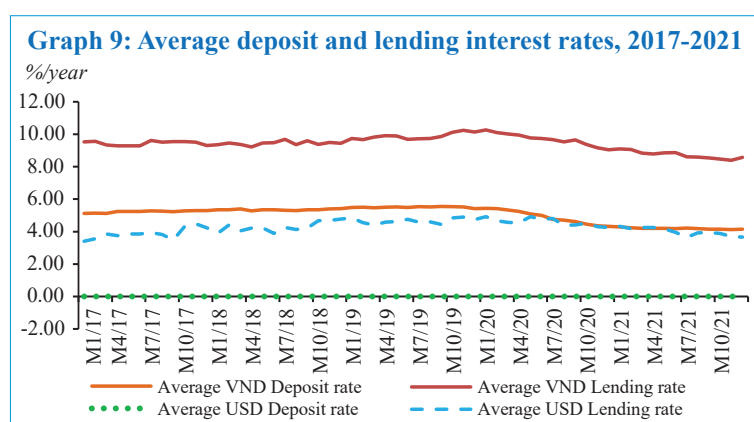


Market interest rates tended to decrease according to the trend of the SBV’s policy management to support the economy.

by the SBV (4.5 percent p.a). Accordingly, on y-t-d basis, the average VND deposit interest rate decreased by about 0.58 percent p.a; decreased by about 0.82 percent p.a.

USD interest rate

The USD interest rate moved in line with the Government's policy and the SBV's orientation on limiting dollarization. As of end-2021, the USD deposit interest rate of credit institutions was at 0 percent p.a according to the regulations of the SBV; the average USD lending interest rate for new and current loans with outstanding balance was at 2.0-3.2 percent p.a for short-term and at 3.2-4.4 percent p.a for medium and long term.



Source: SBV

Interbank money market

The scale of the interbank market continued to expand, especially lending and depositing activities in VND

Total outstandings of loans and deposits in VND on the interbank market reached VND 33,636 trillion, in USD converted to VND was VND 7,872 trillion, up by 95 percent and 12 percent respectively compared to 2020. Compared to lending and depositing, the amount of buying and selling of term valuable papers among smaller credit institutions reached VND 858 trillion in 2021, up by 14 percent compared to 2020.

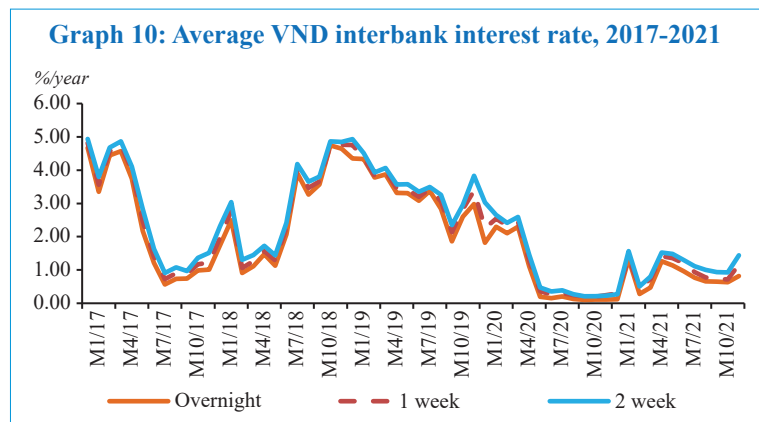
In terms of maturities, transactions on the interbank market in 2021 continued to be mainly at under 1 month, focusing on overnight and 1-week terms. Overnight trading volume in VND for the whole year reached VND 26,130 trillion, in USD converted to VND reached VND 5,469 trillion, accounting for 77 percent and 69 percent of the total trading volume of the year, respectively.

“

Interbank interest rates were relatively stable at low levels, and the size of the interbank market continued to expand.

Interbank interest rates were relatively stable at low levels

Compared to the common level in recent years, the interbank interest rates in 2021 were relatively stable at low levels because of abundant liquidity in the system thanks to the inheritance of a good liquidity position from end-2020 and the system continued to be complimented with VND from the sale of foreign currency by credit institutions to the SBV. On average, for the whole year, VND interest rates of overnight, 1-week, and 2-week terms were at 0.76 percent p.a, 0.93 percent p.a and 1.07 percent p.a, respectively.



Source: SBV

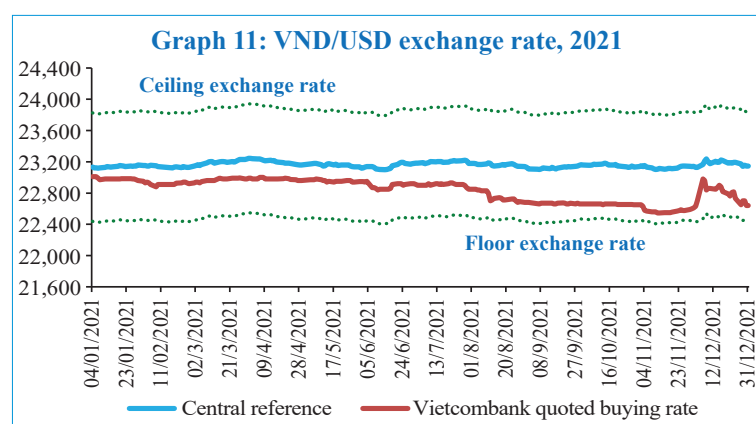
FX market developments

From the beginning of 2021, the SBV implemented a plan to purchase foreign currency on 6-month forward contract, reducing the frequency of intervention and gradually lowering the forward buying exchange rate, creating conditions for the exchange rate to move more flexibly while absorbing abundant foreign currency in the market, ensuring the smooth operation of the FX market. After relatively stable movements in the first 7 months, from August 11, 2021, the domestic exchange rate tended to decrease when the SBV actively stopped foreign currency purchase on forward contract, shifting to purchase on spot contracts and gradually lower the buying exchange rate to match market conditions, and at the same time giving VND liquidity support in the context of complicated developments of the COVID-19 pandemic. In the early days of December 2021, the market exchange rate tended to increase rapidly due to the unfavorable balance of supply and demand of foreign



In some periods, FX market was put under pressure from fluctuations in the international market, but in general, the market was stable thanks to a solid macroeconomic foundation and proactive and flexible monetary policy management solutions of the SBV.

currencies and the market adjusted expectations about the Fed's monetary policy narrowing roadmap. However, after the SBV listed the intervening selling rate at 23,150 VND/USD on December 8, 2021, it was ready to sell foreign currencies to support liquidity and stabilize the market and the interbank exchange rate tended to decrease again. As of end-2021, the central exchange rate increased by 0.06 percent y-t-d, the VND/USD interbank exchange rate decreased by 1.32 percent y-t-d. The FX market was stable, market liquidity was smooth, the legal needs of the economy of FX purchase and selling were fully and promptly met, and the SBV bought a large amount of foreign currency to accumulate the State FX reserves.



Source: SBV

The FX market was maintained stably thanks to the solid domestic macroeconomic foundation, favorable foreign currency supply and demand; the central exchange rate mechanism continued to be effective in creating conditions for the market exchange rate to move flexibly and in line with market conditions, supporting the absorption of external shocks to the economy and to limit speculation and holding of foreign currencies.

Gold price

In 2021, domestic gold bar price fluctuated according to international gold price movement; except for the period from June to September 2021, the domestic gold price was almost unchanged, remaining around VND 57 million per tael because most gold shops were closed under the regulations on social distancing while the price of gold remained unchanged. International gold

“

Domestic gold price fluctuated according to international gold price movements,

except when the whole country implemented social distancing.

price fell sharply, causing the difference between domestic and international gold prices to increase. From October, 2021, provinces and cities throughout the country began to reopen, domestic gold price increased in accordance with international gold price. As of December 31, 2021, domestic gold was traded at VND 61.25 million per tael, an increase of about 9 percent y-t-d; the difference between domestic and international gold prices remained at VND 10.7 million per tael.

Security market

“

Viet Nam's security market achieved impressive results and continuously conquered new heights in 2021.

In 2021, despite being affected by the COVID-19 pandemic, Viet Nam's stock market generated impressive results, attracting the attention of domestic and foreign investors. VN-Index was at the lowest level of 1,023.94 points on January 28, 2021 (down by 7.24 percent y-t-d). After that, the market recovered for the rest of the year and continuously conquered new highs, the VN-Index reached 1,500.81 points on November 25, 2021, the highest in 21 years. Market capitalization of stocks on all three exchanges (HOSE, HNX, UPCOM) reached about VND 7.76 quadrillion, equivalent to 125 percent of GDP (2020: 87.7 percent of GDP). In 2021, the average trading value per session on HOSE and HNX reached VND 19,539 billion and VND 2,798 billion, respectively, an increase of 204.1 percent and 288.1 percent, respectively compared to 2020.¹² In 2021, net selling by foreign investors reached more than VND 62,431 billion (in 2020: more than VND 19,721 billion).¹³

2.7. Operations of credit institutions

“

Credit institutions continued to strengthen and improve financial and governance capacity; improve prudential ratios, risk management in accordance with law and

As of end-2021, the credit institution system consisted of 04 commercial banks with over 50 percent of charter capital held by the State; 03 compulsory acquired commercial banks; 01 VBSP; 01 Development Bank; 28 commercial banks; 02 joint venture banks; 09 100% foreign-owned banks; 51 foreign bank branches; 26 finance and leasing companies; 01 Cooperative Bank; 1,181 PCFs and 04 microfinance institutions.

¹² Market capitalization and average trading value/session are calculated based on data published by the State Securities Commission.

¹³ Market information report data for December 2020 and December 2021 of the State Securities Commission.

**Table 1: Credit institution system in Viet Nam
as of December 31, 2021**

No.	Type	2020	2021
1	State-owned commercial banks	4	4
2	Compulsory acquired banks	3	3
3	Social Policy Bank	1	1
4	Viet Nam Development Bank	1	1
5	Joint-stock commercial banks	28	28
6	Joint-ventured banks	2	2
7	100% foreign-owned banks	9	9
8	Foreign bank branches	50	51
9	Finance, leasing companies	26	26
10	Cooperative Bank	1	1
11	People's credit funds	1,181	1,181
12	Microfinance institutions	4	4

international practices. System liquidity continued to be ensured, credit quality was improved.

Source: SBV

Financial capacity of credit institutions continued to be strengthened, their size continued to be expanded

In 2021, financial capacity of the credit institution system continued to be strengthened and their sized was expanded; solutions to handle NPLs were implemented in accompanying with measures to control and prevent new NPLs from arising, contributing to maintaining the on-balance NPL ratio at below 2 percent; governance and risk management capacities of credit institutions were gradually improved, approaching international practices and in accordance with the conditions of the domestic market. System liquidity was kept stable, regulations on limits and prudential ratios were strictly complied by credit institutions; business performances of credit institutions continued to be improved. As of end-2021, the system's total assets reached VND 15.96 quadrillion, an increase of 13.85 percent y-o-y; total charter capital of the whole system reached VND 775.8 trillion, an increase of 17.44 percent y-o-y.

As of end-2021, system-wide ROA and ROE were 1.21 percent and 14.65 percent, respectively (2020: 0.98 percent and 12.24 percent, respectively). The CAR ratio of the group of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN was 11.51 percent; the group of banks applying

Circular No. 22/2019/TT-NHNN was 10.12 percent; and the group of banks applying Circular No. 23/2020/TT-NHNN was 19.31 percent. The average liquidity reserve ratio reached 17.95 percent; most credit institutions met prudential ratios and limits of operation in accordance with the law.¹⁴

Table 2: Basic indicators

Types of credit institutions	Total equity		Chartered capital		Short-term deposit to medium-and long-term lending (percent)	Lending to deposit (percent)
	VND billion	± %	VND billion	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
SOCBs	6,451,584	11.39	180,078	15.98	27.16	81.13
Social Policy Bank	259,606	10.03	19,023	4.12		
Joint-stock commercial banks	7,152,208	18.16	393,604	24.11	26.31	70.22
Joint-ventured, foreign banks	1,629,531	7.02	138,570	5.55		41.50
Finance, leasing companies	260,177	13.59	35,877	17.41	37.03	
Cooperative Bank	49,168	12.57	3,030	0.00	13.43	52.50
People's credit funds	158,833	10.92	5,659	11.96		
The entire system	15,961,107	13.85	775,840	17.44	23.97	72.11

Source: SBV

Note:

- Data was made based on December 2021 accounting reports and statistical reports of credit institutions, foreign bank branches (excluding micro-finance institutions);
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One-Member Commercial Bank Limited, Ocean One-Member Commercial Bank Limited;
- Data in columns (6), (7) do not include Social Policy Bank and PCFs (not subject to report);
- The ratio of short-term deposit to medium-and long-term lending of joint-venture and foreign banks is not valid because they did not use short-term capital for medium and long-term lending.

¹⁴ Except for some weak credit institutions that were in the restructuring process.

Table 3: CAR of credit institutions and foreign bank branches

No.	Types of credit institutions	Regulatory Capital		Minimum capital adequacy ratio (percent)
		VND billion	± percent	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Group of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN	1,195,377	36.9	11.51
1.1	SOCBs	366,909	73.6	8.96
1.2	Joint-stock commercial banks	609,910	33.1	11.88
1.3	Foreign banks' branches	218,588	7.6	18.99
2	Group of banks applying Circular No. 22/2019/TT-NHNN	180,566	-36.2	10.12
2.1	SOCBs	110,417	-48.0	10.21
2.2	Joint-stock commercial banks	59,361	0.2	9.20
2.3	Foreign bank branches	8,048	11.0	25.65
2.4	Cooperative Bank	2,740	-33.9	10.71
3.	Group of non-banks applying Circular No. 36/2014/TT-NHNN	51,481	17.32	19.31
3.1	Finance, leasing companies	51,481	17.32	19.31

Source: SBV

Note:

- The above data are sourced from Balance Sheet Reports and Statistic Reports of Credit Institutions and foreign banks' branches in December 2021 (excluding microfinance institutions);
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One-Member Commercial Bank Limited, Ocean One-Member Commercial Bank Limited;
- Regulatory capital and CAR have excluded those banks with negative regulatory capital.

System liquidity continued to be ensured, credit quality was improved

Liquidity risk: Liquidity of the whole system was guaranteed, FX transactions took place smoothly, legal foreign currency needs were fully and timely met.

Credit risk: In the context of adverse impact of the COVID-19 pandemic on the domestic economy, eroding financial and debt repayment capacity of enterprises, the SBV directed credit institutions to synchronously implement measures to control and prevent new NPLs

from arising, contributing to improving credit quality and keeping on-balance NPL ratio of the credit institution system at a safe level of less than 2 percent. In 2021, the credit institution system handled VND 151.95 trillion of bad debts, of which credit institutions using risk provisions to handle accounted for 47.1 percent, debt repayment by customers accounted for 30.2 percent and sold to VAMC accounted for 12.6 percent. Regarding NPL resolution according to Resolution No. 42/2017/QH14 of the National Assembly, accumulated from August 15, 2017 to the end of December 2021, the whole credit institution system handled VND 380.2 trillion of bad debts.

Table 4: Credit institutions' ratios

Unit: percent

	ROA	ROE
SOCBs	0.89	15.84
Social Policy Bank	0.47	2.60
Joint-stock commercial banks	1.65	19.13
Joint-ventured, foreign banks	0.66	4.83
Finance, leasing companies	1.56	8.12
Cooperative Bank	0.36	4.37
People's credit funds	0.82	12.48
The whole system	1.21	14.65

Source: SBV

Note:

- The above data are sourced from Financial Statements in December 2021 (unaudited);
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One-Member Commercial Bank Limited, Ocean One-Member Commercial Bank Limited;
- ROE and ROA has eliminated banks with negative Equity.

Part II – State Bank of Viet Nam's management

In implementing the Government's direction in Resolution No. 01/NQ-CP dated January 01, 2021, the State Bank of Viet Nam issued Directive No. 01/CT-NHNN dated January 07, 2021 setting goals and tasks for the entire banking sector in 2021: *“Proactively and flexibly manage monetary policy, in close coordination with fiscal and other macroeconomic policies to control inflation in line with the 2021 target of 4 percent on average, supporting macro-economic stabilization, contributing to the recovery of economic growth, and maintaining the stability of the money and FX markets. In 2021, the direction of M2 growth target was about 12 percent; credit growth target was about 12 percent with adjustment in line with actual developments and situations. Reasonable credit growth associated with credit quality improvement, focusing on production and priority areas. Strictly control credit to potentially risky areas. Continue to remove difficulties in credit provision to the people and businesses affected by natural disasters and pandemics.”*

1. Management of monetary policy

Reasonable monetary regulation, ensuring system liquidity, stabilizing the money market, ensuring capital availability to support economic growth recovery

In accordance with the Government's direction, money market movements and capital situation of credit institutions, the SBV actively and flexibly operated open market operations, closely coordinated with fiscal policy for reasonable monetary regulation, ensuring system liquidity, stabilizing the money market, proactively responding to the COVID-19 pandemic and supporting economic growth recovery of. Accordingly, the SBV put a bid offer for termed purchase of valuable papers through daily open market operations with the offer interest rate at 2.5 percent p.a, applying volume bidding method, announcement of volume and interest rate to signal the stabilization of the money market. The volume and duration of the offer was adjusted accordingly, on some

“

Proactively, flexibly and synchronously manage monetary policy tools to control inflation, contributing to ensuring macro-economic stability, and support economic growth recovery; while ensuring system liquidity, maintaining a stable money market.

days adjacent to the Tan Suu Lunar New Year, the SBV actively increased the offered volume for valuable papers to give liquidity support to credit institutions to meet the needs of payment and cash of residents and economic entities, stabilize the money market. From November 15, 2021, the SBV flexibly adjusted the bid offer maturity to 91 days, to signal support for economic growth recovery and remove difficulties for production and business activities due to the impact of the COVID-19 pandemic.

Keeping policy interest rates unchanged

After three interest rate cuts in 2020, the SBV kept the policy interest rates unchanged in 2021, in order to facilitate the reduction of capital costs for people, businesses and the economy. At the same time, the SBV continued to direct credit institutions to minimize expenses, adjust business plans and profit targets to focus on reducing lending interest rates for old and new loans to support businesses and people to overcome difficulties.

Keeping VND and foreign currency RR ratios stable

The RR ratio for VND deposits was maintained at 3 percent for demand and less-than-12-month deposits, 1 percent for deposits with terms of 12 months and above. For foreign currency deposits, the RR ratio was maintained at 8 percent for demand and less-than-12-month deposits, 6 percent for deposits with terms of 12 months and above and 1 percent for deposits of credit institutions abroad.

Maintaining refinance in line with the objectives of monetary policy management and the Government's instructions

The refinancing instrument was operated in accordance with the instruction of the Government, the operating objectives of the State Bank and the capital needs of the credit institutions. Accordingly, in the context of the COVID-19 pandemic, there were still many complicated developments, affecting the domestic socio-economy, following the direction of the National Assembly, the Government and the Prime Minister, the SBV continued to refinance the VBSP to allow employers to borrow money to pay work stoppage wage to employees according to Resolution No. 42/NQ-CP and Decision No.

15/2020/QD-TTg;¹⁵ refinance VBSP to lend to employers to pay work stoppage wages to employees, pay wages to restore production according to Resolution No. 68/NQ-CP and Decision No. 23/2021/QD-TTg;¹⁶ refinancing the credit institutions after their lends to Viet Nam Airlines Corporation - JSC.¹⁷

Managing the exchange rate flexibly and appropriately, keeping the FX market stable

In 2021, the SBV managed the exchange rate and FX market in line with macroeconomic, inflation developments, market movements and monetary policy objectives, specifically: **(1)** continuing to announce central rates on daily basis based on reference to domestic and foreign market movements, macroeconomic, monetary balances and monetary policy objectives; **(2)** flexible implementation of market interventions (including spot and forward interventions) to stabilize the FX market. During periods of abundant FX supply, the SBV actively and flexibly purchased foreign currency from credit institutions and converted into VND to support economic development and ensure smooth operation of the FX market; and at the same time accumulating FX reserves, consolidating national financial and monetary security. During periods of exchange rate pressure, the SBV promptly communicated, offered an appropriate intervention plan and was ready to sell foreign currencies to support liquidity and stabilize the market; **(3)** synchronous and flexible combination of other solutions and tools (liquidity regulation, VND interest rate...).

¹⁵ The program has been implemented since 2020 in accordance with Resolution No. 42/NQ-CP dated April 9, 2020 of the Government on measures to support people facing difficulties due to the COVID-19 pandemic (amended, supplemented and supplemented by Resolution No. 154/NQ-CP dated October 19, 2020) and Decision No. 15/2020/QD-TTg dated April 24, 2020 providing for the implementation of policies to support people facing difficulties due to COVID-19 pandemic (amended and supplemented by Decision No. 32/2020/QD-TTg dated October 19, 2020).

¹⁶ Resolution No. 68/NQ-CP dated July 1, 2021 of the Government on a number of policies to support employees and employers facing difficulties due to the COVID-19 pandemic and Decision No. 23/2021/QD-TTg dated July 7, 2021 of the Prime Minister stipulating the implementation of a number of policies to support employees and employers facing difficulties due to the COVID-19 pandemic.

¹⁷ Resolution No. 135/2020/QH14 dated November 17, 2020 of the National Assembly on the 10th session of the XIV National Assembly. Resolutions of the Government (No. 24/NQ-CP on July 29, 2020; No. 44/NQ-CP on December 17, 2020; No. 194/NQ-CP on December 31, 2020) on solutions remove difficulties for Viet Nam Airlines Corporation - Joint Stock Company due to the impact of the COVID-19 pandemic.

Managing credit growth in tandem with improving credit quality, fully and promptly meeting capital needs of the economy with the focus on production and business activities, tightly managing credit to potentially risky areas; continuing to remove obstacles and assist consumers affected by the COVID-19 pandemic

On the basis of the economic growth target for 2021 set by the National Assembly and the Government, the SBV set and adjusted credit growth target in accordance with the actual situation and developments. Consequently, the SBV implemented solutions to control the volume and growth of credit in 2021 in tandem with credit quality improvement, achieving the target of controlling inflation, supporting the recovery of economic growth; focusing credit on production and business sectors; and strictly controlling credit for potentially risky sectors. In contributing to the reduction of black credit, the SBV directed credit institutions to implement numerous measures to remove obstacles and create favorable conditions for businesses and individuals to access bank credit, such as renewing and improving lending processes and procedures; diversifying credit programs and products suited to different economic sectors and subjects; promoting the application of technology in the context of the pandemic; reviewing, and cutting down many fees on customers. At the same time, the SBV continued to organize conferences to connect bank-business efficiently nationwide, conducted field surveys, received and immediately resolved difficulties and issues faced by individuals and enterprises.

2. FX management

Strengthen the construction and completion of the legal framework on the management of FX and gold market

The SBV continued to improve the legal framework for FX activities and to update the legal regulation document system to reflect current conditions. This helped to create an adequate and synchronized legal framework and make it possible for organizations and individuals to undertake FX activities in accordance with the law, making it possible for organizations and individuals to

“

Continued to develop the legal framework for FX and gold market management; the

access economic benefits from these activities. At the same time, the SBV issued Circular No. 15/2021/TT-NHNN dated September 30, 2021¹⁸ in amendment of a number of articles on gold trading. This made it possible for foreign-invested businesses to use the national one-stop system to get licenses to import gold materials to make gold jewelry and fine arts, saving money and time for businesses. This Circular got rid of one administrative procedure and simplified a number of rules about documentation and procedures in gold trading.

Thanks to the said measures, despite complicated developments in international gold price in 2021 and rising domestic gold price, the domestic gold market was relatively stable without speculation and price making behaviors, thus the price of gold bars went down and their attractiveness reduced. The SBV didn't have to use foreign currencies to buy gold on the market for intervention. Goldenization of the economy was limited, and some gold capital has been turned into money for soio-economic development.

Management of current transactions

The management of current transactions continued to move toward liberalization in line with international commitments. At the same time, the SBV continued to implement policies to limit the use of foreign currencies domestically to carry out the policy of limiting, moving towards dedollarization, and increasing people's trust in the VND. In line with the trend of integration, the policy to attract remittances remained open to encourage and facilitate remittance inflows, helping the domestic economy grow, improve Viet Nam's balance of payment, and boost the State FX reserve accumulation. The SBV also kept working on ways to bring foreign currency sources into the open banking system through foreign currency collection and exchange management policies, remittance policies and regulations, credit institutions' policies on purchase and selling of foreign currencies in cash with individuals, policies on managing cross-border payments, etc.

management of current transactions, capital transactions, management of FX reserves and gold market continued to be effectively implemented.

¹⁸ Circular No. 15/2021/TT-NHNN dated September 30, 2021 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 16/2012/TT-NHNN dated May 25, 2012 guiding a number of articles of Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 3, 2012 of the Government on the management of gold trading activities.

Management of capital transactions

FX management for activities related to foreign investment was carried out in the direction of facilitating Viet Nam to attract capital flows related to foreign investment, which subsequently contributed to the nation's continued economic growth and an improvement of balance of payment. Direct and indirect investment overseas was closely and cautiously managed in the way of encouraging domestic investors to take advantage of investment opportunities overseas while ensuring careful monitoring of capital outflows and prioritizing the concentration of domestic economic development resources.

In addition, the SBV continued to closely monitor and manage non-public guaranteed external debt and debt service of enterprises in line with the goal of the country's external debt management, ensuring the net external debt and debt service limit of enterprises to stay within the external debt cap set by the Prime Minister. At the same time, the SBV worked with the Ministry of Finance to propose to the Prime Minister to adjust the 2021 public debt and debt service plan to timely support enterprises to have chances to add more capital to recover their production and business activities.

Management of the State FX Reserves

The SBV continued to fulfill its goal of the State FX reserve accumulation under favorable market conditions through flexible and synchronous management of monetary tools. At the same time, the SBV deployed measures to stabilize the exchange rate and FX market in line with the goals of macroeconomic and monetary policy management. It also implemented effective and synchronous solutions to manage the FX market. As a result, the SBV continued to purchase foreign currency to accumulate the State FX reserves, forming a source for intervention when it was required.

3. Banking inspection and supervision

Inspection and supervision activities

The inspection work was kept innovated in the direction of comprehensive inspection of legal entities by combining and using risk-based inspection methodology.

The goal was to effectively focus inspection resources on objects and fields with high potential risks and easy to occur negativities and misconducts so that violations of credit institutions could be quickly found, stopped, and strictly addressed. In 2021, the SBV carried out 1,067 inspections and examinations; made 157 decisions to impose administrative fines against firms, credit institutions, and people total fine amount of VND 12.2 billion.

The supervision was innovated in the following directions: **(1)** Improving the effectiveness of micro- and macro-prudential supervision by deploying new risk monitoring tools and methods associated with the promotion of operationalisation and application of technical infrastructure, information technology, and database on the operation of the system of credit institutions and foreign bank branches; **(2)** Improving the ability to detect, analyze, give early warnings and propose measures to prevent risks and crises in order to ensure the safety and stability of the monetary, financial, and banking systems and prevent the risk of violating the banking law by credit institutions and foreign bank branches; **(3)** Closely coordinating between offsite and onsite supervision, licensing and issuance of regimes and policies.

Based on the offsite and onsite supervision results, the SBV issued documents directing and rectifying credit institutions and foreign bank branches on issues related to insurance business and agents; compliance with regulations on prudential limits and ratios; acceleration of NPL resolution according to Resolution No. 42/2017/QH14 of the National Assembly; credit extension for investment and trading in stocks and real estate; and regulating consumer lending activities of finance companies; ensuring safety in payment service provision...

Licensing management

In 2021, the SBV granted a license to establish 01 foreign bank branch in Ho Chi Minh City; and at the same time, processed applications for licenses to establish new foreign bank branches of foreign credit institutions in accordance with Circular No. 40/2011/TT-NHNN dated December 15, 2011.



The SBV continued to implement drastic and synchronous solutions for banking inspection and supervision, solutions to restructuring the credit institution system and NPL resolution, pushing up the application of Basel II standards and ensuring prudent and efficient operations following those standards.

Anti-money laundering

Under the close guidance of the Government and the Steering Committee on Anti-Money Laundering, the SBV closely coordinated with other ministries and agencies in implementing many important tasks such as reviewing the implementation of Prime Minister's decisions on the National Action Plan on AML/CFT;¹⁹ developing an action plan for the next phase; defending to get the approval of the Asia-Pacific Group's mutual evaluation of Viet Nam's AML/CFT mechanism; and studying and preparing documents to submit to relevant authorities to amend and supplement the Law on AML.

In addition, the SBV continued to focus on collecting and processing reports in accordance with the law, transferring suspicious transaction information, exchanging and providing information to local and foreign competent authorities; while at the same time, strengthening international cooperation, developing an information technology system for AML/CFT, contributing to crime prevention, protecting the national financial - monetary security and the safety of the banking system.

The implementation of the 2016-2020 Master Plan on Credit Institutions System Restructuring in association with Non-performing Loan Resolution (Master Plan 1058) and the study and development of the Master Plan in the period 2021-2025; implementing and ensuring prudential and efficient operations according to international standards of Basel II

Continuing to accelerate the implementation of credit institution system restructuring in association with NPL resolution

Following the goals and orientations stated in Master Plan 1058 and Resolution No. 42/2017/QH14 of the National Assembly, the SBV continued to closely monitor credit institutions in the implementation of the approved restructuring plans to request for review and adjustment of the plans in accordance with the actual operation, overcome the shortcomings and weaknesses; promptly handle difficulties and problems arising during the implementation of the plan; at the same time, monitor

¹⁹ Decision No. 2112/QĐ-TTg dated November 25, 2014; Decision No. 474/QĐ-TTg dated April 30, 2019.

and supervise the handling of bad debts as well as control the credit quality of each credit institution. As a result, the operation of the credit institution system continued to be maintained in a safe and stable manner. The credit institution system continued to grow steadily in terms of size; the financial capacity of the credit institutions was consolidated with gradual increase of charter capital over the years; non-performing ratio on the balance sheet was controlled below 2 percent; credit institutions raised their awareness and pay more attention to risk management and enhanced transparency of operational information in accordance with the law.

In addition, in order to continue the credit institutions system restructuring, focus on handling weak credit institutions, speed up NPL resolution, and improve the financial capacity of credit institutions, in 2021, the SBV coordinated with credit institutions, other ministries and agencies to review the implementation of the 2016-2020 Master Plan on Credit Institution System Restructuring in associated with NPL Resolution and study and develop the 2021-2025 Master Plan on Credit Institution System Restructuring in associated with NPL Resolution. Based on the direction of the Party, the Government and the comments of relevant ministries and agencies, the SBV would finalize the draft Master Plan and submit it to the Prime Minister for approval and implementation in the coming time.

Ensuring safe and efficient operations according to Basel II international standards

As stipulated in Circular No. 41/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016 and Circular No. 13/2018/TT-NHNN dated May 18, 2018, until currently, most credit institutions had complied with capital adequacy ratio (CAR) according to Circular No. 41/2016/TT-NHNN (Basel II standard approach on capital requirements). As of end-December 2021, there were 81 credit institutions and foreign bank branches that have met the CAR requirements according to Circular No. 41/2016/TT-NHNN²⁰ and 12 commercial banks and foreign bank

²⁰ Kienlongbank, PG Bank reported their CARs following the templates of Circular No. 41/2016/TT-NHNN; however, these two banks are still reviewing, upgrade and complete their input database system to ensure full implementation of CAR requirements per regulations in Circular No. 41/2016/TT-NHNN.

branches (including a number of commercial banks that have approved restructuring plans associated with bad debt settlement in the 2016-2020 period) reported that they would apply Circular No. 41/2016/TT-NHNN from January 01, 2023 at the latest. In addition, the SBV coordinated with the consultants of the Project on Banking regulation and supervision support (BRASS) to build, test and complete the Compliance Monitoring Dashboard Tool (CMD Tool) to support the monitor and supervision of the Basel II implementation by credit institutions and foreign bank branches.

4. Macroprudential supervision of the financial system

The SBV continued to implement the Regulation on systematic risk monitoring (according to Decision No. 2563/QĐ-NHNN dated December 31, 2016); updating the database for the monitor of financial stability indicators, analysis and assessment of risks to financial stability; conducting financial systemic risk surveys; stress-testing the resilience of the banking system against external shocks, especially in the context of the COVID-19 pandemic; preparing thematic reports, surveying the current status and the needs RegTech of credit institutions; completing the set of indicators to assess the safety and stability of the financial and monetary market and pilot the analysis and assessment of financial stress and vulnerability using This set of indicators. At the same time, implementing the action plan of the banking sector on the National Financial Inclusion Strategy to 2025, with orientation to 2030 and the Government's guidelines and policies on actively participating in the 4.0 Industrial Revolution, in 2021, the SBV has completed the Thematic Report that assesses "The impact of digital finance on financial inclusion in the context of the COVID-19 pandemic: Experiences from countries and suggestions for digital finance management policy for Viet Nam"; and research reports on the financial stability framework and the legal framework for macroprudential supervision for the banking and financial system in the context of the 4.0 industrial revolution.



The SBV continued to implement the Systematic Risk Monitoring Regulation, gradually completing the macroprudential policy framework, creating a legal basis to help prevent systemic risks and minimize negative impacts on the economy.

5. Legislation

Law making

In 2021, the SBV continued to focus on improving the institutional framework for banking operations. Specifically,

the SBV, in accordance with its authority, developed, issued and submitted to competent authorities to Issue 32 legal documents including 02 Government's decrees, 02 Prime Minister's decisions, 28 Governor's Circulars, providing legal foundation for: **(1)** Implementing policies to support individuals and businesses affected by COVID-19 pandemic under the direction of the Government; **(2)** Strengthening and enhancing banking supervision operation; **(3)** Improving regulations on organization and operation of credit institutions; **(4)** amending regulations on foreign exchange, gold, payment, etc. On the other hand, in 2021, the SBV has evaluated the implementation of Resolution No. 42/2017/QH14 on pilot resolution of non-performing loans of credit institutions and Directive No. 32/CT-TTg dated July 19, 2017 of the Prime Minister. The SBV proposed the Government to propose 02 options: **(i)** Developing a Law on non-performing loan resolution with simplified procedures or **(ii)** Extending the validity duration of Resolution No. 42/2017/QH14.

Legal documents issued in 2021 improved the banking legal framework, better enabling a timely and effective implementation of policies that support individuals and businesses in difficulties due to the COVID-19 pandemic; better strengthening the state management in the monetary and banking sectors, laying an important legal foundation for the SBV to manage monetary policy, ensure safety, and accelerate the process of restructuring and improving the soundness of the credit institution system.

Review and organization of banking legal documents

In 2021, 41 legal documents was reviewed; 19 documents was completely invalidated and 29 documents was partially invalidated.

Law enforcement in the banking sector

In order to improve the effectiveness of banking law enforcement, the SBV has focused on the following tasks: **(1)** Regularly updating and monitoring the implementation of newly issued legal documents including 16 decrees and 02 decisions of the Prime Minister; evaluating and reviewing the implementation of 10 laws, 01 ordinance, 02 resolutions, 01 project and 09 decrees; **(2)** Monitoring law enforcement by thematic issues in order to propose issuance of guiding documents or amendment, supplements or promulgation of new legal documents to



Legislation and law enforcement continued to be strengthened to improve the legal framework for monetary and banking operations, contributing to the enhancement of state management efficiency as well as improving transparency and unification of the legal system for banking sector.

meet management requirements, thereby improving the consistency and transparency of the legal system.

6. Issuance and vault operation

Cash issuance and regulation

In 2021, the SBV's cash regulation encountered various challenges in the context of complicated pandemic and the social distancing requirement was applied in many localities for a long time. Based on the cash demand forecast of the economy and the need to replace unqualified money for circulation, the SBV planned money printing for 2021, thereby, maintaining reserves in the whole system at a safe and efficient level. At the same time, based on the situation of revenue, expenditure, and balance of funds, the SBV was proactive in cash regulation, promptly met the needs of localities in terms of value and denomination structure during the high demand in Lunar New Year. The cash supply for credit institutions and the State Treasury in localities was well performed by the SBV's branches to timely serve cash demand for local socio-economic development. In addition, the SBV continued to promote the collection and exchange of unqualified cash in circulation, requesting its units to pay more attention to inspection and supervision for this activity in order to improve the quality of cash in circulation. As a result, the amount of unqualified cash in circulation to the system for the whole year increased by 16 percent compared to 2020.

Vault safety operation

In 2021, the SBV continued to improve the legal basis and efficiency of vault operation and ensured regulations to meet practical requirements. Accordingly, Circular No. 19/2021/TT-NHNN dated November 24, 2021 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 01/2014/TT-NHNN regulating delivery, preservation and transportation cash, precious assets and valuable papers was issued. Regular and ad-hoc inspection of the SBV branches in provinces, cities and credit institutions was strengthened to ensure safety in monetary and vault operations. The discipline in administration and compliance with regulations on vault safety operation was paid attention. The inspection by SBV and internal inspection of credit institutions were enhanced including specific sanctions for cases of violations.

“

Effectively implement issuance and vault operation, ensuring safety for the system and monetary security.

Counterfeit money prevention and protection of the national currency

The SBV promptly analyzed, evaluated, informed and warned about new types of counterfeit money in the banking system, closely coordinated with functional units to exchange information, training skills to distinguish counterfeit money and submitted to the Government for approval of a Decree on prevention of counterfeit money to protect Viet Nam's national currency to ensure the legal basis and strengthen coordination among relevant ministries and agencies.

7. Payment operation and digital transformation

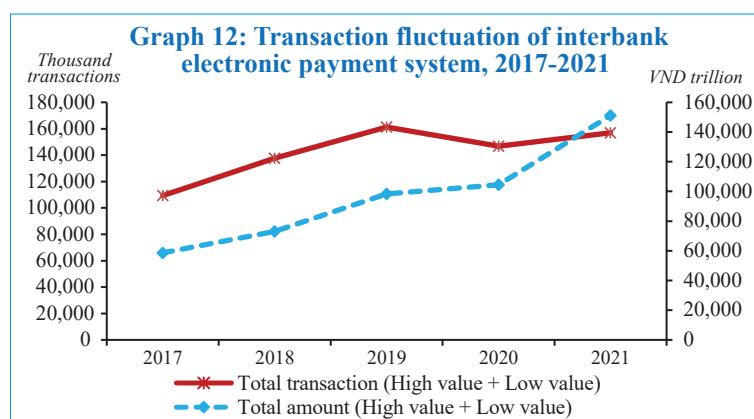
Payment system modernization

Interbank electronic payment system

The interbank electronic payment system operated stably, with transaction scale and quantity increasing more and more, meeting the needs for payment and money transfer of member units as well as promoting quick, convenient, accurate, safe and secured payment. As of end-2021, the interbank electronic payment system had connected with 302 member units under 101 members participating in the system, including: 64 member units of the State Treasury, 64 member units of the SBV and 174 member units under 99 member credit institutions. The total number of transactions via the interbank electronic payment system reached 157 million with the value of VND 151.2 quadrillion (increased by 6.9 percent and 44.57 percent y-o-y, respectively).

“

The payment system continued to be modernized with stable, safe, convenient, and secured operation, well serving the need for payment in the economy.



Source: SBV

Financial transaction clearing and switching system

In 2021, the electronic clearing and switching system for financial transactions operated smoothly. About 2.29 billion transactions valued VDN 24.61 quadrillion were processed, an increase by 82.56 percent and 128.31 percent, respectively as compared to 2020. In addition to the electronic clearing and switching system, from the beginning of July 2020, Viet Nam National Payment Joint Stock Company (Napa's) officially launched the Automatic Clearing House (ACH), which accommodates 24/7 continuous operation, multi-channel and multi-facility transaction processing to serve the needs of money transfer, retail payment transactions and payment for utility services. In 2021, the ACH System handled 24.06 million transactions with a value of 455.88 trillion VND (an increase of 610.45 percent and 747.80 percent respectively compared to 2020).

Card payment activities

As of end-2021, 20,404 ATMs, 323,572 POS, over 90,000 active QR code payment acceptance points and more than 119 million cards have been in circulation nationwide. The number of transactions via POS reached about 410.56 million with a value of about 704.51 trillion VND, an increase of 13.35 percent and 13.78 percent, respectively compared to 2020; the number of transactions using bank cards achieved about 502 million with a value of about VND 1,055 trillion, up by 25.7 percent and 21.16 percent respectively compared to 2020; the number and value of transactions via ATM tended to decrease gradually, reaching about 949.27 million with a value of more than VND 2.7 quadrillion, equivalent to a decrease of 7.57 percent and 2.76 percent compared to 2020, respectively.

Payment via electronic payment channels

In 2021, payment using electronic payment channels maintained a high growth rate with the participation of 81 payment service providers that offered their services via the internet and 47 institutions utilized mobile phone channel. The number of transactions via the internet was almost 707.38 million with a value of VND 36.77 quadrillion, up by 48.8 percent and 32.6 percent, respectively compared to 2020; 2.08 billion transactions

conducted via mobile phone worth over 23.6 quadrillion, up by 76 percent and 87.5 percent respectively compared to 2020; and 23.59 million transactions using QR code channel at a value of VND 21.69 trillion (up 45 percent and 125.5 percent respectively compared to the end of 2020).

In addition, to promote electronic payment for public services, the SBV directed the entire banking sector to actively implement many solutions to promote electronic payment for public services. In September 2020, Napa's as a clearing and switching unit, completed the connection with the National Public Service Portal that enables customers of 40 member banks to make online payments. After more than 20 months of implementation, over 675,000 online payment transactions worth over 1,000 billion VND were conducted for 06 service groups: (1) Fees and charges; (2) Household and individual tax; (3) Administrative violation penalties in road transport; (4) Health insurance and social insurance; (5) Electricity bills; (6) Court fee advance. To date, on average, about 80,000 payment transactions equivalent to more than 150 billion VND are performed monthly.

Promotion of digital transformation in banking activities to provide innovative, safe and convenient products and services to customers.

The SBV studied to issue and implement a number of important policies to promote digital transformation in the banking sector such as: (1) Submitting to the Government and the Prime Minister for the issuance of: Scheme on non-cash payment period 2021-2025 (Decision No. 1813/QD-TTg dated October 28, 2021), Decision on piloting the use of telecommunications accounts to pay for goods and services of small value (Mobile-Money) (Decision No. 316/QD-TTg dated March 9, 2021); (2) Issuing regulations on card issuance by electronic method - eKYC²¹; Directive No. 02/CT-NHNN dated January 13, 2022 on promoting digital transformation and ensuring information security and safety in banking activities; (3) Issuing Decision No.

²¹ Circular No. 17/2021/TT-NHNN dated November 16, 2021 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 19/2016/TT-NHNN on bank cards. In 2020, the SBV issued Circular No. 16/2020/TT-NHNN guiding the opening and usage of payment accounts by electronic methods.

810/QD-NHNN dated May 11, 2021 approving the Banking Sector Digital Transformation Plan towards 2025 with orientation to 2030, with the approach that people and customers are the central of actions, the digital transformation activities of credit institutions are associated with increasing utilities, customer experience and providing products in the way of process automation and professionals optimization; (4) Establishing a Steering Committee on Digital Transformation of Banking Sector chaired by the Governor of the SBV (Decision 1977/QD-NHNN dated December 10, 2021).

In 2021, 95 percent of commercial banks developed and implemented the strategy on digital transformation, among which many banks achieved over 90 percent of transactions on digital channels. The 4.0 technologies (artificial intelligence - AI, Machine Learning - ML, Big Data, blockchain, etc.) were studied and deployed in many professionals activities. Many operations were completely digitized (savings, term deposits, opening and usage of payment accounts, bank cards, e-wallets, money transfer, human resource management, accounting – finance. etc.). Banks continued to strengthen their cooperation with suppliers of goods, service and public services to establish a digital ecosystem, thereby providing a seamless and convenient service experience to customers. The opening of eKYC online accounts were implemented in the end of March 2021 and by the end of December 2021, 24 banks officially opened eKYC payment accounts with about 3.37 million active payment accounts. Many banks focused on enhancing capacity in information security for digital transformation (data loss and disclosure prevention, quick response to network security incidents, awareness of human resource safety and security, connected devices security, network attacks prevention, etc.)²².

Payment operations management and payment systems oversight

The management of payment activities and oversight of payment systems of the SBV focused on

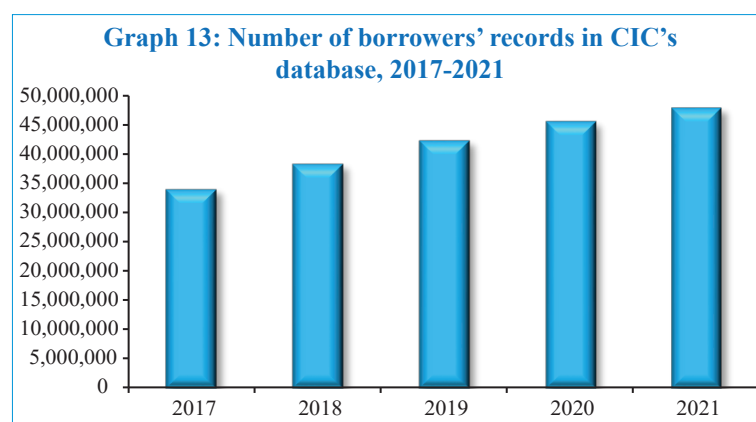
²² 80 percent of banks were ready for information security readiness for digital transformation.

the following tasks: (1) Daily online monitoring and overseeing the National Interbank Electronic Payment System; (2) Regularly monitoring the operation of ATM and POS systems through various channels; (3) Periodically monitoring other important payment systems such as: Foreign currencies payment system, Securities transaction payment system, clearing and financial transaction switching systems; (4) Strengthening the supervision of payment intermediary service provision to ensure the safety and efficiency of the payment system. In addition, in order to promote innovative solutions while ensuring risk control, maintaining financial stability, and protecting consumers, the SBV submitted to the Government for the promulgation a Decree on Non-cash payment and approval of proposal on developing a Decree on a Sandbox of Fintech in banking sector.

8. Credit information

Credit information operations continued to be maintained stably, actively supporting the direction and management of monetary policy and banking activities; contributing to speeding up the digital transformation of the banking industry; affirming the position, role and significance of credit information in Viet Nam's financial infrastructure, creating momentum to support the post-pandemic economic growth recovery, and contributing to the overall development of the country.

Development of national credit information database



Source: the SBV

CIC continued to maintain the traditional data source from 100 percent of credit institutions, 1,181 PCFs operating in 57 provinces/cities, 04 official microfinance

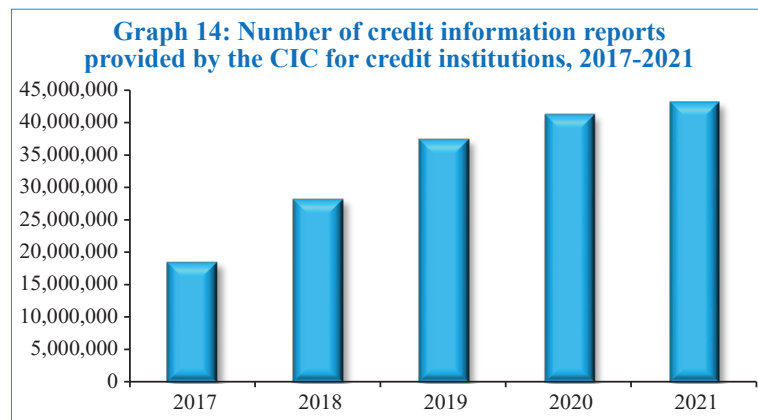


Effectiveness enhancement in the operations of Viet Nam's National Credit Information Center contributed to information transparency and ensure system safety in banking activities.

institutions and 51 voluntary organizations participating in credit information activities; actively expanding the collection of alternative information from non-banking sectors agencies, retail companies, etc. In 2021, credit information coverage continued to be improved, increased more than 2.8 million of customer loan records compared to that disclosed in 2020, increasing the total number of customers in the national credit information database to over 47.9 million of customers (over 11.4 million of new loan applications).

Provision of credit information

CIC provided timely information for the direction and management of the SBV, facilitated the advising, inspection and supervision of banking operations of functional units (providing information of more than 1 million customers to units, agencies, and branches of the SBV in provinces and cities, an increase of 46 percent compared to 2020.) At the same time, CIC provided high-quality credit information services to credit institutions (providing over 43.2 million of credit reports and value-added products such as credit ratings, credit scoring; information and data packages for credit institutions for risk management and Basel II compliance purposes with an automation rate of 87 percent).



Source: SBV

In addition, CIC promoted direct service to borrowers through the Borrower Connection Portal (on website and smartphone application platform). After the CB 2.0 credit scoring model was completed, CIC's borrower credit information product was updated, added information such as credit scoring, credit relationship

information, collaterals, etc. As a result, in 2021, CIC provided almost 113.9 thousand exploits of credit information reports to borrowers through the Borrower Connection Information Portal.

At the same time, in order to support credit institutions to reduce operating costs, contributing to reducing loan interest rates, facilitating for people and businesses to access credit, and share difficulties with customers affected by the COVID-19 pandemic, CIC continued to effectively implement the following solutions: (1) Reducing twice the price of products and services; (2) Providing free information and credit reports to VBSP in order to support their lending programs to pay salaries to employees with job termination due to the impact of the COVID-19 pandemic; (3) Promptly guiding credit institutions to report information about the borrowers with debt restructuring without changing loan category in accordance with circulars on credit institutions and foreign bank branches' restructuring of loan repayment terms, exemption or reduction of interest, fees, and keeping loan categories unchanged to support customers affected by the COVID-19 pandemic.²³

Applying new technology in business activities

To implement the Banking Sector Digital Transformation Plan to 2025, with an orientation towards 2030, the CIC issued Decision No. 296/QD-TTDD dated December 28, 2021 on the CIC's Digital Transformation Plan to 2025, with an orientation towards 2030, focusing on researching, improving the performance of credit information database, improving the quality of input data collection and processing in order to improve the quality of information and finding solutions to increase data processing speed. In 2021, CIC continued to successfully implemented the information provision methods (Host to Host) with credit institutions (the number of reports through This method increased by over 6 percent compared to 2020;) at the same time, the CIC actively supported credit institutions to transform and exploit information, promoted consulting and supporting credit institutions on the new information supply channel.

²³ Circular No. 01/2020/TT-NHNN dated 13/3/2020; Circular No. 03/2021/TT-NHNN dated April 2, 2021; Circular No. 14/2021/TT-NHNN dated September 7, 2021 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 01/2020/TT-NHNN.

9. Communication and information transparency



Information and communication activities continued to achieve important results, becoming increasingly proactive and professional, creating the confidence of businesses and people in monetary policy management and banking activities, making a positive contribution to the overall performance of the industry.

Communication activities of the SBV continued its focus on such assignments as: (1) Strengthening state management of communication in the banking system; (2) Propagating guidelines and policies of the Party, the State and the Government on monetary policy management and banking activities, including policies to support people and businesses affected by the COVID-19 pandemic; (3) Responding promptly to concerning issues of the press, public and voters, contributing to improve public confidence; (4) Coordinating with related agencies/units in implementing social welfare activities of the banking sector, including supporting the prevention and control of COVID-19 and the Vaccine Fund; (5) Organizing efficient implementation of regulations on providing SBV statement and press release to ensure information transparency in accordance with the provisions of law and international commitments... In order to implementing information policy transparency and effectiveness, SBV focuses on developing communications campaigns before, during and following the implementation of new mechanisms/policies; besides, communication methods are regularly renewed and diversified. The SBV's portal focused on the task of information transparency in accordance with international commitments; provided official information of the SBV on operating mechanisms, policies, results and orientations related to the monetary - banking sector; well performed the role of integrating information into online public services of the SBV, actively supporting administrative reform and implementing e-Government.

Financial education programs such as “Good money, wise money”, “Smart kids”, “Smart money” and “Tay hom chia khoa” were constantly being innovated and diversified in both content and format, receiving positive feedback from the public and widespread to the community. These activities helped improve the public's access to banking products and services, prevent black market situation and at the same time, contributed to the implementation of National Financial Inclusion Strategy and the Government's projects such as the schemes on promoting non-cash payment, improvement of the accessibility of banking services for the economy, promotion of payment via banks for public services, etc...

Part III – Internal Governance

1. Internal audit

In 2021, the SBV continued implementing internal audit and control effectively according to Circular No. 06/2020/TT-NHNN dated June 30, 2020 regulating internal audit and control of the SBV. Accordingly, the SBV conducted internal audit and unannounced inspection 35 times at 32 departments, agencies and branches of the SBV. The audit emphasized on assessment of potentially risky areas (safety and security of information systems, management, inspection and supervision of credit institutions, especially the People’s Credit Fund, security of assets at vaults and funds, financial management, construction investment, assets procurement, etc.). In addition, the SBV continued to provide instructions to its units to efficiently perform their internal self-inspection and control in order to rectify existing shortcomings, supplement and improve internal processes and regulations, improve its efficiency and effectiveness in management and administration; ensure applicable laws and regulations compliance, operate in thrift and anti-iste manner; enhance SBV’s safe and effective operations.

2. Human resources and trainings

Headcounts and staffing

The SBV continued its review and adjustment of organizational structure in a streamlined and efficient manner, focusing on the following issues: **(1)** Review functions, tasks, powers and organizational structure of SBV’s units in order to arrange and amend for further improvement; **(2)** Actively coordinate with the Ministry of Home Affairs and related units to develop and finalize the draft decree of the Government defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the SBV (replacing Decree No. 16/2017/NĐ-CP) to submit the Government; **(3)** Issue a Decision defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the Information Technology Center of the VBSP.

Regarding headcount management, under the direction of Prime Minister on reduction of headcounts (a decrease of approximately 1.5 percent per year in the SBV’s

“

Internal audit and control continued to focused on issues with potential risks to enhance the quality and safety of the SBV’s operation.

“

The SBV’s organization continued to be structured in streamlined, efficient and effective manner in line with the Party and Government’s policies. The quality of human resources at unit level had been improved. Staff trainings

and capacity building were moving towards international practices and standards.

headcounts), based on the headcounts of civil servants and public employees assigned by the Ministry of Home Affairs, the SBV approved the plan to assign headcounts to the SBV's units as follows: (1) Regarding the headcounts of civil servants, departments and agencies at SBV Head Office and its 63 branches in provinces and cities, the SBV assigned headcounts to departments and agencies at the SBV's Headquarters and 63 branches in provinces and cities depending on the workload and complexity of the work; (2) Regarding public servant headcounts, the SBV approved the plan to provide employees and labor contracts to the non-business units of the SBV. The SBV proactively balanced the management and utilization of headcounts economically and strictly within the headcounts quota assigned by the Ministry of Home Affairs and without over-staffing; at the same time, developed an overall and detailed annual roadmap. As of end-2021, the headcounts of civil servants of the whole SBV's system downsided by 10.02 percent and the headcounts of public employees of the SBV's non-business units reduced by 10.08 percent compared to 2015, in accordance with the guidelines of the Party and Government. In addition, the SBV promptly issued documents on reduction of headcounts in the banking sector and instructed the whole system to strictly implement²⁴; promoted propaganda and comprehensive education to civil servants and public employees on the objective, opinion, meaning and requirement of civil servants and public employees reduction and restructuring in order to improve responsibility, unify awareness and action, building consensus in the implementation.

Regarding the recruitment of civil servants, the SBV focused on researching and developing recruitment plan following the Scheme on employment position of SBV units with an emphasis on innovation and improvement of recruitment quality. At the same time, in order to further improve the transparency and objectivity of the recruitment work and shorten time and costs of recruitment exam arrangements and meet the Government's administrative reform requirements, the SBV continued to emphasize on information technology

²⁴ Decision No. 1162/QĐ-NHNN dated June 02, 2016 of the Governor of the SBV improving the Project "Reduction of headcounts of the SBV, period 2016-2021"; Document No. 1498/NHNN-TCCB dated March 11, 2021 instructing the implementation of headcounts reduction policy in the SBV's units", etc.

application in recruitment work in form of computer-based multiple-choice exams; building a system of multiple-choice questions, interviews for all areas of general knowledge, concentration and major, with diversity of forms, types of questions, easy-to-difficult levels, and regularly updated and supplemented, etc.; exams results were publicly uploaded on the website of the SBV.

Regarding personnel utilization, the SBV focused on implementing the following solutions: **(1)** Reviewing, amending, supplementing, developing and submitting to the Governor for the issuance of new circulars, regulations on personnel management such as issuing Code of conduct for civil servants, public employees of the SBV, issuing Regulation on standards for management and leadership titles of the SBV's units; finalizing draft Regulation on decentralization of management, rotation, appointment, re-appointment, removal, resignation, dismissal, transfer, secondment, Regulation on quality assessment and classification of civil servants, public employees under the management of the SBV, etc...; **(2)** Continuing to research, develop and apply advanced human resource management tools, apply information technology and improve working methods of the SBV's staff.

Training and retraining

The implementation of the 2020 Training and Retraining Plan ensured the required progress, met practical needs and followed the principle: “*job-based position requirements*”. The training courses were designed in accordance with reality, were organized in a timely manner, thereby receiving the support and high appreciation of students and the SBV heads of departments. In 2020, the SBV's training and retraining activities was kept being promptly adaptive to the COVID-19 pandemic through enhancing online training, promoting the application of information technology in training and development, development and maintenance of new forms of training such as online video conference system, E-learning and virtual classrooms. In 2021, the SBV organized 84 training courses; the total number of cadres, civil servants and officials was 5,564 turns of students within 723.5 training days. Training programs were standardized with clear objectives, suitable training subjects, closely linked with competency frameworks, job positions and human resource development requirements in banking sector. At the same time, the SBV focused

on mobilizing, cooperating and taking advantage of international support financial resources for training and retraining activities through cooperation programs and projects with IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA, SECO, ATTF-Luxembourg, GIZ, etc.

3. Scientific research work

The SBV chaired and implemented 05 state-level projects; approved and implemented 18 scientific research tasks at ministerial-level; 06 scientific research tasks at elementary level, focusing on the following issues: (1) Improving the legal framework for the management and administration of banking operations; (2) Researching scientific and practical arguments to support the operation of monetary policy, credit and exchange rate; (3) Modernizing banking governance and strengthening the soundness of the credit institution system; (4) Researching to support the objective of improving the efficiency and effectiveness of banking inspection and supervision activities; (5) Strengthening research and development of application of modern banking technology in operation management and development of banking services; (6) Other research contents to support the operation of banking system.

In 2021, given the influence of the COVID-19 pandemic, the SBV organized 01 sectorial level scientific conference on “Consumer protection used financial services - International and practical experience in Viet Nam” and 01 online scientific talk show “Experience in implementing RegTech, SupTech and recommendations to Viet Nam” in coordination with Trade and Investment promotion Agency under the Ministry of Entrepreneurship, Trade and Innovation of Ireland. The contents discussed at the seminars focused on exploiting new problems posed to the banking sector, originating from the practical requirements of the SBV’s policy management with high applicability, contributed to accomplish the banking sector objectives.

4. Statistical work

In order to improve the quality of statistical data, the SBV focused on urging, checking and guiding credit institutions to make statistical reports to ensure accuracy, timeliness and completeness for analysis, forecasting and management of monetary policy. In addition, the SBV stepped up the rectification and handling of violations,



Scientific and technological activities of the banking sector continued to closely follow the goals and tasks set for the banking sector and made significant contributions to theoretical and practical research for the operation of the banking sector.



Statistical work of the SBV continued to be enhanced and developed, contributing to the direction and administration.

ensuring discipline in the process of implementing regulations on statistical reporting.

The SBV continued to officially carry out online monetary statistical surveys, timely completed and ensured the quality of the carried out its works including Monthly Inflation Expectations, Quarterly Business Trends, Periodic Credit Trends every 6 months for credit institutions; pilot survey of inflation expectations for economists on a quarterly basis. The survey results were timely for analysis, forecasting, planning and administration of monetary policy and management of banking operations. In addition, the SBV has continued to compile, update the information and data base on macroeconomics, domestic and international financial markets, contributing to the analysis, planning and administration of monetary policy.

5. Information technology

Strengthening the state management of information technology

The SBV issued many guiding documents to gradually improve the legal framework on information technology activities; to standardize information technology activities according to international standards, practices and government regulations. In particular, in the context of the COVID-19 pandemic, the SBV directed units in the whole banking sector to proactively develop and implement response plans, ensuring the safe maintenance of IT-based operations and promote cashless payment services on the cyberspace, meeting the requirements in the new situation. Facing complex cyber security developments, the SBV synchronously implemented many policies and solutions, combined with strict inspection and supervision of the IT system; organized rehearsals of risk situations close to actual operations and implement risk treatment plans to ensure safety for information systems at each level. As a result in 2021, the banking industry did not have any cybersecurity incidents and was evaluated by the Ministry of Information and Communications as one of the ministries and branches that did a good job in ensuring network information security.

Development and modernization of the SBV's information technology system



Strengthening the state management of information technology, promoting IT development and modernization, ensuring system security and safety.

In 2021, in the context of complex pandemic developments, the SBV implemented many solutions to support online working and document processing on the Edoc system via the Internet; implement a stand-by plan to ensure continuous operation of the SBV's information technology systems. Accordingly, the whole IT infrastructure and operational information systems of the SBV are maintained and operated to ensure continuous and safe operation, meeting the SBV's professional requirements such as the core banking system, accounting and budgeting, Reporting system and Centralized Data Warehouse, Treasury and Issuance Management system, interbank payment system (IBPS), SWIFT payment system... As a result, in 2021, the IBPS correctly and safely handled nearly 160 million transactions VND with the total amount of more than VND 151,000 trillion (increased by 6.9 percent in quantity and 44.6 percent in value compared to 2020), settled approximately 28,000 foreign currency with the total value about USD 69 billion (increased by 1,002 percent in quantity and 1,138 percent in value compared to 2020). Through OMO system, 251 bidding sessions were done, supporting the SBV management operation requirement. The Reporting System and Data Warehouse received about 11,000 reports per day (33,499 reports a day at peak time) from nearly 130 credit institutions headquarters, 1,181 People's Credit Funds, 63 municipal and provincial SBV Branches and microfinance organizations, thereby provided timely data for the day-to-day management of banking operations of the SBV.

In addition, in order to push-up the application of Industry 4.0 technologies, the SBV continued to promote the research and application of new technologies into the actual operations to automate operations, and continuously monitored the SBV's IT infrastructure, early detected risks and minimized disruptions to the operation of information systems such as: piloting an automatic monitoring and management system for the IBPS based on big data and AI technology; pilot studying facial recognition technology for the SBV's single sign-on system; robotic researching for operational automation; studying ISO 20022 telegram standard for the IBPS...

Part IV – International Cooperation

In 2021, the SBV's international cooperation activities continued to be effectively implemented amidst continued complicated developments of COVID-19 and virtual platform being employed by most of cooperation activities. International cooperation in the banking sector recorded numerous remarkable highlights, the SBV continued to focus on developing and advancing relations with international partners, enhancing mobilization of financial and technical resources that provide counsels to the SBV and Viet Nam, thereby positively contributing to stabilization of macroeconomic conditions, promoting integration process and advancing national position in the international arena.

1. International economic integration

In 2021, the SBV continued to focus on promoting traditional friendship and comprehensive cooperation in the banking sector between Viet Nam and member countries of the ASEAN, ASEAN+3, APEC, WTO, SEACEN... thereby contributing to strengthening regional and international monetary-banking cooperation. In addition to cooperating with central banks of ASEAN countries to promote and effectively implement traditional cooperation subjects, the SBV also demonstrated a leading role in proposing new cooperation initiatives on pressing issues and topics that are drawing attention regionally and the globally, such as green banking and sustainable development. At the 2021 ASEAN Finance Ministers and Governors Meeting (AFMGM), the Sustainable Banking Principles initiative proposed and developed by the SBV was endorsed with consensus and appreciation of leaders from ASEAN countries, contributing to advancing Viet Nam's image and reputation in the multilateral cooperation forum. This was one of the important initiatives to realize of the ASEAN member countries' the common commitment to transition towards sustainable development.

Within the framework of ASEAN+3, cooperation activities were not limited to the existing cooperation frameworks, but expanding continuously to enhance the readiness of the Chiang Mai Initiative Multilateralization (CMIM) with a view to being able to promptly assist member countries. After the revised CMIM Agreement took effect,

“

*More inclusive
integration into
global and regional
economy*

in 2021 the SBV proactively coordinated with the ASEAN+3 Macroeconomic Research Organization (AMRO) to amend and finalize Guidelines for Implementation of CMIM agreement serving as the basis for realization of local currency swap process in order to meet the member countries' demand for liquidity support in local currencies.

In capacity as Chairman of SEACEN for 2021-2022, in 2021, the SBV started to take over the role of host person for important SEACEN events, such as the SEACEN Board of Governors Meeting (BOG) and sideline high-level conference with the topic of financial system digitalization that took place in December 2021.

Within the WTO framework, the SBV actively researched and provided suggestions to continuously improve legal framework, thereby creating a solid basis for effective banking sector integration. The SBV coordinated with relevant ministries to prepare and provide information for the second Trade Policy Review session within the framework of the Agreement establishing the WTO. The large number of questions and the active participation of WTO members at the Review session showed their great interest in Viet Nam's trade and investment policies. At the same time, the SBV actively participated in discussions and assessments on economic-financial developments, policy responses of countries to consult and propose appropriate policy measures, thereby contributing to the promotion of multilateral economic cooperation, service market expansion, and strengthened regional and international monetary-banking cooperation at multilateral forum.

The SBV continued to proactively participate in the process of negotiating, signing and implementing free trade agreements (FTAs) including contents related to the banking sector (such as negotiating UK's accession to CPTPP, approving the ASEAN FTA (ATISA); developing implementation plan for FTA between Viet Nam and the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland (UKFTA) and monitoring and implementing issued action plans: those of CPTPP, EVFTA, and VUKFTA to name a few. Besides, the SBV also actively participated in the negotiation process to upgrade the signed FTAs, such as the ASEAN - Australia - New Zealand FTA (AANZ), to further enhance the benchmarks of international commitments related to integration process. The expansion of partnerships with FTA partners has been an important

factor to the deepened cooperation in banking and finance sector, creating a status of intertwined interests, expanding the market, taking advantage of capital, technology, knowledge and managerial experience for diverse and sustainable development of the Viet Nam's banking sector.

2. Cooperation with international financial and monetary institutions

The SBV continued to well undertake the representative role of the Government of Viet Nam at such international financial and monetary institutions as the IMF, WB, ADB, AIIB, IBEC, and IIB through maintaining and developing cooperation, enhancing consultation, policy communication, thereby tightening relations with these international organizations.

The year 2021 was the time when international monetary and financial institutions developed and implemented many new and important policies for member countries. In capacity as representative agency of the Government at those institutions, the SBV actively researched, proposed and expressed perspectives on new policy orientations; reported to the Prime Minister and proposed appropriate policy measures for Viet Nam in order to contribute to the harmonization of donors' policies in line with socio-economic development policy priorities of the Government. In addition, amidst COVID-19 pandemic, the SBV actively participated in policy dialogues among Central Banks/Ministries of Finance of other countries and international organizations to consult, share relevant experiences and update policy measures of other countries with the purpose of obtaining policy spillover and resonant effect for the region.

In relation with the IMF, the SBV continued to work closely with the IMF Office in Viet Nam and the SEAVG Group Office to exchange, update information and data, and actively participated in the IMF's activities. In the context of COVID-19 spreading over the world, the IMF has continuously developed forecasting reports and economic scenarios relating to the pandemic, thereby providing policy advice to the Government, the SBV and other ministries and agencies on the solutions to the economy, fiscal, banking and monetary issues. The SBV actively coordinated with the IMF in developing and implementing the Emergency Capital Increase for its members. Accordingly, the IMF allocated additional SDRs worth USD 650 billion to member countries to provide financial support in response to the crisis caused by the COVID-19 pandemic. In addition, the SBV also proactively coordinated with relevant ministries to

“

Enhancing cooperation and strengthening position in international financial and monetary institutions

work with the IMF's Staff Visit and proposed, mobilized and received new technical assistances from the IMF in the areas of statistics, monetary policy, financial sector stabilization, etc.

In relation with the BIS, 2021 was marked as the first year Viet Nam being an official member of this organization. The SBV developed and implemented an Action Plan to join and cooperate with the BIS in its activities and affiliated committees. Every 2 months, the SBV's Governor joined with the Governors of other BIS member central banks in a meeting to discuss and share information, views and experiences on economic developments, currencies of countries, and emerging issues which have impacts on the monetary and financial operations such as central bank digital currency (CBDC), climate change, digital assets, Defi, green finance, monetary policies to cope with the impact of the Covid pandemic, and the impacts of geopolitical tensions on global and regional monetary and banking activities. Besides the Governors' activities, the SBV has also actively participated in research and exchange with committees and units under the BIS such as the Irving Fisher Committee, and participated as a founding member of the BIS Innovation Hub, the Asian Consultative Council (ACC), and the Asian Research Network (ARN), etc.

In relation with the AIIB, in 2021, Viet Nam continued to affirm its role as a responsible member of the AIIB's Board of Directors, actively participating in the bank's governance, representing the voice of the Country group, and also acted as a bridge to promote cooperation between Viet Nam and the AIIB. Amid the ongoing COVID-19 pandemic, Viet Nam and the other members of the Board of Directors requested the AIIB Leadership to study and finalize the draft Interest Rate Reduction Mechanism to support underdeveloped member countries, while ensuring that it exerts no further pressure/influence on the performance of existing activities of the Bank. Receiving a high appreciation by the AIIB's Board of Directors and Leadership, in the current term, the Vietnamese representative was also elected as the Vice Chairman of the AIIB's Audit and Risk Committee, directly participating in the control, regulation and supervision of the AIIB's implementation of regulations on audit, risk management, portfolio quality/credit quality management, and capital adequacy level, etc.

In 2021, the AIIB approved a loan of USD 95 million, which was co-financed by the AIIB and Natixis Bank, for the refinancing of the 125 MW Dakdrinh Hydropower Plant Project. This project was a remarkable step to open up the AIIB's funding for Viet Nam, helping to

meet energy development needs without adding burden on public finances since the project was run by private sector; and provide opportunities to support renewable energy development while improving environmental and social standards in the solar energy sector in Viet Nam.

In relation with the WB, in 2021, the SBV mobilized and signed to receive the 02 technical assistance projects (1) “*Viet Nam Scaling up Energy Efficiency for Industrial Enterprises Project*” worth about USD 11.3 million and (2) “*Investigation on the use of time fund*” worth about USD 520,000; and the Project on Strengthening Community Preparedness and Response for the COVID-19 pandemic and Other Infectious Diseases worth approximately USD 2.75 million. Moreover, the SBV signed a Cooperation Agreement between the SBV and the International Finance Corporation (IFC) on Enhancing Women’s Leadership in the Banking Industry, worth about USD 335,000, to promote the role of female leaders in the Banking industry by recognizing outstanding female leaders with influential initiatives and to build a learning and sharing platform for good practices on gender equality among banks in Viet Nam; and also signed a Memorandum of Understanding (MOU) between the SBV and the German Sparkassenstiftung for International Cooperation (DSIK) on cooperation for the period 2021-2024 as a basis for DSIK to support and coordinate with the SBV to perform a number of tasks set out in the National Financial Inclusion Strategy to 2025, with a vision to 2030. Currently, the SBV was implementing technical assistance “*Strengthening the Development and Soundness of the Banking Sector in Viet Nam*” funded by the State Secretariat for Economic Affairs (SECO) and entrusted through the World Bank with a value of about USD 7.2 million in order to strengthen the development and soundness of the banking sector, handle existing and structural limitations in the banking system, aiming to meet international standards and contribute to macroeconomic - economic stability; provide technical support on comprehensive finance and anti-money laundering, funded by the Korea Trust Fund (KTF) and entrusted through the World Bank with a value of USD 850,000, focusing on supporting the SBV to strengthen payment and microfinance, implement, monitor and evaluate the National Financial Inclusion Strategy, and update the National Risk Assessment on Anti-Money Laundering and Terrorism Financing.

In relation with the ADB, the SBV cooperated with the ADB to implement the technical assistance Project “*Support*

to reduce the impact of the COVID-19 pandemic for women-led small and medium sized enterprises” funded by the ADB with a value of USD 5 million and the technical assistance Project “Promoting gender equality reform program in the Asia-Pacific region” worth 4 million USD; and continued to carry out other technical assistance activities in green finance, Fintech, financial inclusion, etc. The SBV had been proposing the ADB to provide technical assistance resources to develop financial products for chain lending, green finance and green bonds. In addition, the SBV coordinated and supported the ADB to promote investments in the private sector such as developing procedures and authority to Issue Letters of Objection/Non-Objection to private sector activities of international financial institutions in Viet Nam, and to consult with local authorities to seek investment cooperation opportunities and finalize the National Partnership Strategy for the period of 2022-2025 for the private sector, without the Government’s guarantee.

In relation with IIB/IBEC, the SBV continued to well implement the role of supervision and general management of IIB/IBEC’s activities and actively participated in the reform efforts of these two banks. The SBV has involved in the processes of policy making, operation orientation, internal regulation development, loan approval, investment activities and other important activities of IIB/IBEC, thereby helping IIB/IBEC achieve the set strategic goals and bring IIB/IBEC’s activities more and more in line with modern international practices. Moreover, in 2021, the SBV continued to undertake its role as the focal point to coordinate with relevant agencies to implement Viet Nam’s capital contribution to IIB pursuant to the Capital Increase Program for IIB for the 2018-2022 period. The SBV had always been bringing high expertise into its involvement in IIB/IBEC activities, demonstrating the role and responsibility of a shareholder country to these two banks and actively contributing to the improvement of quality and development of the two banks’ operations, while contributing to promoting cooperation between Viet Nam and IBEC/IIB as well as enhancing Viet Nam’s position in the two banks and the international community.

3. Bilateral cooperation

In line with the Party and Government’s orientation and direction on strengthening international integration, in 2021, the SBV, despite being subject to impact by the complicated developments of COVID-19 pandemic,



*Bilateral
cooperation*

continued to promote bilateral cooperation with different partners in multiple regions, initiated cooperation activities within working groups/taskforces, developed and deepened cooperation with traditional and strategic partners (Laos, Cambodia, China, Thailand, Korea, and Russia), highlighted by the performance of the Working Group between the SBV and BOT on cooperation in creating an interoperable payment linkage in the retail sector using the technology of quick response code (QR code). Specifically, the interoperable QR Code for retail payment linkage between Viet Nam and Thailand was launched at the end of March 2021, creating a convenient and safe payment channel for the people of the two countries when traveling, either to Viet Nam or Thailand.

continued to be strengthened and promoted. strengthened and promoted.

Regarding international memorandums and agreements, up to now, the SBV signed 82 Memorandums of Understanding (MOUs)/Memorandums of Agreement (MOAs) with central banks and banking supervisory authorities. These MOUs/MOAs have laid down the important foundation for promoting cooperation between the SBV and central banks, monetary and banking authorities in areas of mutual interest, such as banking supervision, settlements and payments, human resource capacity building and financial innovation.

In the relation with the important partners, the SBV had actively been the focal point connecting relevant Ministries with the US Treasury in the technical discussion on the “*Macroeconomic and FX policies of major trading partners of the United States*” report published by the US Treasury and the investigation of currency undervaluation under Section 301 of the Trade Act of 1974 initiated by the United States Trade Representative (USTR). In dialogue with the relevant US agencies, the SBV always affirmed its consistent policy of not using exchange rate policy to create unfair competitive advantages in international trade; and SBV’s management of monetary policy aimed to control inflation and contribute to ensuring macroeconomic stability.

Moreover, the SBV, through bilateral cooperation forums and committees between the Government and other countries, actively proposed cooperation aspects in the banking sector to establish a mechanism for exchanging information on legal frameworks and markets in order to facilitate and encourage commercial banks in Viet Nam to explore and establish connections and agent networks in foreign markets.

A graphic element consisting of a light gray rounded rectangle with a blue shadow effect on its left and right sides. The word "APPENDIX" is centered within the gray area in a bold, black, serif font.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV*Unit: percent p.a*

Time	Refinancing rate	Rediscount rate	Overnight interbank lending rate
December 2020	4.00	2.50	5.00
January 2021	4.00	2.50	5.00
February 2021	4.00	2.50	5.00
March 2021	4.00	2.50	5.00
April 2021	4.00	2.50	5.00
May 2021	4.00	2.50	5.00
June 2021	4.00	2.50	5.00
July 2021	4.00	2.50	5.00
August 2021	4.00	2.50	5.00
September 2021	4.00	2.50	5.00
October 2021	4.00	2.50	5.00
November 2021	4.00	2.50	5.00
December 2021	4.00	2.50	5.00

*Source: The SBV***APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS**

Bid	2021
Number of sessions	251
Maturity (day)	7; 14; 91
Number of Bidders	34
Average bid volume per session (VND billion)	244
Average success volume per session (VND billion)	244
Interest rate (percent per annum)	2.5
Bidding method	Volume
Ask	2021
Number of sessions	-
Maturity (day)	-
Number of bidders	-
Average bid volume per session (VND billion)	-
Average success volume per session (VND billion)	-
Interest rate (percent per annum)	-
Bidding method	-

Source: The SBV

Note: In 2021, the SBV did not offer SBV bills, creating favorable liquidity conditions in the money market to support the economy during the COVID-19 pandemic.

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO (*)

Unit: percent

Effective time	VND DEPOSIT (**)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS (***)			
	Demand and less than 12 month deposits	12 month and up deposits	Demand and less than 12 month deposits	12 month and up deposits		
			Viet Nam's Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), Cooperative Bank	Other credit institutions	Viet Nam's Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), Cooperative Bank	Other credit institutions
5/2011	3	1	5	6	3	4
6/2011	3	1	6	7	4	5
9/2011	3	1	7	8	5	6

(*) Excluding PCFs, microfinance institutions apply the RR ratio of 0 percent for all types of deposits; policy banks apply the RR ratio according to the Government's regulations (which was currently 0 percent).

(**) Credit institutions with an average density of lending for agricultural and rural development of 40 percent and over may apply lower RR ratio than the above RR ratio as prescribed by the SBV on guiding the implementation of measures to operate monetary policy tools to support credit institutions to lend for agricultural and rural development (which was currently Circular No. 14/2018/TT-NHNN dated May 29, 2018).

(***) Credit institutions operating in Viet Nam calculate RR for deposits received from foreign credit institutions (credit institutions established and operating abroad) as of September 2011 (according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN) August 31, 2011).

(**) Deposits in VND and in foreign currencies of the core deposits subject to the RR are specified in: (1) Regulations on RR for credit institutions and guiding documents that are amended, supplemented before February 2020; (2) Circular No. 30/2019/TT-NHNN dated December 27, 2019 from March 2020 until now.

Source: The SBV

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD million

	2020	2021
A. CURRENT ACCOUNT	15,060	-3,811
Goods: Export F.O.B	282,629	336,311
Goods: Import F.O.B	251,921	318,613
<i>Goods (net)</i>	30,708	17,698
Services: Export	7,600	3,673
Service: Import	17,887	19,407
<i>Service (net)</i>	-10,287	-15,734
Investment income (Primary income): Receipts	1,428	982
Investment income (Primary income): Payment	16,245	17,079
<i>Investment income (Primary income) (net)</i>	-14,817	-16,097
Current transfers (Secondary income): Receipts	11,427	13,568
Current transfers (Secondary income): Payment	1,971	3,246
<i>Current transfers (Secondary income) (net)</i>	9,456	10,322
B. CAPITAL ACCOUNT	0	0
Capital account: Receipts	0	0
Capital account: Payment	0	0
C. FINANCIAL ACCOUNT	8,485	30,914
Direct Investment Abroad: Assets	-380	-300
Direct Investment in Viet Nam: Liabilities	15,800	15,660
<i>Direct Investment (net)</i>	15,420	15,360
Portfolio Investment Abroad: Assets	4	10
Portfolio Investment in Viet Nam: Liabilities	-1,260	271
<i>Portfolio Investment (net)</i>	-1,256	281
Other Investment: Assets	-8,436	-627
Cash and deposits	-8,447	-792
Credit Institutions	-5,687	2,141
Other sectors	-2,760	-2,933
Loans	0	0
Trade credit and advances	0	0
Other receivables/payables	11	165
Other Investment: Liabilities	2,757	15,900
Cash and deposits	397	8,851
Credit Institutions	141	8,331
Other sectors	256	520
Borrowing and repayment of external debts	2,360	5,439
Short term	4	2,637
Debt	26,925	33,283
Amortization	-26,921	-30,646
Long term	2,356	2,802
Debt	11,480	15,162
Government's debt	2,015	1,777
Private debt	9,465	13,385
Amortization	-9,125	-12,360
Repayment of Government	-1,826	-2,430
Repayment of Privatization	-7,98	-9,930
Trade credit and advance payment	0	0
Other receivables/payables	0	0
SDR	0	1,610
<i>Other Investment (net)</i>	-5,679	15,273
D. ERRORS AND OMISSIONS	-6,913	-12,813
E. OVERALL BALANCE	16,632	14,290
F. RESERVES AND OTHER ITEMS	-16,632	-14,290
Reserve assets	-16,632	-14,290
Claims on and borrow from the IMF	0	0
Special Finance	0	0

Source: The SBV

APPENDIX 5: VND/USD EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2021	Exchange Rate end-month			Average Exchange Rate in the month		
	Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank		Central reference Rate	Average Rate of Vietcombank	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	23,160	22,960	23,140	23,137	22,984	23,164
February	23,130	22,920	23,100	23,138	22,924	23,104
March	23,244	22,990	23,170	23,196	22,970	23,150
April	23,158	22,960	23,140	23,202	22,981	23,161
May	23,135	22,945	23,145	23,159	22,956	23,151
June	23,178	22,920	23,120	23,141	22,896	23,096
July	23,180	22,850	23,050	23,199	22,907	23,107
August	23,130	22,680	22,880	23,160	22,749	22,949
September	23,162	22,660	22,860	23,126	22,667	22,867
October	23,131	22,650	22,850	23,155	22,657	22,857
November	23,139	22,600	22,800	23,127	22,576	22,776
December	23,145	22,640	22,920	23,179	22,782	23,038

Source: The SBV, Vietcombank.

Note: Listed Exchange Rate was the amount of VND to exchange with 1 USD

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: VND Million/tael

2021	Gold Price end-month	Average Gold Price in the month
January	56.50	56.32
February	56.15	56.43
March	54.30	55.35
April	55.48	55.24
May	57.00	56.09
June	56.55	56.86
July	57.05	57.06
August	57.05	56.83
September	56.55	56.82
October	58.15	57.63
November	60.30	59.61
December	61.30	61.03

Source: The SBV

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: percent

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November
2017	Year to date	0.46	0.69	0.90	0.90	0.37	0.20	0.31	1.23	1.83	2.25	2.38
	Month on month	0.46	0.23	0.21	0.00	-0.53	-0.17	0.11	0.92	0.59	0.41	0.13
	Year on year	5.22	5.02	4.65	4.30	3.19	2.54	2.52	3.35	3.40	2.98	2.62
	Average year on year	5.22	5.12	4.96	4.80	4.47	4.15	3.91	3.84	3.79	3.71	3.61
2018	Year to date	0.51	1.24	0.97	1.05	1.61	2.22	2.13	2.59	3.20	3.54	3.24
	Month on month	0.51	0.73	-0.27	0.08	0.55	0.61	-0.09	0.45	0.59	0.33	-0.29
	Year on year	2.65	3.15	2.66	2.75	3.86	4.67	4.46	3.98	3.98	3.89	3.46
	Average year on year	2.65	2.90	2.82	2.80	3.01	3.29	3.45	3.52	3.57	3.60	3.59
2019	Year to date	0.10	0.90	0.69	1.00	1.50	1.41	1.59	1.87	2.20	2.79	3.78
	Month on month	0.10	0.80	-0.21	0.31	0.49	-0.09	0.18	0.28	0.32	0.59	0.96
	Year on year	2.56	2.64	2.70	2.93	2.88	2.16	2.44	2.26	1.98	2.24	3.52
	Average year on year	2.56	2.60	2.63	2.71	2.74	2.64	2.61	2.57	2.50	2.48	2.57
2020	Year to date	1.23	1.06	0.34	-1.21	-1.24	-0.59	-0.19	-0.12	0.01	0.09	0.08
	Month on month	1.23	-0.17	-0.72	-1.54	-0.03	0.66	0.40	0.07	0.12	0.09	-0.01
	Year on year	6.43	5.40	4.87	2.93	2.40	3.17	3.39	3.18	2.98	2.47	1.48
	Average year on year	6.43	5.91	5.56	4.90	4.39	4.19	4.07	3.96	3.85	3.71	3.51
2021	Year to date	0.06	1.58	1.31	1.27	1.43	1.62	2.25	2.51	1.88	1.67	2.00
	Month on month	0.06	1.52	-0.27	-0.04	0.16	0.19	0.62	0.25	-0.62	-0.20	0.32
	Year on year	-0.97	0.70	1.16	2.70	2.90	2.41	2.64	2.82	2.06	1.77	2.10
	Average year on year	-0.97	-0.14	0.29	0.89	1.29	1.47	1.64	1.79	1.82	1.81	1.84

Source: The GSO

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

Items	2020	3/2021	6/2021	9/2021	2021
Outstanding (VND billion)					
1. Total liquidity	12,110,606	12,349,751	12,647,703	12,879,090	13,402,097
2. Deposit of resident economic entities and individuals	10,772,685	10,923,915	11,243,611	11,422,349	11,882,371
3. Credit to the economy	9,192,566	9,463,868	9,784,937	9,917,032	10,444,078
Annual percentage change					
1. Total liquidity	14.53	1.97	4.43	6.35	10.66
2. Deposit of resident economic entities and individuals	14.90	1.40	4.37	6.03	10.30
3. Credit to the economy	12.17	2.95	6.44	7.88	13.61

Source: The SBV

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	Real GDP Growth (percent)	GDP Per Capita (VND thousand)
2013	4,473,656	5.54	49,602
2014	4,937,032	6.42	54,132
2015	5,191,324	6.99	56,288
2016	5,639,401	6.69	60,476
2017	6,293,905	6.94	66,753
2018	7,009,042	7.47	73,482
2019	7,707,200	7.36	79,881
2020	8,044,386	2.87	82,437
2021	8,479,667	2.56	86,083

Source: The GSO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2021

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Publishing and contents responsibility

Director - Editor-in-Chief

TRAN CHI DAT

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Editors: NGUYEN LONG BIEN

NGUYEN THO VIET

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG

TRẦN HỒNG MINH

Designer: NGUYEN MANH HOANG

TRAN HONG MINH

In 330 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ
Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4119-2022/CXBIPH/4-125/TTTT
Quyết định xuất bản số: 512/QĐ-NXB TTTT ngày 16/12/2022
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2022
ISBN: 978-604-80-7274-2

Printed 330 copies, size 20,5 x 29 cm, at Phu Thinh Printing and
Service Trading Co., Ltd
Add: B2-2-5-Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District,
Ha Noi City
Publishing Plan: 4119-2022/CXBIPH/4-125/TTTT
Publishing Decision: 512/QĐ-NXB TTTT dated 16/12/2022
Completed and Registered in December 2022
ISBN: 978-604-80-7274-2



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2021

ISBN: 978-604-80-7274-2



9 786048 107274 2



8 935217 111476 4

SÁCH KHÔNG BÁN